

D-CHINOIS

59

院 書 通 普 南 越

BIBLIOTHÈQUE ANNAMITE DE VULGARISATION

SỰ' DỤC SÁCH



(TOUS DROIT RÉSERVÉS)

GIÁ : 0\$40



1927

HỘI HỌC-GIỚI BẢO-TRỢ TỈNH NAM-DỊNH XUẤT BẢN



CÁC SÁCH

HỘI HỌC-GIỚI BẢO-TRỢ TỈNH NAM-ĐỊNH XUẤT BẢN

I. — SÁCH HỌC Ở TRƯỜNG SƠ-ĐẲNG

XXX. — Sách học đề thi bằng Sơ-Đẳng Yếu-Lược (<i>in lần thứ bảy</i>)	0 p.50
XXX. — Tân-quốc-Văn (<i>in lần thứ hai</i>)	0 , 20
Sách tỉnh đề thi bằng Sơ-Đẳng Yếu-Lược (250 bài đủ cả các thể) (cả hai quyển).	0 , 25
XXX. — Quốc-Văn (50 bài luận làm sẵn và 50 bài ám-tả) có chưa nghĩa chữ khó, có câu hỏi và giả nhời theo như phép thi	0 , 40
ĐÀO-VĂN-MINH và TRẦN-VĂN-ĐỆ. — La Lecture française expliquée à l'usage des candidats au Certificat d'Études Élémentaires. (Sách học Pháp-tự đề thi Sơ-Đẳng Yếu-Lược)	0 , 50

II. — SÁCH HỌC Ở TRƯỜNG KIÊM-BỊ

R. E. MICHEL. — La lecture française au cours Supérieur.	0 , 80
XXXX. — Lectures du Samedi.	0 , 25

II. — SÁCH VẬT

XXX. — Le Vade Mecum de l'Instituteur au Tonkin	1 , 20
XXX. — Lộ-vàng	0 , 25

IV. — SÁCH SẮP XUẤT BẢN

R. E. MICHEL. — La Lecture Française au cours Supérieur. Edition illustrée.	
R. E. MICHEL. — La Lecture Française au cours Moyen.	
Làm chung. — Les Leçons de choses au cours Supérieur.	
» Les Leçons de choses au cours Moyen.	
« La Botanique des Ecoles Primaires Supérieures.	
XXX. — Tinh nhằm ở trường Sơ-Đẳng (Le calcul mental à l'Ecole Élémentaire.	

Các sách này bán tại hiệu Mỹ-Thắng 50 c, phố hàng Song (Nam-Định) và các hàng sách Bắc-kỳ.

院 書 通 普 南 越

BIBLIOTHÈQUE ANNAMITE DE VULGARISATION

SỰ' ĐOC SÁCH



(TOUS DROIT RÉSERVÉS)

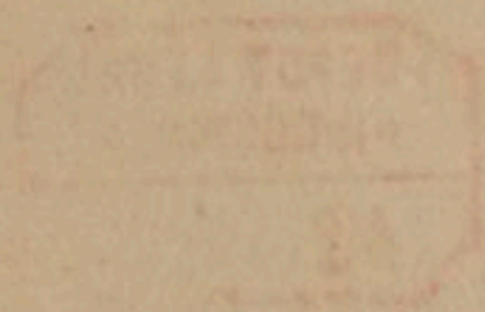
GIẤ : 0\$40



1927

HỘI HỌC-GIỚI BẢO-TRỢ TỈNH NAM-DỊNH XUẤT BẢN

81 Ind. Ch.
93



SỰ ĐỌC SÁCH

Nhiều cậu học mới biết đọc sách thường ham mê lắm, có khi đến quên ăn bớt ngủ. Nếu có lòng ham mê thế mà lại đọc được những sách hay thì còn gì lợi lộc hơn vì sách hay tức là bạn hiền của ta, sẵn lòng khuyên nhủ ta làm điều hay bỏ điều xấu. Các cậu nên tin rằng nếu đọc sách có thể bồi bổ tâm hồn, mở mang trí não cho mình thì những điều tự học biết thêm lấy sẽ làm cho các cậu sau này vẻ vang mặt mũi rõ ràng mẽ cha, hiển vinh nhà mình, ích lợi xã-hội.

Nhưng mà khốn lắm! mấy cậu biết chọn sách mà đọc cho phải đường! Phần nhiều đọc phải sách xấu hơn là sách tốt. Bởi thế nên chi ta đã từng thấy lắm kẻ ham mê đọc phải sách xấu đến nỗi trí não loạn sáng, tâm thần ám muội chẳng khác gì người sắp lặn xuống vực sâu mà vẫn còn mê giấc chiêm bao tựa như đi chơi chốn tiên cảnh bỗng lại vậy. Chàng Don quichotte cũng vì tại ham mê đọc sách binh thư hoang đường, viễn vông: cầm lửa đốt giới, chơi voi bỏ lọ mà sinh ra có trí kỳ khôi, có lòng quái lạ, mất hết trí khôn, quên cả nhẽ phải, những toan làm chúa địa-cầu, làm anh thiên-hạ, không biết tự lượng tài năng chỉ tin mê những điều vu khoát, dám cả gan làm những điều táo bạo vu vơ; việc đã không thành, lại thêm trò cười cho thiên-hạ. Câu chuyện này đã điếm tỉnh biết bao nhiêu người thiếu niên tuấn tú nước Pháp cho khỏi sự ham mê đọc sách xấu, tưởng câu chuyện này không phải không có ích cho bọn học trò ta mới biết đọc, vậy các cậu nên đọc kỹ bài sau này để tự răn lấy mình.

Tại có gì chàng Quichotte mất trí khôn

Trong một làng kia ở tỉnh Manche có một ông ấm tuổi độ năm mươi, người trông mạnh mẽ, vóc dáng xương xương, mặt nhẹ nhàng, tính nhanh lại hay giậy sớm và hay đi săn.

Trong những khi nhàn hạ, nghĩa là suốt năm ông chỉ mê man đọc những binh thư hoang đường mê man đến nỗi quên

cả đi săn bắn cùng đến cả việc quản trị cửa nhà. Ông bán nhiều ruộng nương đi để mua các sách binh thư đọc cho thỏa lòng ao ước. Nói tóm lại ông mê đọc suốt ngày từ sáng đến chiều từ chiều đến sáng không mấy lúc ngơi. Cũng vì đọc nhiều quá và thức mỗi một quá nên khối óc khô héo và tinh thần mê sảng, trí người đầy những mê mộng các điều đọc trong sách. Bao nhiêu những điều mê mộng ấy ông cho là sự thực cả. Kết cục thành ra loạn óc đến nỗi có những tư tưởng kỳ khôi chưa từng người điên nào nghĩ thế.

Ông nghĩ rằng muốn cho mình được nên danh giá cùng giúp đỡ nước nhà thế tất phải xuất đầu lộ diện phải tự nhận lấy cái chức trách một nhà võ tướng nên ông quyết

Trông vời bốn bề mệnh mang

Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng rong.

Theo gương những nhà võ tướng đã từng đọc trong sách, Quichotte nhất tâm liều mình vào sinh ra tử để sửa chữa tội lỗi loài người cho nổi danh.

Anh hùng tiếng đã gọi rằng :

Giữa đường đâu thấy bất bình mà tha.

Trước nhất ông đi sửa chữa bộ áo giáp của cha ông thừa xưa để lại han rỉ mốc meo xếp sớ đã mấy đời trong một góc nhà. Ông hết sức chữa lại những bộ áo giáp này thiếu một cái mũ, Quichotte tự làm lấy cho đủ bộ : lấy bìa và sắt để làm, thật hao công tốn sức lắm mới thành ; song rồi dứt gươm ra chém hai nhát thật lực để thử xem mũ có bền không thì ngay nhát đầu mũ đã đi dôi nhả ma, tan ra từng nơi từng mảnh. Thấy mũ không bền Quichotte tức bực lắm lại kỳ cui hí húi ra công cố sức làm lại, trong bọc lá sắt, ngoài bồi vải đen. Lần này không đem ra thử nữa tạm cho là mũ rất bền.

Mũ áo chỉnh tề, một buổi chiều kia Quichotte cùng một tên lính hầu tên gọi Sancho Pança ở làng đi ra không ai trông thấy tên lính hầu cỡi lừa, hai bên sườn đeo hai cái túi

và một thùng nước bằng da; bụng chỉ mong đợi sao thầy mau mau chong chóng công thành danh toại cho mình nên một ông chúa tể ở một cái đảo kia sắp chiếm được nên hắn nói với thầy rằng :

« Thưa thầy, xin thầy đừng quên cái đảo mà thầy đã hứa cho con »

— Thầy đáp : « Nếu giới đề tao với mày được sống, thì chỉ năm sáu hôm nữa tao sẽ chiếm được một nước to có nhiều nước nhỏ phải chịu thần-phục thì thế tất mày sẽ được làm vua trong nước đó ».

Bỗng chốc, thầy trò trông thấy ba bốn mươi cái cối xay chạy bằng gió, Quichotte liền bảo với tên lính rằng : « Giới cho quá hậu điều ta mong đợi ước ao. Sancho, mày hãy nom cho kỹ trước mặt ta, ít ra cũng đến ba mươi thằng tướng khổng lồ vậy ta quyết lập công phen này nghĩa là giết hết chúng như giết dận vậy. Lấy của cải của chúng cũng đủ làm giàu vả chẳng việc trù cho thế giới này những quân hung tàn độc ác tức là việc nghĩa hân giới đất cũng chứng cho ta.

— Thưa thầy, những tướng nào nhỉ ?

— Những dừa mà mày trông thấy đằng kia, tay giải dãi đoạn, có dừa tay giải đến một trượng ».

— Xin thầy nhìn kỹ lại, thật không phải những tướng khổng lồ, chính là những cối xay chạy bằng gió, những cánh gió đánh quay tít thầy cho là những cánh tay đấy.

— Tao đã biết mà, mặt mi còn lâu mấy từng trải được sự hồ thỉ bốn phương. Ta bảo cho biết thật chính những tướng khổng lồ đó, nếu mi có sợ cho đi nấp một nơi xem ta giao chiến với chúng thiên binh vạn mã mà ta chỉ nhất nhân nhất mã cho biết tay anh hùng.

Chẳng đề tai đến tiếng Sancho kêu bảo không phải là tướng khổng lồ, Quichotte chân thúc ngựa, miệng la ầm-ầm ; « Quân hèn hạ kia ơi, đừng có chạy đến đấy chỉ có một ta ra khơi chiến mấy chúng bay đấy thôi ».

Nhân gió thổi to, cánh cối say quay tit mù, chàng Quichotte cứ phăm phăm vừa xông vào vừa quất hết dăm giờ: « Tha hồ cho chúng bay khoa tay múa cẳng, vi bằng như Biarree có năm mươi đầu một trăm tay tao cũng chẳng coi ra gì, Nói đoạn, liền thúc ngựa lăn vào, tay dương mộc, tay dăm giáo vào cái cối say đang chạy. Vừa lúc này giờ thổi mạnh, giáo gãy tan tành, Quichotte cùng ngựa lăn nhào xuống đất lấm láp từ đầu đến chân như người ở lỗ móc lên vậy.

Đọc xong chuyện này các cậu tự bảo rằng phải nên cẩn thận về sự đọc sách, nhưng làm thế nào mà phân biệt sách tốt sách xấu khác nhau thế nào? — Cứ theo điểm giải nghĩa của ông Touley thì một quyển sách tốt là một quyển sách có ích. Những sách về các khoa học điều là có ích cả. Nhưng ngoài những sách học cũng lắm quyển có ích. Thường thường sách nào nói những điều thật sự là những sách có ích. Một quyển sách đọc giải trí, một câu chuyện tưởng tượng đặt ra có lý thú cũng có lợi lắm, vì nó vừa di dưỡng tinh thần vừa giầy bảo cho ta những ý tứ vui thích mà không bắt ta phải khổ tâm nghĩ ngợi sâu xa. Nó làm cho tri ta mát mẻ khoan khoái tựa như đi dạo chơi ngoài đồng thênh thang sau khi đã làm việc mệt nhọc. Cái đó chỉ là cuộc giải trí nhưng là cuộc giải trí về tinh thần vậy.

Còn như sách xấu là những sách nói man trá, đầu Ngô mình Sở, bảo chính là tà, cho tà là chính, làm cho ta tin như thực những điều không thể giải quyết sao được. Những quyển cho điều công bình là bất công, cùng những quyển sui dục ta làm những điều tai hại mà quyết đoán mấy ta là điều hay điều ích cũng đô thị là sách xấu cả.

Những điều giải nghĩa trên tưởng rất minh bạch lắm và có thể giúp ta lựa chọn sách đọc, nhưng muốn chắc chắn hơn thì khi muốn đọc sách thêm phải nên nhờ thầy chỉ bảo những sách vừa trình độ mình vừa bổ ích cho phần trí và phần hồn.

Khi đã chọn được sách rồi thì lại còn nên biết làm thế nào để đọc cho có lợi nghĩa là khỏi mất công toi. Mấy điều giầy về

cách đọc sách của ông Délévie sau giấy có thể giải quyết được điều ấy. Ông giấy như sau này :

Khi đọc sách phải có sẵn bút mực và vở ghi gần mình. Đọc thấy tiếng nào lạ, ghi vào vở ấy. Trước khi gấp sách lại, phải lấy tự vựng tìm nghĩa cho đúng. Nếu chưa tìm thấy nghĩa ngay phải nên đọc lại câu có nghĩa ấy. Nhờ có tự vựng, hễ chịu nghĩ một chút thế tất phải thấy nghĩa đúng được. Rồi sau đem tiếng mới ấy ra ứng dụng vào câu khác mình tự đặt lấy cho khôn khéo theo như mẫu câu đã đọc. Như vậy, mình biết thêm tiếng ra, hiểu được ý người làm sách, có thể diễn tả tư tưởng mình dễ hơn.

Sau hết khi đọc xong cả quyển rồi, phải làm một bài toát yếu nho nhỏ, không thì dầu đọc nhiều đến đâu cũng là công toi. Ý nào là ý chính ở mỗi đoạn trong sách cũng phải ghi kỹ lấy cho cẩn thận, rõ ràng.

Có làm như thế, mấy chịu nghĩ đến các điều đã đọc. Có ghi kỹ cẩn thận thì khi không có sẵn sách. hay khi không có thời giờ xem lại mới có thể nhớ lại bài đã đọc.

Thế nào là văn-minh ?

(Lược dịch bài luận thuyết của Charles Richet tiên sinh)

Tiếng văn-minh là tiếng mới. Người ta nói nhà thi sĩ Racine cũng có dùng đến tiếng ấy một lần nhưng tôi tìm không thấy. Tuy vậy chữ “Văn-minh” đến cuối thế kỷ thứ XVIII mới thấy dùng loáng thoáng và đến năm 1835 tòa Hàn Lâm mới nhận vào bộ tự điển. Thế mà bây giờ thì trong sách và khi nói truyện thấy dùng đến chữ văn minh luôn.

Ta thường dùng nhưng không rõ định dùng về nghĩa nào vì chữ văn minh có hai nghĩa.

Cứ theo nghĩa hẹp ở trong tự điển của Littré tiên sinh nói rằng : « Văn minh là gồm cả những lý tưởng và phong tục do ở sự hành động của mỹ-thuật thuộc về kỹ nghệ, của tôn giáo, của

mỹ nghệ thuộc về khoa học ». giải nghĩa hai chữ văn-minh như thế cũng là đúng lắm. Tưởng bây giờ nói đến những chữ « Văn minh nước Tàu, văn minh nước Pháp, văn minh văn minh về thế kỷ thứ 18 thì ai cũng rõ nghĩa những chữ ấy : Nhiều khi chữ văn minh nghĩa khác. Cái nhà văn sĩ đương thời dùng chữ « Văn minh » để đối với chữ « Giã man ». Ta thường nói : « Trình độ văn minh cao lên thì tất giã man dần dần phải tuyệt đi ». Cũng phải, nhưng bây giờ muốn xét cho kỹ văn minh khác giã man thế nào, thì ta lấy làm lạ vì tách bạch được những tính chất của văn minh thật là khó.

I

Ta hãy xét văn minh về phương diện tinh thần. Ai cũng biết rằng có thêm hiểu một đôi chút về sự vật mới có thể văn minh được. Nói đến văn minh phải nói đến khoa học. Biết được là nguyệt thực là tia sáng mặt trời bị trái đất ngăn cản, chứ không phải « gấu ăn giảng », thế là văn minh. Biết được gốc bệnh là do ở vị trùng sinh hóa rất nhiều và rất mau chóng chứ không phải là vị hung thần nào tức giận mà phạt ta đau, thế là văn minh so với đời trước thì khoa học của ta bây giờ hùng vĩ thật nhưng đối với khoa học độ hơn bốn nghìn năm về sau, một nghìn năm về sau, mà cả đến một trăm năm về sau thôi, thì khoa học của ta chưa ra gì. Cứ xét khoa học bây giờ với khoa học năm mươi năm về trước thì đủ rõ. Chính ta đã được mục kích từ đời bại cũng những ý tưởng biến đổi nhanh chóng lắm. Những ý kiến lạ thường, bất ngờ mỗi ngày một nảy nở ra làm cho ta biết rằng sau này còn nhiều lý thuyết lạ nữa, và bất ngờ nữa.

Vậy về phương diện tinh-thần, trình độ văn-minh bây giờ thật đã hơn văn-minh về thời Léonard de Vinci tiên sinh và hơn cả về thời Franklin tiên sinh nữa nhưng lại kém văn-minh về thời cháu chắt ta sau này. Ta có thể nói rằng kiến văn càng rộng trình độ văn-minh càng cao.

Nhưng lại phải cần phân biệt thế này: được những nhà văn sĩ và bác học chịu nghiên cứu mà tìm được một vài cái chân lý

về sự vật và sinh vật hay thâm hiểu một vài lẽ huyền bí của vũ trụ, cũng là văn minh nhưng chưa đủ. Phải tuyên bố những công cuộc ấy cho cả quốc-dân biết thì mới được.

Nếu bọn hạ lưu trong nước không biết đến, những công cuộc ấy cứ « cắm cung » ở trong cái « tháp ngà » thư viện hay phòng thí nghiệm của nhà bác sĩ ư tịch mịch nào, xã hội không bỏ ích gì thì văn minh thế nào được.

Xưa kia thì thế vì nhà bác học cứ giữ không muốn cho ai biết công việc của mình. Về thế kỷ thứ 17 và 18, chưa có nhật trình, chưa có hội các nhà bác học, chưa có hội bàn đến các điều công ích.

Bây giờ không như trước.

Nhà bác sĩ nào nghiên cứu được vấn đề gì đã trình hội-đồng về khoa học hay đã đăng vào tạp-chí nào thì độ vài tuần lễ sau hay vài ngày sau nhật báo nào cũng thấy đăng cả. Đã đành rằng đăng cũng chưa được đúng lắm vì họ hiểu chưa được rõ. Dầu thế nhưng cũng có đại ý và nếu là công cuộc gì mới lạ có quan hệ đến xã hội, thì rồi nào bình phẩm, nào công kích làm cho cả quốc dân rầu không được thâm hiểu nhưng cũng biết đại khái. Thí dụ như những lý tưởng bất ngờ và táo bạo về khoa học của Einstein tiên sinh đã vượt qua những khoa toán học cao mà vào đến dư luận. Bảo rằng đồng bào ta hiểu được thuyết « đối đích » (relativité) thì tôi dám nói rằng không lấy gì làm chắc. Nhưng có điều chắc là quốc dân nhiều người biết mập mờ về vấn đề ấy, đã chịu để ý vào mà đã không hiểu rõ lại thiết tha đến thì lại càng đáng khen hơn. Tin khoa học cũng đã là một sự tiến bộ của văn minh rồi. Văn minh thật có liên lạc với khoa học nhưng không phải khoa học của một vài nhà bác sĩ mà chính là khoa học tuyên bố đi cho toàn quốc biết bằng nhật trình hay trường học.

Ta hãy xem những tiếng thuộc về khoa học mà thầy giáo thường dạy ở các trường sơ đẳng, những tiếng ấy ai cũng biết không thể cho là thuộc về cách trí nữa. Những tiếng hàn thử

biểu, phong vũ biểu, vi trùng, thuốc trừ trùng, dưỡng khí những tiếng thường dùng ấy trẻ con ở các nước văn minh từ 12 đến 15 tuổi đều hiểu cả. Cũng nhiều đứa trẻ đọc đến những tiếng ấy không hiểu hay lại hiểu nhầm. Nhưng trẻ con bây giờ khi thôi học về nhà cũng còn biết hơn được trẻ con đời xưa một đôi chút. Như dân Esquimaux, Hottentots, Papons không biết được một tí gì trong những môn học tầm thường của trẻ con nhà quê ta thì ta có quyền nói rằng những dân ấy không có văn-minh như ta. Ta lại phải xét cho kỹ khéo nhầm. Không nên cho rằng cứ nền tiểu học phát đạt mà có thể làm cho khoa học tiến bộ được đâu. Khoa học mà tiến bộ là do ở một vài người chứ không phải ở cả xã-hội. Descartes, Lavoisier và Pasteur tiên-sinh tìm được bao nhiêu thuyết mới mà xã-hội có cần phải biết viết ám tả, phải biết làm tính thì các tiên-sinh mới được việc như thế đâu. . . Thế thì ta về bề với bên nào? Tiếng văn-minh có thể dùng cho khắp cả xã-hội hay chỉ dành riêng cho mấy nhà học thức? Thật là một vấn đề khó giải. Tuy thế ta xem hình như chấn hưng cái nền học vấn trong nước là một khoản cốt yếu để văn-minh chống với giã-man. Một nước mà ai ai cũng biết đọc biết viết cả còn văn-minh hơn là một nước phải một nửa không biết tí gì. Nếu lại phải đến chín mươi phần trăm vô học thức thì lại tệ nữa. Biết đọc nghĩa là có thể cũng dự một phần nhỏ nhỏ về các việc trong nước, về các công cuộc của mỹ thuật, của khoa học.

Biết đọc nghĩa là không giã-man nữa.

Tôi thường vẫn khen những sách thuộc về bậc học sơ đẳng — kể ra thì cũng có quyền kém thật — nhưng cứ nói chung cả, thì những sách ấy có đặc sắc về luân-lý, về mỹ-thuật, và về sự khảo cứu nữa. Nếu trẻ con nhà quê ta đọc đi đọc lại những sách ấy mà hiểu được, nhớ được ít nhiều thôi cũng đủ văn-minh lắm rồi.

Tôi còn nhớ đã lâu không biết vì có gì tôi lại đi chơi đến làng Lausanne, lại được quen biết với ông giáo một trường học con gái từ 10 đến 14 tuổi. Vì việc học bên Thụy-Sĩ bắt buộc nên tất

cả các con gái làng Lausaune phải đi học cả. Ông bạn tôi đưa cho tôi xem những bài luận đầu bài ra nói về « những cái thú mùa đông ở Lausaune » của học trò ông làm. Tám mươi tám bài chữ viết thật tốt, không sai mấy bài làm có ý nhị, lại có văn chương nữa. Lạ thật ! Về sau những đứa trẻ ấy thôi học lấy chồng làm ruộng, làm thợ rèn, làm nghề đánh cá, dệt vải thì chắc những cái đã học ở trường chỉ còn nhớ mang máng thôi. Nhưng nhớ thế cũng đã đủ nhiều rồi. Câu của bà danh-sĩ nào tưởng nói vào đây cũng hợp lắm : « Ta không cần cho bọn nữ lưu biết nhiều, những cái học rồi cứ cho quên bớt đi cũng đủ ».

Nói tóm lại về phương diện tinh thần, văn minh có hai chất : một đẳng là truyền bá sự học cho tất cả bọn hạ lưu, một đẳng là mở mang kiến thức của nhân loại bằng sự tiến bộ của khoa học. Hai chất cốt yếu của văn minh về tinh thần ấy, không sung khắc nhau, không phản đối nhau, lại song đôi với nhau mà đi.

Nhưng nếu tôi có phạm tội bỏ về bè với đẳng này mà bỏ đẳng kia thì tôi xin chịu tội với bọn hạ lưu còn hơn, vì tôi nghĩ rằng một nước mà nhiều người tài trí cho ta biết được những chân lý bất ngờ, lập ra được những công cuộc rất mỹ lệ còn hơn một nước chỉ có nền sơ học sầm uất, lan rộng mà thôi.

(Còn nữa)

CHARLES RICHET

(Đông Phương lược dịch)

Người đời vui hay buồn ? buồn hay vui ?

Đời đáng chán hay không đáng chán, thuyết chán đời đã làm người bần, nay ta bắt tất rậm lời, chỉ xin cùng độc-giả luận về người đời vui hay buồn, buồn hay vui ?

Sự buồn người đời không ai không mắc, cảnh buồn người đời không ai tránh qua. Buồn là bệnh chung cho loài « Chán tròn gót vuông ».

Song sự vui người đời cũng không ai không có, cảnh vui người đời cũng không ai không gặp. Sự vui cũng là thú chung của loài « đầu đen máu đỏ » ta vậy.

Sao mà buồn ? Sự buồn mấy ai như ai ? cảnh buồn mấy ai giống ai ? Mặc, khỏi, gặp, qua ; riêng bạn thiếu-niên thấy mặc là trầm-trệ, gặp là miên-man. Ôi ! đầu xanh tuổi trẻ việc đời đầu lịch duyệt, trò đời đầu thấu qua, mà lúc mặt ủ mày chau, khi thần thơ vờ vẩn ? vì tơ tình ngang ngửa vì tiền ít bạc không chẳng ?

Sao mà vui ? Vui về lạc thú gia-đình, phụ mẫu song toàn, anh em hòa hợp chẳng ? Hay trà đình, tửu điểm. lá bạc quân bài mới được vui ? Ấy thắng hoặc sự vui buồn, buồn vui là thế vậy xin lục văn dưới đây tặng người đời mà nhắc bạn thiếu niên xin xét sự gì buồn ta hãy buồn, sự gì không đáng buồn ta đừng buồn. Sự gì vui ta vui, sự gì không nên vui ta chớ vui.

« Ta không nghĩ kỹ thì không biết ta sinh là rất buồn, ta không nghĩ cùng thì ta không biết ta sinh là rất vui.

Buồn là sao ? Ta mà chưa có ta thì lúc ấy ta không phải là ta, ta mà đã mất ta thì lúc ấy ta cũng không phải là ta ; vậy bây giờ ta mà có ta, cũng là tạm có, ta là tạm có, thì đời ta cũng là đời tạm có, đời tạm có thì những việc ở trên đời cũng là những việc tạm có. Lấy thân tạm có, ở đời tạm có, đối với những việc tạm có ; nào công danh giàu sang, làm cho người mê ngất ; nào đói khát khó hèn làm cho người lo nghĩ ; nào nắng mưa rét bức, nóng nực. làm cho người khổ sở mà buồn rầu ; nào yếu đau bệnh nọ tật kia làm cho người đau đớn mà phiền não.

Ai là không sống, sống ai là không chết, lại sinh ra chết trước chết sau, cha bỏ con, con bỏ cha, vợ bỏ chồng, chồng bỏ vợ, vừa đương ăn ở một nhà, mà bỗng chốc đã hóa ra người chín suối ; khóc khóc kêu kêu thương thương sót sót, biết bao những cảnh buồn rầu.

Người ở đời, ở đâu chả là chỗ ở, lại xui ra lúc biệt, lúc ly, anh vắng em, em vắng anh, bạn vắng bầu, bầu vắng bạn, vừa hôm

qua còn ngồi nói chuyện mà hôm nay đã cách biệt Bắc Nam, nhớ nhớ thương thương, mong mong tưởng tượng, biết bao những nỗi chua cay ! Kể lúc chưa có ta thì tình đầu, nghĩa đầu, việc gì mà sinh buồn bực ; lúc đã có ta thì khi lo khi nghĩ, biết bao những mối âu-sầu, ta sinh như thế, biết buồn là chừng nào.

Lại như lúc hiu-hiu gió thổi, vắng vắng canh khuya, trèo lên tường đồ trông đám ruộng xa, thấy lác-đác một vài đồng đất, phơ phơ mấy đám cỏ xanh, mà trong ấy không biết bao là công hầu khanh tướng, biết bao là phú quý công danh, người khôn người dại, người đạt người cùng, cha cha con con, vợ vợ chồng chồng, kể lúc trước có người lên xe xuống ngựa, có người ra trống vào chuông, có người cửa nhà khở sở, có người dài các giàu sang. Mà như nay ngựa xe nào thấy, chỉ thấy trên mả một vài con cua . . . ; trống chuông nào thấy, chỉ thấy ngoài đồng một vài con giế . . . ; dài các ngày xưa, vài còn đất ải, cửa nhà khi trước, mấy đám cỏ non, cha cha con con, mồ nam mả bắc, chồng chồng vợ vợ, đồng trước đồng sau ; Người trước ta mà ta thấy thế, người sau ta há chẳng thấy thế mà thấy ta ? Ta thấy thế mà buồn người trước ; người sau ta há chẳng thấy thế mà buồn cho ta ?

Thương thay ! quang âm bóng cửa, ngày tháng thoi đưa, đời người phút chốc, được mấy sớm chưa, lúc ta chưa sinh thì ta chưa có, lúc ta đã có, ta lại đi đâu, ta sinh như thế biết buồn là chừng nào ?

Vui là sao ? lúc ta chưa sinh, ta không phải ta, lúc ta đã qua, ta không còn ta, may sao bây giờ ta lại có ta, đời là đời đời, không phải đời ta, việc là việc đời, không phải việc ta, cũng may sao mà ta được mọn. Người ở trên đời biết bao mà kể, người nào ta thân, người nào ta chẳng thân, người nào ta nên quen, người nào ta chẳng nên quen. cũng may sao ở trong nhà thì có cha mẹ, có anh em, có vợ chồng có con cháu, để ta lúc bé nhỏ có người nuôi nấng, lúc yếu đau có người thuốc thang, lúc công việc có người giúp đỡ, lúc già cả có người lo toan. Trong xã-hội

thì có bầu bạn, có họ hàng, có làng nước, có xóm diềng; để ta mặc áo, có người ươm tơ, để ta ăn cơm, có người cấy lúa, để ta học hành, có bút có nghiên; để ta làm lụng có rìu có búa; ta sinh như thế biết vui là chừng nào?

Cửa ở trên đời biết đâu mà kể, cửa nào ta có, cửa nào ta không có, cửa nào ta nên dùng, cửa nào ta chẳng nên dùng? Cũng may sao ở trên đời thì có giăng có sao, có gió mát có mây cao, để làm cảnh cho ta ngày tháng tiêu dao; dưới đất thì có núi có sông, có suối ngọt có khe trong, để làm cảnh cho ta mà chưa xóm thông dong. Kia một cảnh lá biếc, mấy cảnh hoa hồng, nay xem mai thưởng, cũng đủ vui lòng, Kia một tiếng chim kêu, vài hàng nhạn lượn, sáng ngắm chưa xem, cũng không bao giờ chán. Đời đất còn giải, non sông chẳng hẹp, vô số cảnh vui, còn nhiều cửa đẹp; ta sinh như thế biết vui là chừng nào?

Việc ở trên đời, chuyện này chuyện nọ, từ xưa đến nay, việc nào ta biết chuyện nào ta hay; cũng may sao nhờ có kinh sử, mà thánh hiền như ông Chu-Công, ông Khổng-Tử, ông Tăng-Tử, ông Tử-Tư, đã trước ta hơn mấy nghìn năm, mà nay ta cũng có thể xem mà biết; anh hùng như ông Hoa-Thịnh-Đốn, ông Nã-Phá-Luân, ông Trần-Hưng-Đạo, ông Bình-Định-Vương, đã trước ta hơn mấy mươi đời, mà nay ta cũng có thể xem mà biết. Châu Âu-La-Ba ở chỗ nào? Châu Mỹ-Lợi-Kiên ở chỗ nào? Đâu là Tân-Thế-Giới, đâu là Bắc-Bắc-Dương, xem trong địa đồ, quả đất có thể ngồi mà chỉ? Sao hành-tinh đi làm sao? Mặt giăng to hay nhỏ? Mặt trời thấp hay cao? xem trong thiên-văn, bầu trời có thể đứng mà trông. Ông Đào-uyên-Minh nay ở đâu? Ông Lý-Thái-Bạch nay ở đâu? một quyển thơ Tầu nay xem cũng còn thú vị. Ông Tô-Đông-Pha nay ở đâu? Ông Hàn-Xương-Lê nay ở đâu, ông Âu-Dương-Tử, ông Vương-Bật nay ở đâu? và bài văn cũ, nay xem cũng đủ thư nhàn. Đạp phá thành sào, sách hay vài quyển, vượt qua bể khổ, sử lạ vài pho, ta sinh như thế biết vui là chừng nào?

Người ta sinh ở đời, việc nào là việc không buồn, việc nào là việc không vui? Chỉ có người những việc buồn, thì chẳng biết buồn, mà buồn lại buồn những việc chẳng nên buồn; những việc vui thì chẳng biết vui, mà vui lại vui những việc chẳng nên vui. Cho nên buồn ai cũng không muốn, mà không ai là khỏi được buồn; vui ai cũng muốn, mà không ai thật được vui! ».

T. T.

N. N. N.



Bài tự của ông Bùi-trình-Khiêm

đề sách « Luận-ngữ diễn nghĩa »

Đạo thánh đạo rộng: dầu tiếng Tàu, tiếng Nam nói khác nhau, mà chuông, khánh ai chả êm tai. Chữ thánh gánh vàng, dầu đồ cổ, đồ kim dùng khác nhau, mà đỉnh đôn ai chả thích mắt. Đạo thánh, chữ thánh không phải đủ cả ở Luận-ngữ; mà Luận-ngữ là bức tranh đại-kinh vẽ lời hay, nét tốt lúc bình sinh của Khổng-thánh-nhân. Luận-ngữ truyền sang nước Nam ta, mấy nghìn năm nay văn-chương, tính, đạo, tiêm-nhiễm lòng người, dân nhờ đó mà có đức-hậu, làng nhờ đó mà có thói-nhân, nước nhờ đó mà thành một nước văn-hiến. Nào là sách « Tứ-thư-tiêu-ẩn » nào là sách « Tứ-thư-thuyết-ước » dầu chưa phiên-dịch ra quốc-ngữ, nhưng nghĩa luận-ngữ cũng đã thuộc lòng, quen miệng của người tôn giáo Khổng Annam ta.

Ngờ đâu! vị thần bát-cổ nhanh hơn ngựa-tứ cũng chạy sang nam, nghĩa hai-mươi thiên, gần-nát ra từng chữ, từng câu;... tư-tướng quá cao, đại-khái như đầu bài là cái khuyên « 〇 » trên đầu thiên Học-nhi, mà làm ra được « Phu-tử vị ngôn chi tiên hồn nhiên nhất thái-cực đã » nghĩa là (trước khi đức Khổng-Tử chưa nói, hồn-nhiên một lý thái-cực thôi); đề thần đề-diện trọn vẹn cả hai, thực là ba-tảo mà có ý vị. Còn phần nhiều những cảm-bã của thánh nhân, cũng chưa được nếm; cứ chữ nào nghĩa ấy, giá thử liệt vào truyện Tiểu-lâm, thì buồn cười hơn câu: « thánh-nhân chi điều-xử 聖人之鳥處 » mà võ bài: « Tử chi yến cư 子之燕居 ». Quá mãi ra: « Thiên-tương vi dục 天將爲鐸 » đối với: « Hà bất xuất đồ 河不出圖 » kiếm được một, vài tiếng lấu-cá trong thổ-âm, dám nghiêm-nhiên cầm quản râu-chuột mà soạn tập « Luận-ngữ tiêu đối » ngạo-mạn đứng cổ-triết có khác gì đeo mặt-nạ mà gào thét trong rạp-tuồng.

Chương-trình khóa, hạch, thi-hương, sư-phạm và giáo-ban, có dịch bài sách tứ-thư, không mấy mà cách thi ấy thay đổi, nên lối bài ấy cũng nhân mà thay đổi. « Úc úc hồ văn tai

郁郁乎文哉」 học trò chả có ai ; «Đồ đồ bình trượng
ngã 都都平丈我」 học-trò ngồi chật cả ; cái cơ-quan éo le, có
lẽ hơn người nhà Tần đốt kinh, người nhà Hán bần kinh. Nếu
chữ «Lỗ 魯」 mà đánh ra chữ «Ngư 魚」 thì «Lỗ-luận 魯論」
hẳn cắt ra là «Cá bần» Truyện Luận-ngữ cũng cho là truyện
«Trê Cóc», truyện «Chàng-Chuối」 mà thôi ; chứ không phải
truyện luận-ngữ của Luận-ngữ nữa !

Thế-giới gần nay đương chú-trọng sách «Chu-quan」 của ông
Chu-Công, «Nội-chính」 của ông Quản-trọng, mà không mấy
người thích cái vui ông Nhan-Hồi, một giỏ cơm, một bầu nước,
ở ngõ hẹp ; cũng không mấy người ưa cái chí ông Tăng-Điêm
năm, sáu người đội mũ, sáu, bảy người trẻ con, tắm sông Nghi,
chơi đàn Vũ-hu, ngâm thơ mà về ; vậy nên luận-ngữ phải chịu
tiếng oan là quyển sách vô dụng ! Đứng ngoài tường cao mà
chưa vào đến trong cửa, thấy sao được khí-cụ tôn-miếu và nghi-
vệ trăm quan ! Đức Khổng-tử vốn cảm-bội ơn ông Quản-trọng,
mộng tưởng việc ông Chu-công ; huống chi ông Do cố sức-khỏe,
ông Tử thao buôn-bán, ông Cầu nhiều nghề-tài ; nếu đời biết tôn
ta, thì khó gì đem cả tinh-thần và hình thức văn-minh lên
cực điểm. Đạo học ấy thi hành ra năm phương, ra muôn đời
mà không có tẻ ; tức như nước Nhật-Bản duy-tàn động thì nói :
«Thái tây ! thái tây ! 泰西泰西」 cũng như ngày trước động
thì nói : «Tử viết Tử viết 子曰子曰」 mà mỗi năm hội «Hán
học」 sao đông hàng mấy nghìn vạn người ! Biết đâu là năm
trăm năm nữa, Khổng-giáo lan khắp mặt địa-cầu », không như
lời ông Hoa-chi-An đã nói !

Vậy thì dịch Luận-ngữ ra quốc-ngữ, chả phải là trách-
nhiệm khó trốn được của những người học-vấn nước nhà ư !
Nghĩa Luận-ngữ vốn khó mà không dễ, dịch nghĩa Luận-ngữ
ra quốc-ngữ, lại khó mà không dễ hơn ! Nay vẽ tượng đức
thánh Khổng, mà không được chân-thần, thì hóa ra tượng
Dương-hồ ; dịch nhời đức Khổng mà không được chính nghĩa,
thì mang tội với học-trò ông Hữu-tử, ông Tăng-tử biết là đường
nào ! Dịch Luận-ngữ ra quốc-ngữ, mà không hiểu hết tiếng nước

nhà, thì: Tri vi tri, bất tri vi bất tri, thị tri 知爲知, 不知爲不知是知» bất quá như chim chích-chè sáng nào cũng đọc luận-ngữ! Hiểu hết tiếng nước nhà mà dịch không đúng nghĩa luận-ngữ, lại thành ra câu: « Vũ trich đình tiền sinh Khổng-Tử, phong suy thủy thượng kiến Nhan-Uyên 雨滴庭前生孔子 風吹水上見顏淵 » trong tập Tiết-Ngọc thì « Khổng-Tử 孔子 » nghĩa là « Lỗ con » mà « Nhan-Uyên 顏淵 » nghĩa là « mặt vực » chứ gì!!!

Nay lạm trích những nghĩa luận-ngữ được nghe ở nhà, ở thầy, bạn, lựa vào những tiếng mục dầy cười, vù dầy nói, nôm-na vắn-tắt, gọi là chút quà cho câu « Du em em ngủ cho no, mai sau em giữ đạo nho cho cần ». Đến như mạch lạc minh-bạch, nghĩa-lý thâm-huyền, liệt làm giáo-khoa, để bảo-tồn quốc-túy sau này, thì thiếu gì các bậc đại-bút khác.

Ôi! Đạo ở người chưa rơi xuống đất, há vì mấy tiếng nghĩa đen; vắn còn đây chưa mất tự giờ, dám cạy một dòng mực tím.

Tiết thứ nhất

Luân-lý (Ngũ-luân),

BỒN PHẬN CON ĐỐI VỚI CHA, MẸ.

Đức Khổng nói: tuổi cha, mẹ bao nhiêu, làm con không biết thì không nên! Một là mừng các ngài đã sống lâu; mọi là lo rằng sắp suy yếu.

Khi cha, mẹ còn, mình không nên đi chơi xa; nếu có đi chơi gần, thì phải nói trước chỗ mình chơi cho các ngài biết (dễ lòng các ngài khỏi lo ngại, mà có tìm thì tiện về ngay).

Con thờ cha mẹ: nếu các ngài có lỗi thì dịu nhời mà can, thấy chỉ các ngài không nghe, lại thêm lòng kính, rồi sẽ can mà nhời can, lòng kính vẫn không khác trước; các ngài giận mà quở đánh bắt khổ-sở con cũng chỉ trách mình mà không giám oán chút nào.

Đức Khổng-tử nói: muốn biết người con hiếu hay là không, thời khi cha còn xem cái chí người ấy; khi cha mất xem cái hạnh người ấy, nếu trong ba năm mà không thay đổi những công việc của cha làm lúc bình-sinh, đáng khen là hiếu đó.!

Mạnh-ý-tử hỏi thế nào là hiếu?

Đức Khổng nói: đừng tiếm-việt cái lễ thường. Sau ông Phàn-Trì ngự xe cho ngài đi chơi; ngài kể chuyện lại rằng: vừa rồi ông Mạnh-Tôn có hỏi hiếu, tôi trả lời rằng: « đừng tiếm-việt cái lễ thường » ông Trì hỏi lại rằng: Thầy nói thế là nghĩa làm sao? Ngài giải rõ ra rằng: nghĩa là: khi cha, mẹ còn thì hợp lễ mà thờ; nếu các ngài mất thì hợp lễ mà táng, hợp lễ mà tế. (Chớ đừng có tiếm-việt quá như ba họ Hoàn nước Lô ta).

Mạnh-Vũ-Bá hỏi thế nào là hiếu. Đức Khổng nói: giữ mình cho cẩn-thận; vì lòng cha, mẹ hề thấy con đau yếu thì lo.

Ông Tử-du hỏi thế nào là hiếu. Đức Khổng nói: đời cỏ thì nuôi và kính cha, mẹ thì mới là hiếu; lỗi hiếu đời bây giờ, thì chỉ gọi là phụng dưỡng các ngài mà thôi! Những giống chó,

BỒN PHẬN CON ĐỐI VỚI CHA MẸ (bài nối)

ngựa người ta đều có thể nuôi; nếu chỉ nuôi các ngài mà không kính, thì có khác gì nuôi chó, ngựa ư ! »

Nghĩa phụ. « hiểu đời bây giờ thì chỉ gọi là báo cái ân cha mẹ mà thôi; đến như giống chó, ngựa còn biết báo ơn người chủ; nếu mình chỉ biết ân mà không kính cha mẹ; thì có khác gì chó, ngựa chỉ biết báo ơn mà không biết kính người chủ ! ».

Đức Khổng nói : « Ông Mân-tử-Khiên hiểu với cha mẹ biết là dường nào ! » Các câu người ngoài khen như thế không khác gì với nhời cha, mẹ, anh trong nhà.

Ông Tăng-tử nói : tôi nghe thấy thầy tôi là ông Khổng có nói : « Điều hiểu của ông Mạnh-trang-Tử; những điều khác thì còn có thể làm được; đến như không thay đổi những gia-thần và gia-chính của cha thì thực là khó hơn cả ».

Ông Hữu-tử nói : làm người hiểu với cha mẹ, dễ với anh em; mà muốn can-phạm đến người trên thì ít lắm. Những người không muốn can-phạm người trên; mà lại muốn làm loạn thì chưa có bao giờ !

Ông Tử-hạ nói : người nào đổi cái lòng thích con gái đẹp mà quý người giỏi; thờ cha, mẹ hết cái sức mình, thờ vua liêu cái thân mình, nói tróc với bè bạn mà có tin; người ấy dầu là chưa học, tôi cũng giám khen là có học đó.

Ông Tăng-tử nói : tôi thường nghe thầy tôi là ông Khổng có nói : « người con chưa mấy khi là làm cho cùng cực nghĩa-vụ đó hẳn là có sự dễ tang đáng thân chẳng ! »

Vua nước Diệp nói truyện với đức Khổng rằng : bọn ta có người mình làm cái gì cũng thực thà; cha người ấy bắt dê của người khác đến nhà mình; mà người ấy làm chứng.

Đức Khổng nói : người thực-thà đáng tôi thì khác thế. Cha vì con mà giấu điều lỗi cho con; con vì cha mà giấu điều lỗi cho cha; lẽ thực-thà tự nhiên ở trong đó.

Phụ bàn

Sinh con, nuôi con, giậy bảo con, mong cho con hay ; cha mẹ đối với con so với cha mẹ giống cầm-thú đối với chúng nó, khó nhọc biết là dường nào ! Làm con mà không hiếu với cha mẹ thì xấu hổ với giống cầm thú lắm. Đức Khổng-tử nói đạo hiếu mỗi chỗ một khác là hữu vị mà nói ra, nhưng cũng là xử cái cảnh thường đó ; nếu gặp biến mà cứ câu-nệ như thế thì còn gọi là hiếu được chăng ? Tức như ông Cồn đắp đê mà ông Vũ đào sông ; ông Văn-Vương thờ nhà Ân mà ông Vũ-Vương đánh nhà Ân. Đức Khổng cũng chẳng chê là bất hiếu bao giờ. Ông Tăng-Tử và ông Mạnh-Tử được cái chính truyền của đức Khổng mà ông Tăng nói : « đánh giặc không cố sức là bất hiếu đó » Ông Mạnh-Tử có mẹ già mà vẫn đi chơi xa các nước Hầu. Vậy thì nước Nam ta những người xuất đời ở nhà thờ cha mẹ, về sau không trái cái công việc lúc bình-sinh của cha mẹ, thì gọi là hiếu đã đành. Mà đức Trần-quốc-Tuấn không nghe cái nhời giặc cướp ngôi nhà Trần của cha ; ông Nguyễn-Trãi không theo cha sang Tàu mà giở về tìm đức Lê-thái-Tổ lại thực là bậc đại hiếu đó !

Than ôi ! Đức Khổng-Tử chỉ ở đại-dồng chứ không chuyên về chủ-nghĩa gia-tộc, nhưng như nhà ai mà con cũng hết bổn phận đối với cha mẹ mà cha mẹ cũng hết bổn phận với con thì thiên-hạ có khó gì mà không thái-bình.

ADMINISTRATION SCOLAIRE

Affectations. — Les instituteurs et les instituteurs auxiliaires peuvent être envoyés dans n'importe quel poste du Tonkin. En principe les instituteurs et institutrices sont appelés à diriger des écoles à 2 classes et plus ou des cours moyens ou supérieurs dans des écoles de plein exercice. Les instituteurs et institutrices auxiliaires peuvent être nommés directeurs d'écoles à une ou deux classes, ou chargés des cours élémentaires, préparatoires et enfantins.

Des instituteurs peuvent remplacer des instituteurs auxiliaires dans les cours élémentaires suivant les disponibilités en personnel.

A 25 ans, les instituteurs peuvent être appelés à servir dans la haute région suivant un tour préalablement établi.

Le refus d'accepter un poste entraîne pour le fonctionnaire des poursuites devant un Conseil de discipline.

Affichage. — Les tableaux suivants doivent être affichés dans l'école.

Emploi du temps.

Listes des ouvrages utilisés en classe.

Tableau des répartitions mensuelles.

Tableau des jours de fête (lorsque l'École est installée dans un local affecté au culte).

On peut y ajouter : Les dates des compositions mensuelles.

La liste des élèves avec N° M^e et adresse.

Le classement mensuel.

L'inventaire du mobilier.

Une ardoise indiquant chaque jour l'effectif total et le nombre d'absents.

Age d'admission à l'école : Voir Admission des élèves.

Extrait du Vade-Mécum de l'Instituteur au Tonkin. — Editeur: Société de Patronage des Ecoles Publiques de Nam-Dinh. — Prix : 1\$20.

Age requis pour enseigner. — En principe les maîtres doivent être âgés de 18 ans au moins. — Cependant l'Administration peut exceptionnellement engager des agents temporaires de 17 ans.

Age requis pour entrer dans les cadres. — Pour être titularisés les maîtres doivent avoir 20 ans. —

Ils ne peuvent plus être titularisés après 25 ans révolus.

Agriculture. — Si les programmes ne comportent pas l'enseignement de l'agriculture, il est tout de même évident que le maître ne peut passer sous silence la principale source de richesse du pays. Toutes ses leçons devront tendre au contraire dans les écoles rurales, à faire aimer la terre et à enseigner les procédés propres à lui faire produire avantage.

Ancienneté. — Dans les grades et classes comportant un avancement à l'ancienneté, les instituteurs et institutrices, les instituteurs auxiliaires et les institutrices auxiliaires qui n'auront été l'objet d'aucune mesure disciplinaire équivalente ou supérieure au blâme seront promus de droit à la classe supérieure, lorsqu'ils auront accompli en service effectif deux fois et demie le temps minimum exigé pour passer à la classe supérieure.

(R. de l'I. P. Art. 116-117 et 118).

TEMPS MINIMUM

nécessaire pour l'avancement

~~~~~

#### *Cadre des Instituteurs auxiliaires*

Stagiaire minimum 1 an maximum 3 ans.

8<sup>e</sup> cl. . . . . 1 an

7<sup>e</sup> cl. . . . . 1 an

6<sup>e</sup>, 5<sup>e</sup> et 4<sup>e</sup> . . . . . 2 ans

3<sup>e</sup> et 2<sup>e</sup> . . . . . 3 ans

1<sup>er</sup> et principal de 2<sup>e</sup> cl, 4 ans



*Cadre des Instituteurs*

|                                                                                                                                      |                    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| Stagiaire minimum                                                                                                                    | 1 an maximum 3 ans |
| 8 <sup>e</sup> et 7 <sup>e</sup> cl. . . . .                                                                                         | 1 an               |
| 6 <sup>e</sup> , 5 <sup>e</sup> , 4 <sup>e</sup> , 3 <sup>e</sup> , 2 <sup>e</sup> , 1 <sup>er</sup> principal de 2 <sup>e</sup> cl, | 2 ans              |
| Principal de 1 <sup>re</sup> cl. . . . .                                                                                             | 3 ans              |

Les instituteurs et institutrices auxiliaires stagiaires qui ne sont pas titularisés à l'expiration de leur 3<sup>e</sup> année de stage sont licenciés.

**Appel des élèves.** — L'appel des élèves se fait au commencement de chacune des deux classes de la journée. Par les classes à effectif réduit, le maître peut facilement constater les absences, et les inscrire sans faire l'appel. Pour éviter une perte de temps assez sensible dans les classes importantes, le maître peut préparer un plan de la classe avec le nom des élèves à la place qu'ils occupent. Il relève alors facilement d'un coup d'œil le nombre d'absents et le nom de chacun.

**Appel (*Registre d'*).** Le registre d'appel est le cahier sur lequel le maître inscrit les noms des élèves, mois par mois, ainsi que les absences. Ce registre est fourni par l'administration.

Les élèves manquant pendant la matinée sont marqués, dans la colonne du jour, par un trait vertical (I), et ceux qui sont absents le soir, par un trait horizontal (—), de sorte que les deux absences d'une même journée se trouvent indiquées, par une croix (×). Dans la seconde colonne de chaque journée, le maître indique le motif de chaque absence : avec permission (P), sans permission (S P) pour maladie (M).

A la fin de chaque mois, les présences possibles, les présences effectives et les absences sont respectivement totalisées, puis la moyenne des présences calculée. Les présences sont comptées à raison de deux classes par jour, déduction faite des dimanches, des jeudis et des jours fériés.

Les présences et les absences ne sont comptées que du jour de l'admission des élèves — Elles ne sont plus comptées à partir du jour de leur radiation.



Pour trouver la moyenne des présences par classe, on divise le total des présences effectives par le nombre des classes du mois.

Exemple. — Supposons que nous avons à trouver la moyenne des présences du mois de Novembre 1925 dans une classe comprenant 66 élèves :

Nombre de demi-journées de classe : 39

Nombre de présences possibles  $39 \times 66 = 2574$ .

Nombre d'absences 77

Nombre de présences effectives

$2.574 - 77 = 2497$

Moyenne des présences :  $\frac{2497}{39}$

$= 64,02 -$

Ce registre permet de suivre jour par jour la fréquentation scolaire des élèves.

Une partie de ces indications se trouve reportée dans le rapport trimestriel, aussi ce registre doit il être tenu avec le plus grand soin.

Les maîtres engagent gravement leur responsabilité en omettant sciemment de marquer toutes les absences.

**Application (Ecole d)** — Ces écoles sont destinées à recevoir les élèves des Ecoles normales qui assistent aux classes modèles faites par des instituteurs. Elles sont le complément indispensable des Ecoles normales, et sont connues en France sous le nom d'Ecoles annexes.

Des classes d'application existent également à Nam-Dinh pour les élèves du Cours normal.

**Aptitude physique.** — (*Certificat d'*) — Tout candidat à un emploi dans l'enseignement doit fournir un certificat d'aptitude physique constatant qu'il n'est atteint d'aucune infirmité ou maladie chronique de nature à le rendre impropre au service. Ce certificat doit contenir une photographie récente du candidat. La signature du médecin doit être apposée en partie sur la photographie. Des formules sont mises à la disposition des







On placera sous une chemise spéciale les pièces de principe (circulaires, lettres et notes ayant un caractère documentaire).

Il y a en outre intérêt à ouvrir un registre « Journal de la vie scolaire » dans lequel le Directeur note au fur et à mesure les principaux faits (Création de l'école avec date et circonstances, inauguration, nomination du personnel, liste des Directeurs avec dates de prise de service et de cessation de service, transferts, changements de local, visites des autorités, etc)

Si ce registre n'existe pas, il peut être commencé par un rappel des principales dates (création notamment) et des noms des Directeurs qui se sont succédés à la tête de l'Ecole.

**Arrivée** (*Correspondance à l'*). — Les lettres à l'arrivée doivent être classées avec soin dans une chemise par ordre de réception. Pour faciliter les recherches, il est nécessaire de les mentionner sur un registre dressé conformément au modèle suivant :

### Registre de correspondance à l'arrivée

| N <sup>o</sup><br>d'ordre | DATE<br>d'arrivée | N <sup>o</sup> et date<br>d'envoi | Expéditeur | OBJET |
|---------------------------|-------------------|-----------------------------------|------------|-------|
|                           |                   |                                   |            |       |

En fin d'année scolaire, elles sont ficelées dans une chemise et placées dans les archives, à l'exception des pièces de principe qui doivent être classées à part. Les correspondances appartiennent à l'école et non aux maîtres sauf si elles lui sont adressées personnellement.



## PROVERBES & MAXIMES

1. — A beau mentir qui vient de loin,

*Những kẻ du-lịch miền xa,  
Về nhà khoác lác đem ra lòe người,  
Chẳng sợ chê cười.*

2. — A bon chat, bon rat,

*(Vỏ quít dày móng tay nhọn),  
Mèo khôn lại có chuột ngoan,  
Kẻ hung lại có người tàn lo chi.*

3. — A cœur vaillant rien d'impossible,

*Đã lòng cả-quyết thì nên,  
Xưa nay nhân định thắng thiên cũng thường,*

4. — Aide-toi, le ciel t'aidera,

*Tự mình mình phải ra công,  
Đến khi quân-bách mới mong người dùm.*

5. — A père avare, fils prodigue,

*Ai ơi biển lận làm chi,  
Đến đời con nó phá thì tan hoang.*

6. — Autant de têtes autant d'avis,

*Nhiều người thêm rối việc ta,  
Mỗi người mỗi ý biết là theo ai.*

7. — Aux tards venus les os,

*Ấy vì nhãng biếng một ly,  
Công to việc lớn có khi nhờ nhàng.*

8. — A l'œuvre on connaît l'artisan,

*Có xét công việc người làm,  
Mới mong hiểu thấu tài-năng thế nào.*

9. — Après la pluie c'est le beau temps,

*Nay mưa mai sẽ tốt giời,  
Hàn vì sau cũng gặp thời thái-lai.*



10. — *Bâtir des châteaux en Espagne,  
Sây nhà trên cát được sao,  
Những điều ảo tưởng có bao giờ thành.*
11. — *Bien faire et laisser dire,  
Lương tâm ta bảo thì làm,  
Dù ai chỉ trích ngăn can mặc lòng.*
12. — *C'est en forgeant qu'on devient forgeron.  
Tập rèn sau sẽ thành nghề,  
Việc gì chuyên trị lo chi vô tài.*
13. — *Dans le doute, abstiens-toi,  
Biết cho đích-xác sẽ hay,  
Mập-mờ chớ có làm ngay mà giầy.*
14. — *Il faut battre le fer pendant qu'il est chaud.  
Sắt rèn lúc hời đỏ gay,  
Biết nhân cơ-hội làm ngay mới thành.*
15. — *Il faut briser le noyau pour avoir l'amande,  
Đập hột mới lấy được nhân,  
Lao tâm khổ chi chuyên cần mới nên.*
16. — *Il faut tourner sept fois sa langue dans sa bouche avant  
de parler.  
Trước khi muốn ngỏ điều gì,  
Ta nên nghĩ chín ắt thì khỏi sai.*
17. — *Il ne faut pas réveiller le chat qui dort.  
Mèo kia đang giấc chớ chòng,  
Kẻ thù lúc đã nguôi lòng đừng chêu.*
18. — *Il n'est point de sot métier, il n'y a que de sottés gens.  
Ở đời mọi nghề đều hay,  
Những anh khờ dại chê bai là nhảm.*
19. — *Il n'est si bon cheval qui ne bronche,  
Ngựa hay chạy vấp có khi,  
Người tài cũng phải đôi khi lẩn nhảm.*



20. — Il n'est si petit métier qui ne nourrisse son maître.

*Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh,  
Miễn là hữu nghệ ắt mình được no.*

T. T.

### La Patrie

Je voudrais, les ailes ouvertes,  
Comme l'oiseau qui fend les airs,  
Voir des monts blancs des plaines vertes,  
Et visiter tout l'univers.

Avec des bottes de sept lieues,  
Qui m'arriveraient aux genoux,  
Je voudrais, passer les mers bleues,  
Et m'en aller loin de chez nous!

Je voudrais, sous la voile ronde,  
D'un vaisseau léger, gracieux,  
Faire trois fois le tour du monde,  
Et naviguer sous d'autres cieux. —

Pars, mais tu reviendras, ô mousse,  
En disant, comme tes aînés,  
« Aucune terre n'est plus douce,  
que la terre où nous sommes nés, »

O. Aubers

### Phải mến quê hương

Ước gì chấp cánh bay cao,  
Rẽ mây tung gió khác nào như chim,  
Núi-băng đồng-cỏ thăm tìm,  
Giọc-ngang vũ-trụ khắp miền giạo chơi.



Hia thần ước được một đôi,  
Đi vừa chầm gối, tuyệt vời là nhanh,  
Lội qua bề rộng nước xanh,  
Bên gò xa tít một mình ngao-du.

Ước gì được chiếc hải-chu,  
Vừa sinh vừa nhẹ tha hồ ruỗi rong,  
Đi cầu đi hết ba vòng,  
Lại tìm nước-nhược non-bồng mọi nơi.

Này cậu lính thủy kia ơi.  
Đi đi nhưng cũng phản hồi có khi,  
Nhờ tôn-trưởng vẫn còn ghi,  
«Thú vui phần-tử đâu bì được hơn»

V. T. T. Tô-Văn-Thiện



## Du remords et de la conscience

Chaque homme a au milieu du cœur un tribunal où il commence par se juger soi-même, en attendant que l'Arbitre souverain confirme sa sentence ; si le vice n'est qu'une conséquence physique de notre organisation d'où vient cette frayeur qui trouble les jours d'une prospérité coupable ? Pourquoi le remords est-il si terrible, qu'on préfère se soumettre à la pauvreté et à toute la vigueur de la vertu plutôt que d'acquérir les biens si légitimes ! Pourquoi y a-t-il une voix dans le sang, une parole dans la pierre ? Le tigre déchire sa proie et dort. L'homme devient homicide et veille. Il cherche les dieux des airs et cependant la solitude l'affraye ; il se traîne autour des tombeaux, et cependant il a peur des tombeaux. Ses sens semblent devenir meilleurs pour ne tourmenter ; il voit, au milieu de la nuit, des lueurs menaçantes ; il est toujours environné de l'odeur du carnage ; il découvre le goût du poison dans les mets qu'il a lui-même apprêtés ; son oreille, d'une étrange subtilité, trouve le bruit où tout le monde trouve le silence ; et sous les vêtements de son ami, lorsqu'il l'embrasse, il croit sentir un poignard caché.

Oh conscience ! ne seras-tu qu'un fantôme de l'imagination, où la peur des châtimens des hommes. Je m'interromps ; je me fais cette question. « Si tu pouvais, par un seul désir, tuer un homme à la Chine et hériter de sa fortune en Europe avec une conviction qu'on n'en saurait rien. Consentirais-tu à borner ce désir ? » J'ai beau exagérer mon indigence, j'ai beau vouloir atténuer cet homicide en supposant que, par nos souhaits, le Chinois meurt tout à coup, sans douleurs, qu'il n'a point d'héritier que même à sa mort, ses biens perdus pour l'état ; j'ai beau me figurer cet étranger comme accablé de maladies et de chagrins, j'ai beau me dire que la mort est un bien pour lui qu'il l'appelle lui-même, qu'il n'a plus qu'un instant à vivre. Malgré mes vains subterfuges, j'entends au fond de mon cœur une voix qui crie si fortement contre la seule pensée d'une telle supposition que je ne puis douter un instant de la réalité de la conscience.



## Lòng hối hận và thần lương-tâm

Người nào ở trong lòng cũng có một cái tòa án tự ta xử lấy việc ta làm, trước khi Thiên-chúa chứng cho việc ta làm là phải. Nếu coi các điều xằng, điều bậy của ta làm chỉ là thuộc về xác thịt thì tại sao những ngày ta làm điều bất-lương mà được thịnh-vượng ta lại sợ? Tại sao sự hối hận nó dữ dội đến nỗi ta đành chịu nghèo mà giữ lấy đức còn hơn là lấy của phi nghĩa mà làm giàu! Tại sao trong mạch máu ta trong viên đá lại có tiếng nói? Con ác thú kia xé mồi ăn rồi ngủ im, mà người không thể, hễ đã can phạm tội giết người thì không tài nào nhắm mắt được. Cứ tìm các vị thần ở trên không trung mà lại sợ sự tịch-mịch, cứ la cà ở trên mồ, mà lại sợ mả. Hình như các tri giác tiến cao lên một bậc để giúp ta đỡ sợ. Đang khi đêm tối bỗng trông thấy ánh sáng gồm ghê. Chung quanh mình lúc nào cũng như đầy những tử-thi. Đồ ăn tự mình nấu lấy cũng như là có thuốc độc. Tai thành ra thính vô hạn, ai cũng thấy tĩnh mà riêng mình nghe thấy động. Khi ôm lấy bạn mà hôn, lại dụt dè sợ hãi, như bạn có dấu gươm ở trong tay áo,

Hối thần lương-tâm! Người có phải là con mã ở sự tư-tưởng, ở cái sự làm đều đặn của người ta không? Ta hãy dừng lại mà tự hỏi câu này: « Ta có thể giết một người Trung-Hoa ở bên Âu-Châu mà lấy hết gia tài của hắn, đã hay rằng ta định ninh ngoài ta không còn ai hay nữa, phỏng như vậy ta có đành lòng được không? » Tha hồ ta tưởng ta rất nghèo túng, tha hồ ta viện lẽ để giảm bớt cái tội ta, tự nghĩ rằng mong cho người Trung-Hoa ấy chết tức thì không đau đớn gì, mà sau khi chết cũng không có kẻ kế tự, bao nhiêu gia tài sẽ thu nạp vào nhà nước, ta tha hồ tưởng tượng người Tàu đó nhiều tật bệnh và sâu não, ta lại tha hồ cho cái chết là hạnh phúc cho hắn, mà chính hắn cũng ước ao vì biết sống cũng chẳng được bao. Dù ta tìm trăm nghìn sự man trá mặc lòng, khi ta nghĩ một điều vô lý như vậy thì trong lòng ta hình như có cái ma lực gì nó mắng ta rất kịch liệt, khiến ta tin rằng « Thần-lương-tâm » phải có.

V. Th. dịch



## A mon habit

Ah ! mon habit, que je vous remercie !  
Que je valus hier, grâce à votre valeur !  
Je me connais ; et, plus je m'apprécie,  
Plus j'entrevois qu'il faut que mon tailleur,  
Par une secrète magie,

Ait caché dans vos plis un talisman vainqueur,  
Capable de gagner et l'esprit et le cœur !  
Dans ce cercle nombreux de bonne compagnie,  
Quels honneurs je reçus ! Quels regards ! Quel accueil.  
Auprès de la maîtresse, et dans un grand fauteuil,

Je ne vis que des yeux, toujours prêts à sourire ;  
J'eus le droit d'y parler, et parler sans rien dire.  
Ce que je décidai fut le nec plus ultra.

On applaudit à tout : j'avais tant de génie !

Ah ! mon habit, que je vous remercie,  
C'est vous qui me valez cela !

Ce marquis, autrefois mon ami de collège,  
Me reconnut enfin, et, du premier coup d'œil,  
Il m'accorda, par privilège,  
Un tendre embrassement qu'approuvait son orgueil.

Ce qu'une liaison dès l'enfance établie,  
Ma probité, des mœurs que rien ne dérégla,

N'eussent obtenu de ma vie,

Votre aspect seul me l'attira.

Ah ! mon habit que je vous remercie !

C'est vous qui me valez cela !

SEDAINE

*Epître à mon habit*



DỊCH-VĂN-TÂY  
Cảm ơn tấm áo

Cảm ơn tấm áo mới này  
Nên danh nên đá vì mây áo ơi!  
Ngắm mình kẻ đã hơn người,  
Bùa yêu hắt thợ dấu nơi vật tà.  
Cho hay phép quỷ chước ma,  
Hồn xiêu dạ mẩn nghĩ đà giới thay.  
Tiệc hoa trong đám vui vầy,  
Kẻ vì người nề đá này thêm cao.  
Kề bên có khách má đào,  
Đôi làn thu thủy lúc nào cũng đưa.

Được quyền ăn nói bấy giờ,  
Hỏi mới ai kẻ dẫn đo nhời mình.  
Việc làm đã quyết định ninh,  
Khắp vùng ai cũng tán thành khen hay.  
Cảm ơn tấm áo mới này,  
Nên danh nên đá vì mây áo ơi!

Cổ giao tử tước kia người,  
Thoạt nhìn tấm áo bớt nhời kiều căng.  
Bấy giờ hắt mới rỉ rằng,  
Thêm lòng vồn vã thêm đường ái-ân.  
Nối giây tương ái tương thân,  
Tình xưa nghĩa cũ muôn phần vẹn muôn.  
Áo ơi nghĩ đến nguồn cơn,  
Vì người tử tước mới tôn quý thầy.  
Cảm ơn tấm áo mới này,  
Nên danh nên đá vì mây áo ơi!

Đồng-sơn NGUYỄN-VĂN-LUẬN dịch.



## CHUYỆN GIẢI CHÍ

(*Khoa học tiểu thuyết*)

### Voyage à travers le firmament

C'était le soir. Accoudé sur ma fenêtre, je regardais le firmament rempli d'étoiles. J'avais fait dans la journée de longues lectures sur l'astronomie : toutes les merveilles que j'avais apprises me remplissaient encore d'admiration.

Longtemps je regardai ces myriades d'étoiles que j'aurais voulu voir de plus près : l'immensité du ciel m'attirait.

« Charmant rayon de l'étoile, qui viens de si loin et qui as parcouru tant d'espace avant de pénétrer dans nos yeux ; toi, qui as dû voir et apprendre en chemin tant de choses que ne puis-je te suivre et voler comme toi à travers l'infinité du ciel. »

Étais-je encore éveillé ? étais-je endormi ? Il me sembla que le rayon, entendant mon vœu, prenait une voix pour me répondre. — Viens, me disait-il :

### Du lịch qua sông Ngân-hán.

Bấy giờ là buổi tối. Tôi giửa cửa sổ, trông lên giời thấy vàng vặc giăng sao. Ban ngày tôi đã đọc nhiều bài về thiên văn, nên những điều kỳ-quan sách giầy vẫn còn phảng-phất ở óc tôi làm cho tôi kinh-ngạc.

Tôi nhìn mãi hằng-hà sa-số vị tinh-tú ấy, tôi ước được đến tận nơi mà xem. Thật là quăng giời xanh vô hạn kia muốn kéo tôi lên.

« Nay ánh sao sáng đáng yêu kia ôi, người từ xa đến đây, trước khi lọt vào mắt ta người đã vượt qua bao quăng không gian, người đã xem và biết được nhiều điều lạ, vậy nhẽ nào ta lại không có thể theo người và bay qua quăng giời xanh vô cùng vô tận kia.

Tôi cũng không biết bấy giờ thức hay ngủ ? Tôi ước như thế thì hình như nghe thấy có tiếng giả nhời rằng. — Được, anh cứ nhảy lên mà theo tôi



monte avec moi, et suis mon vol à travers le monde. — Je m'élançai, entraîné à sa suite avec une prodigieuse vitesse.

Je montais, je montais toujours. A mesure que je m'élevais, la terre qui s'éloignait me paraissait de plus en plus petite. La lune, au contraire, dont nous avions pris la direction, grossissait à vue d'œil. C'était une terre moins grosse que la nôtre, empruntant comme la nôtre sa lumière au soleil.

De hautes montagnes, beaucoup plus élevées que celles de notre globe, hérissaient sa surface. Entre leurs masses énormes se creusaient de vastes cirques, ayant jusqu'à cent lieues de tour. Point de mer : nulle trace d'eau, nulle vapeur ; tout y est desséché. L'air manque comme l'eau. Bien qu'il fit jour dans la lune, le ciel était comme une voûte entièrement sombre, semée de points blancs : on eût dit une tenture de deuil. Ce que nous nommons sur la terre l'azur du ciel est simplement la couleur azurée de notre atmosphère. Ce n'est point le ciel même qui est bleu : c'est l'air qui a cette couleur, pour-

bay qua thế-giới. — Tôi nhảy ngay lên vùn-vụt bay theo,

Tôi bay lên, tôi bay lên mãi. Tôi càng lên cao, địa-cầu càng thấy xa và bé dần đi. Nói trái lại, chúng tôi nhắm thẳng nguyệt-cầu bay tới, thì nguyệt-cầu càng thấy to dần ra. nguyệt-cầu bé hơn địa-cầu, cũng mượn ánh sáng của thái-dương.

Ở trên nguyệt-cầu có núi cao chom-chổm, cao hơn núi ở địa-cầu. Ở giữa những ngọn núi có những quãng rộng mông mênh hàng trăm dặm đường chu vi. Không có bể : không có nước, cũng không có hơi nước : chỗ nào cũng khô ráo. Ở đây không-khí cũng hiếm như nước. Dầu rằng trên nguyệt-cầu cũng sáng như ban ngày, nhưng trông lên giới hết như một cái cửa cuốn màu sẫm lốm-đốm có vết trắng, chẳng khác gì cái màn phượng-du. Ở dưới đất ta thường gọi là giới xanh, chỉ là màu xanh của lượt khí-bao. Chứ thực giới không xanh. Không-khí có nhiều thì thấy xanh xanh. Bởi thế nên trên nguyệt-cầu không



vu qu'il existe en assez grande quantité. Aussi, à la surface de la lune, où l'air est absent, le ciel me paraissait noir.

Je mis le pied sur le sol pierreux de la lune, cherchant autour de moi quelque habitant de ce séjour désolé. Je ne pus voir rien de semblable à nos végétaux et à nos animaux. Cependant n'y avait-il réellement rien de vivant en ce séjour ? Je ne sais.

Mais ne nous attardons pas sur ce globe stérile. Nous avons tout l'espace à parcourir.

**Les planètes et le soleil.** — Nous montons vers ces terres semblables à la nôtre, ces astres errants, ces planètes qui tournent comme notre terre autour du soleil. D'un vol rapide nous les passons en revue.

A l'extrémité, j'aperçois la planète Neptune, la plus éloignée du soleil, qui décrit autour de lui le plus grand cercle.

Puis un peu plus près, vient Uranus ; puis Saturne, dont l'aspect étrange attire mon attention. Il semble enveloppé d'une ceinture de feu : c'est un anneau

có không-khí thì giời đen.

Tôi bước chân xuống nguyệt-cầu, tìm xem ở chỗ tiêu-diêu ấy có sinh vật nào không. Tôi không thấy vật gì giống như động vật, thực vật dưới ta. Thế nhưng ở đấy thực có sinh vật hay không ? Tôi cũng không biết.

Chúng tôi không đứng ở đấy lâu vì chúng tôi còn phải đi nhiều chỗ khác.

**Các vị hành-tinh và thái-dương.** — Chúng tôi bay đến các vị tinh-tú giống như địa cầu, các vị tinh-tú phiêu-lưu ấy tức là hành-tinh cũng quay chung quanh vàng thái-dương chẳng khác gì địa-cầu. Chúng tôi bay rất nhanh, để xem hết được cả.

Ở chỗ đầu cùng, xa thái-dương hơn cả, tôi thấy Hải-vương-tinh, quầng ra to nhất.

Rồi đến Thiên-vương-Tinh ; rồi nữa đến Thổ-tinh, trạng-mạo kỳ-quái, nên tôi xem xét cẩn-thận. Trông hình như chung quanh có một vòng lửa :



circulaire qui le ceint par le milieu sans le toucher en aucun endroit : anneau brillant, dont la lumière, empruntée au soleil, éclaire Saturne pendant la nuit.

De Saturne, nous nous élançons vers la plus énorme des planètes, vers Jupiter, près de quinze cents-fois plus gros que notre terre et éclairé par quatre lunes plus grandes que la nôtre.

Voici maintenant, par opposition à ce globe gigantesque, une centaine de planètes très petites que nous traversons à la hâte : ce sont sans doute les débris de quelque planète de grande taille dispersée en fragments par une cause inconnue.

Nous approchons de Mars, dont l'aspect ressemble tellement à celui de la terre, que je le prendrais pour la terre même si je ne voyais celle-ci un peu plus loin. Il est presque de la même grosseur : des mers brillent à sa surface ; ses pôles sont couverts de glace ; ses nuages flottent dans son atmosphère. Là, peut-être l'homme pourrait vivre ; là peut-être habitent des végétaux, et des animaux, plus ou moins analogues à ceux que nous connaissons.

vòng thực tròn chỉ bao-bọc nguyên ở chỗ giữa : vòng ấy mượn ánh sáng của thái-dương nên sáng lắm, cứ đến đêm thì chiếu xuống Thổ-tinh.

Từ Thổ-tinh chúng tôi bay đến Mộc-tinh, là một vị hành tinh to nhất, to hơn địa-cầu 1500 lần, và có bốn nguyệt-cầu to hơn nguyệt-cầu của ta chiếu ánh sáng xuống.

Đối với tinh-cầu to ấy, có hàng trăm hành-tinh nhỏ hơn chúng tôi chỉ bay lướt đi thực nhanh : đấy chắc hẳn là những mảnh-vỡ của một hành-tinh to đã tan nát ra vì một nhẽ gì không ai biết.

Chúng tôi bay đến Hỏa-tinh, trạng mạo hệt như địa-cầu, nếu đứng hơi xa mà nhìn, tôi cũng nhầm là địa-cầu, Hỏa-tinh to sit-soát địa-cầu : trên mặt có bề nhấp-nhánh ; hai đầu có băng phủ trắng soá ; trong lượt khí-bao có mây nổi phát-phơ. Ở đấy có nhẽ người sống được. Ở đấy dễ thường có sinh-vật, giống như động-vật và thực vật mà ta vẫn biết.



Je voudrais m'arrêter ; l'élan rapide du rayon qui m'entraîne m'a déjà porté plus loin. Nons repassons près de la terre encore plongée dans la nuit, puis nous saluons sa voisine Venus, cette charmante planète que nous appelons, tantôt l'étoile du matin, tantôt l'étoile du soir, tantôt l'étoile du berger. Elle aussi ressemble à la terre : une atmosphère l'enveloppe ; de hautes montagnes couvertes de neiges éternelles se dressent à sa surface : est-elle habitée comme notre globe ? Je ne sais.

Continuant notre course, nous nous rapprochons rapidement du soleil dont la masse de plus en plus grande flamboie à nos yeux. Nous rencontrons encore une planète d'assez petite taille, brûlée par les feux du soleil, dont elle est la plus voisine : c'est Mercure Enfin voici le soleil lui-même, énorme globe de feu enveloppé d'une atmosphère de feu que traversent des nuages : dans ce brasier éblouissant tout est en fusion ; les métaux y sont à l'état de vapeur ou liquide de incandescent. Ce foyer de lumière et de cha-

Tôi muốn đứng lại xem, nhưng cái ánh sáng dắt tôi đi, đã bay vút và kéo tôi ra xa. Chúng tôi bay giở lại địa-cầu, vẫn còn thấy chìm đắm trong khoảng đêm trường ; rồi chúng tôi đến Kim-tinh ở gần ngay đấy ; vị hành-tinh yêu-kiều này ta thường gọi là sao-mai Sao-hôm hay Sao-thái-bạch, cũng giống như địa-cầu : chung quanh có lượt không-khí bao bọc, trên mặt có núi cao lởm-chổm, quanh năm tuyết phủ trắng xóa : ở đấy có sinh-vật như dưới ta không ? Tôi không biết.

Chúng tôi lại bay đi, bay nhanh đến gần thái-dương, càng đến gần khối lửa càng thấy to ra và rơi vào mắt. Ở sát ngay thái-dương, có một hành-tinh nhỏ, cháy xém : đấy là thủy-tinh. Sau cùng thì đến thái-dương, là một hỏa-cầu to, chung quanh có lửa bao bọc, có những đám mây bay xuyên qua : ở trong khối lửa chói lọi ấy, vật gì cũng phải chảy ; loài kim thì hóa ra chất hơi hay chất lỏng, nhiệt-độ cực cao. Cái lò lửa và ánh sáng ấy có địa-cầu và các hành-tinh mà tôi vừa xem hết lượt, quay



leur, autour duquel tournent notre terre et toutes les planètes que je viens de parcourir, est lui-même emporté dans l'espace avec une effrayante vitesse : il tourne autour de quelque astre plus énorme encore que lui et qui fait partie des étoiles. Notre soleil n'est lui-même qu'une perdue dans la foule des étoiles.

Elançons-nous vers ces mondes, dont les groupes variés forment les constellations de la nuit.

Qu'ils sont loin ! Quel espace à parcourir !

Tout à l'heure nous allions en peu d'instant d'une planète à l'autre. Maintenant nous, avons beau hâter notre marche, ces étoiles sont si loin, qu'elles ne semblent pas même se rapprocher.

(A suivre)

GUYAU

chung quanh, chính mình cũng vẫn quay tít ở trong bầu trời, quay chung quanh một vị tinh-tú to hơn, vị tinh-tú này là một phần-tử trong đám quần-tinh. Thái-dương cũng chỉ là một vị tinh-tú lẫn trong đám quần-tinh,

Các tinh-tú ấy, họp lại từng chòm khác nhau, cứ đến đêm thì nhấp nhánh ở trên trời. Chúng tôi bay đến nơi để xem.

Thực là xa quá ! Đường đi lâu quá !

Ban nầy chúng tôi bay trong giây phút từ hành-tinh nọ đến hành-tinh kia. Bây giờ chúng tôi bay cực nhanh cũng vô ích, các vị tinh-tú này xa quá, hình như không sao đến gần được.

(còn nữa)

TÒ-VĂN-THIỆN



DỊCH VĂN TÂY

Amour filial

Toujours, ô mon père, ô ma  
[mère,

Je veux tendrement vous  
[aimer.

Ma mère, ah ! Combien tu  
[m'es chère !

Des mots ne sauraient l'ex-  
[primer.

Parmi de cruelles alarmes,

C'est toi seule qui m'as nourri.

Si tu m'as bien des fois souri,

J'ai dû te coûter bien des lar-  
[mes.

Longtemps, ô mon père, ô  
[ma mère,

Soyez mon exemple ici-bas ;

Longtemps, vous pourrez, je  
[l'espère,

Veiller tous les deux sur mes  
[pas,

Vous qui protégez ma fai-  
[blesse,

Je saurai peut-être à mon  
[tour,

Par mon tendre et pieux  
[amour.

Vous faire une heureuse  
vieillesse.

M. BOUCHOR

Đạo hiếu

Này cha ơi ! này mẹ ơi !

Thờ cha kính mẹ giám giới tắc  
[son,

Biết bao mẹ đã thương con !

Nhờn nhờn khôn trả ngọn nguồn  
[ái-ân.

Nuôi con lắm lúc lo toan.

Mẹ riêng cam chịu trăm phần  
[gian nan.

Dẫu rằng cười gượng đôi lần,

Vui này chẳng bỏ khóc than  
[những ngày.

Này cha ơi ! này mẹ ơi !

Mảnh gương hiếu nghĩa con  
[thời noi theo.

Ơn trên mong đợi còn nhiều,

Dạy điều lễ phép, dạy điều thiệt  
[hơn.

Ngày thơ, chăm chút cho con,

Nhờn khôn há nhẽ quên ơn sinh  
[thành.

Đạo làm con, quyết định ninh,

Tuổi già phụng dưỡng bên  
[mình giám quên.

Đồng sơn  
NGUYỄN-VĂN-LUẬN  
dịch.



## La Pitié

Le temps en sa fuite, blesse ou tue nos sentiments les plus ardents et les plus tendres. Il affaiblit l'admiration en lui ôtant ses aliments naturels: la surprise et l'étonnement; il anéantit l'amour et ses belles folies, il ébranle la foi et l'espérance, il défleurit, il effeuille toutes les innocences. Du moins qu'il nous laisse la pitié afin que nous ne soyons pas enfermés dans la vieillesse dans un sépulcre.

C'est par la pitié qu'on demeure vraiment homme. Ne nous changeons pas en pierre comme les grandes impies des vieux mythes. Ayons pitié des faibles, parce qu'ils souffrent la persécution et des malheureux de ce monde parce qu'il est écrit « Malheur à vous qui riez » Prenons la bonne part qui est de souffrir avec ceux qui souffrent et disons des lèvres et du cœur, au malheureux comme le chrétien à Marie « Tac me tecum plangere »

## Lòng từ-bi

Thì giờ đi như chớp mắt khiến cho bao nhiêu tình cảm của ta dù nồng nàn đến đâu, dù dịu dàng đến đâu cũng bị tiêu ma đi mất. Nó làm nhạt mất cái lòng hăm mộ của người ta, vì chính nó đã làm mất những đồ ăn thiên nhiên như là sự lạ-lùng, lòng kinh khùng. Nó làm hủy hoại mất cả cái ái tình, và sự ham mê của tình ấy, nó quấy rối cả cái lòng tin-ngưỡng và hy-vọng, nó làm héo rụng cả cái tình lương-thiện của người.

May ra nó còn để lại cho ta chút lòng từ-bi khiến ta lúc về già không đến nỗi trở trời như thầy nằm trong mả vậy.

Nhờ có lòng từ-bi mà ta không hổ tiếng làm người. Ta không nên tự dối ta ra phỗng đá, như người vô đạo đời huyền diệu ngày xưa. Ta nên thương người yếu đuối, họ cực khổ vì họ bị áp chế. Ta lại thương những kẻ được sung sướng vì có câu. « Kẻ nào cười là kẻ ấy sẽ phải khóc » Ta chỉ nên chọn lấy phần đích đáng hơn là ta nên cùng kẻ đau đớn cùng đau đớn và nên hết lòng thật bụng với người khốn nạn như là con chiên kêu Đức-chúa « Phù hộ cho con mầy »

V. TH. dịch



## L'irrésolu

L'irrésolution n'est pas un travers, n'est pas un défaut ; c'est une maladie qui se mêle à tous les actes de la vie, et fait le tourment non seulement de celui qui, en est frappé, mais des gens qui l'entourent.

Un être irrésolu porte son irrésolution dans le choix d'un habit comme dans le choix d'un état, dans les plaisirs, comme dans les affaires. J'entends toujours ce dialogue d'un employé des finances avec sa femme, à propos de son parapluie :

— « Marie, me conseilles-tu de prendre mon parapluie ? »

— Fais comme tu voudras mon ami.

— Crois-tu qu'il pleuve.

— Je n'en sais rien, mon ami.

— Allons ! Je l'emporte.

— Tu fais bien mon ami.

— Mais s'il ne pleut pas, il me gênera.

— Eh bien, ne l'emporte pas.

— Mais s'il pleut, je serai mouillé.

— Alors emporte-le.

— Tu es insupportable ! Emporte le. . . ne l'emporte pas. . .

Que diable ! On a un avis.

Crois-tu que je ferai bien de l'emporter ?

— Oui !

Eh bien, alors je l'emporte. . .

Cependant le baromètre a remonté depuis ce matin. . . le ciel s'éclaircit. . . Si le temps devient beau, je ne penserai plus à ce diable de parapluie, et je le perdrai.

Ah ! ma foi ! décidément (décidément est le mot favori des irrésolus), je ne l'emporte pas ! . . . »

Le voilà parti. Mais, en passant dans l'antichambre, il a vu son parapluie, il le prend, et. . . et arrivé en bas, il le dépose chez le concierge.

ABRÉGÉ D'ERNEST LEGOUVÉ



## Người không nhất định

Sự không nhất định không phải là một điều lỗi, cũng không phải là một thói xấu; chính là một bệnh lần trong công việc đời, không những làm phiền cho người mắc bệnh ấy mà lại làm nhiều sự cho những người ở chung quanh người mắc bệnh.

Người không nhất định thời chọn cái áo mặc cũng không nhất định, chọn nghề làm cũng không nhất định, trong khi vui thú cũng không nhất định, trong công việc làm cũng không nhất định. Tôi vẫn nghe thấy một người làm việc ở sở tài chính nói với vợ về việc cái ô như sau này :

— « Này mợ, không biết có nên mang ô đi không?

— Tùy cậu đấy.

— Nhưng mợ bảo có mưa không?

— Nào biết được.

— Vậy thì, tôi mang đi nhé?

— Phải đấy, mang đi cũng được.

— Nhưng ngộ không mưa thì phiền lắm.

— Vậy thì thôi, đừng mang đi nữa.

— Thế nhưng ngộ mưa thì lại bị ướt.

— Thì mang đi vậy.

— Mợ làm tôi khó chịu quá! Mang đi mấy chẳng mang đi. Thôi quyết không mang đi nữa.

— Cũng được chứ sao.

— Ừ thì mang đi.

○ Nhưng hàn thử biểu lên từ sáng đến giờ . . . Giời quang, mây lặng, mưa sao được . . . Ngộ giời không mưa, thì mình còn nghĩ gì đến ô thế là mất toi. Chà! nhất định không mang đi nữa (chữ nhất định là câu đầu lưỡi của những kẻ không nhất định.)

Ra đi, nhưng đi qua buồng con trông thấy cái ô, lại cầm đi vậy, lúc xuống đến nhà dưới lại đưa ô cho đưa ở cất đi.

VÂN THÚY



## Thủa nhỏ ông Pasteur

### và ông Victor Hugo

Xem mấy chuyện nhỏ dịch sau đây, hiểu rõ rằng những người có danh tiếng vang lừng bốn bề, lưu truyền nghìn thu phần nhiều là những người đã sớm biết chăm chỉ học hành tập quen kiên nhẫn từ thủa còn thơ. Vậy nay các cậu đầu xanh tuổi trẻ như hoa sắp nở như giăng mới mọc, sẵn cơn ngày ba bữa cha cày cấy, đủ áo mặc bốn mùa mẹ vá may, chưa phải bận trí đến kế sinh nhai nên cố công học hành tiến tới để sau này ích lợi cho nhà cho nước. Nhà thịnh nước hay do tay các cậu cả, nên phải cố học cho hay.

Viết theo Q. S.

### 1°. — Thủa nhỏ ông Pasteur

Ông Pasteur sinh năm 1822 ở thành Dôle, phủ Jura. Ông là con nhà thường dân, nhưng mọi người biết là lương thiện thật thà. Khi ông còn nhỏ, ông đi học trường sơ-đẳng, rồi tiến lên trường trung học Arbois. Ông là học trò giỏi, và siêng không hề chậm trễ bao giờ, đến 18 tuổi ông được tuyển vào trường Resançon làm thầy giáo phụ. Nhờ có lương ăn, ông có thể chuyên về học cách-trí. Tự lấy làm sung sướng, vì cha mẹ không phải tốn phí đến nữa, ông lại còn dùng ít thì giờ, và ít tiền lương để giấy đồ cho hai em gái. Ông can đảm, bền trí lắm; vẫn tin rằng: đạo làm người là phải hết sức học hay hơn lên. Khi đã thi cử xong hết rồi, chuyên khảo cứu về cách-trí. Bạn hữu ông thường gọi đùa là cột nhà thí nghiệm. Ông hành như có tính chậm chạp. Hễ ông thí nghiệm gì thì ông tìm cho được, dù phải lâu ngày, nhiều tháng, ông cũng không ngại nên ông bắt đầu làm lại rất là kiên tâm bền chí không thấy hổng mà ngại lòng. Ông cố tìm khi nào được kết quả thập phần mãn túc mới nghe. Ông không tự tin gì mình; tự xử đoán kiểm duyệt mình thật nghiêm khắc. Về đẳng cách-trí, ông nói như đóng danh



vào cột đến những kẻ thù cũng chịu ông nói sao có vậy. Trước hết ông tìm nguyên nhân về sự bốc men ở rượu bia, men rượu và dấm. Sau mới bắt đầu vì những sự khảo cứu khác, còn quan hệ nhiều. Từ đấy ông mới bắt đầu vào thế giới các vật rất nhỏ mà sau này ông gọi là vi trùng, ông cứ tìm tòi xem những sự hành vi của các vật ấy ở trong thế-giới ra thế nào?

Đến năm 1860 ông quyết chắc rằng trong không khí có nhiều vi trùng và nhiều bệnh đều tại đó ra cả. Nhưng làm thế nào cho đời chịu là phải, vì bấy giờ nhiều ông thông thái có nghĩ như thế đâu? Ông Pasteur nghĩ ra cách lấy không khí các nơi khác nhau, trong phòng, ngoài phố, trên núi đem bỏ vào những bình bằng thủy tinh rồi hoặc lấy hiện vi hay dùng cách hóa học để xem xét thì ông nghiệm rằng không khí ở nhà què ít vi trùng hơn ở ngoài tỉnh và hễ càng lên cao trên đỉnh núi thì lại càng thấy vi trùng ít dần đi.

Trước khi ông tìm thấy đích xác việc đó, người ta mời ông đi xét bệnh dịch tằm khi ấy hại lắm. Ông lấy kính hiển vi xét thì tìm được căn nguyên bệnh này và chỉ ra phương pháp chữa đỡ hại cho thành Rhône không biết bao nhiêu mà kể.

Cũng lúc bấy giờ có bệnh tả phát ra ở tỉnh Marseille lan đến tận Paris. Ông ngờ rằng bệnh dịch tả này cũng như các bệnh lây khác cũng tại vi trùng ra cả, ông về nhà thương thí nghiệm bệnh đó việc thí nghiệm này không phải là không nguy hiểm. « Có hôm người ta bảo ông rằng : thí nghiệm này thì tất phải can đảm lắm » Ông đáp « Nghĩa vụ phải thế ».

VALLERY-RADOT

*Q. S. Trích dịch sách danh nhân về thập thất thế kỷ*

Ông là một nhà danh sư. Những môn đệ ông cũng tìm ra được nhiều thứ thuốc hay. Ông bác sĩ Roux tìm ra môn thuốc trị với hần, bác sĩ Yersin tìm ra môn thuốc tiêm chữa bệnh dịch hạch, những ông khác tìm ra được cách lọc nước.



## Những môn thuốc của Pasteur tìm ra

Từ năm 1872, Pasteur tiên sinh chuyên trị chữa bệnh người. Thấy nhiều nhà phải chết hại, làm cho nước Pháp một năm thiệt đến nghìn vạn người vì những bệnh lây, thì ông đem lòng thương xót. Ông công bố cho mọi người biết rằng những vết thương toét lở ra có thể tránh khỏi. Sau rồi ông tìm ra được những môn thuốc chữa loài vật: bệnh toi gà, toi lợn một năm chỉ một miền Pha lê cũng bị hại có đến hàng triệu con.

Thứ nữa, ông xét đến bệnh chó dại. Bệnh này nguy hiểm mỗi năm nước Pháp phải hại đến mấy trăm người thiệt mạng ông khảo cứu, suy tầm rất kỹ càng cẩn-thận trong năm năm giới. Ông tiêm cho chó những thuốc đậu rất nhẹ rồi dần dần mạnh lên, như thế ông giữ cho những vật ấy chắc khỏi hẳn bệnh dại.

Lấy thuốc này chữa cho người tựa như có một cái vực sâu ngăn chở vậy, vì ông là người cẩn thận vô cùng nên chưa dám dùng vội. Hôm mồng 6 tháng bảy năm 1885 là ngày đáng làm kỷ niệm, có người dẫn lại ông chữa một thằng bé Alsacien mới lên 12 tuổi tên gọi Joseph Meister bị chó dại cắn mười bốn vết đầu đòn lăm. Mẹ thằng bé van lạy ông ra tay tế độ. Ông cảm động vô cùng, nhưng ông vẫn chưa quyết chắc rằng thuốc ông chữa khỏi, hay làm cho thằng bé mau chết. Ông định tiêm phát đầu một mồi thuốc nhẹ nhẹ. Ngày mai ông tiêm phát thứ hai hơi mạnh lên rồi dần dần cứ tiêm lên mãi. Đến khi phải tiêm phát thuốc rất mạnh thì ông áy náy lo sợ thâu đêm không thể chợp mắt. Sau thằng bé khỏi, thế là thuốc chữa chó dại tìm ra từ đấy.

Mãi đến khi già lão ông cứ kiên tâm khảo cứu về việc y-học ông cải lương lại các cách trị bệnh. Ông tác thành cho nhiều học trò nên những nhà danh sư. Những môn đệ ông cũng tìm ra được nhiều thứ thuốc hay. Ông bác sĩ Roux tìm ra môn thuốc trừ yết hầu, bác sĩ Yersin tìm ra môn thuốc tiêm chữa bệnh dịch hạch, những ông khác tìm ra được cách lọc nước,



cách sát trùng ở những quần áo, buồng ở những người ốm cùng những cách tiến bộ về vệ sinh chung vân vân. Nói rằng nhờ những công việc của ông Pasteur mà chỉ một nước Pháp đã một năm ít nữa cũng được một vạn người khỏi chết, không phải là quá vậy. Lúc ông sinh thời, đáng cho người đời sùng bái và hưởng cái danh hiệu là người làm ơn của nhân loại.

Đến sau khi hội Vạn-quốc ở Luân-đôn giải tán, vua Prusse lại gần ông nói rằng: « Thừa ông Pasteur, tôi rất lấy làm hân hạnh mà được hợp mặt cùng ông và xin nói để ông biết rằng: lúc này tôi có vô tay ngời khen ông » Thế là cuộc đại thắng mà ông Pasteur làm cho nước pháp đó ! Cuộc đại thắng này rất là có giá trị vì không làm ai phải tổn hại một giọt máu đào, một hạt lựu nhỏ. Chính phủ Đại-Pháp tặng ông một món tiền quốc thưởng; thành Dôle xây tượng ông làm kỷ niệm. Khi nhân dân đọc bài chúc mừng rồi, ông cảm động vô cùng, sức nhớ đến công sinh thành ông liền nói ra những lời hiếu nghĩa vô cùng. Những lời nói đó sau thành bất tử. Nhời rằng « Cha ơi ! Mẹ ơi ! song thân quý báu tôi ơi ! song thân sinh tôi ở cái nhà bé nhỏ này, nhưng nhờ công đức song thân giầy cho tôi biết trông lên, biết học rộng nên tôi được thế này » Đó là những lời ông đáp lại bài chúc văn trước. Đến năm 1895 ông li trần ai ai cũng đều tiếc thương.

VALLERY RADOT

*Q. S. Trích dịch sách danh nhân  
về thập thất thế kỷ*

## **2°. — Thừa nhỏ ông Victor Hugo 1802-1835**

Ông Victor Hugo sinh ở Besançon năm 1802. Thân phụ ông là một nhà đại tướng. Thân mẫu ông là dòng tôn thất. Từ thừa nhỏ, hầu hết ông đã thấu hiểu những cảm giác cùng những tính tình mọi người.

Nhân thân phụ ông theo việc nhà binh nên từ khi ông còn bé phải theo đi nhiều xứ ở Besançon đến Corse, ở phương nam xứ Ý đại Lợi đến Ý Pha Nho rồi về Pha Lê.



Lúc còn bé, ông có trí suy nghĩ xa xa lắm. Ông có những cảm giác rất mạnh về những xứ cùng những nhân vật mà ông đã quan sát kỹ càng. Những cảm giác này là những vật liệu cho ông làm thành sách vở. Vì phải phiêu lưu luôn mãi như thế nên học ở trường không được bổ ích gì mấy, nhưng nhờ ông có tinh hiếu học mà nên thông thái, từ khi mới mười hai tuổi ông đã đọc những bộ sách của Voltaire, Rousseau, Diderot cùng nhiều những sách nói về hành trình các xứ vân vân. . . .

Mãi đến mười ba tuổi ông học hành mới có tuần tự; ông chuyên nhất về mặt tính để thi vào trường Cao-đẳng Lục-Lộ. Những khi ấy ông đã nổi tiếng thi sĩ biệt tài, ngồi trong lớp vừa làm tính đổ vừa làm thơ; chăm chỉ làm việc lắm, khi lên mười lăm tuổi đã gửi một bài thơ nói về sự ích lợi về việc học lên hội Hàn-Lâm xét. Bài thơ này hay lắm, được khen. Khi đang chơi đá cầu với trẻ thì ông được tin hội Hàn-Lâm ban thưởng.

Không bao lâu su hướng về nghề làm văn thơ, vì ông xét trong trí không thể làm nghề gì khác được. Dù thân phụ cấp lương cho theo học Lục-Lộ nhưng quyết đành xin thôi rồi ông viết thơ về thân phụ thưa rằng ông làm nghề viết thơ văn để tự chi dùng lấy. Khi ấy ông lên mười sáu tuổi. Ý kiến ấy thì thật là hay nhưng khó thi hành được lắm, vì người còn nhỏ mới bấy nhiêu tuổi mà kiếm ăn về đường thơ văn thật là khó lắm. Nhưng ông đã quyết thi hành không dặt dè gì cả. Sức ông yếu lắm nhưng ăn uống làm lụng rất có tiết độ nên ngày ngày khỏe thêm lên. Ông khảo cứu sách vở rất là cần mẫn kỹ càng. Ông có làm mấy bài thơ đều được thưởng. Đến năm 19 tuổi, được lên làm chủ bút một nhà báo giao thiệp với những nhà có tiếng hay chữ; ai cũng chịu ông là có thiên tài xuất chúng. Suốt nước Pháp không đâu là không biết tiếng ông mà cả nhiều nước ngoài cũng không lạ.

Khi ông 19 tuổi, thân mẫu ông mất. Lúc phải cái tin buồn này, ông đang lúc rất tung bắn nhưng sau này thơ văn ông tấn bộ lắm, được dâng ngự lãm và được thưởng một năm là một.



nghìn quan. Được vậy, ông lấy làm sung sướng vô cùng. Đến năm hai mươi, ông mới kết hôn với một người con gái mà ông đã hỏi từ năm 1822. Hai vợ chồng ông, nhiều khi phải cực khổ, đôi khi chỉ có nửa quả chuối ăn cho qua bữa.

VALLERY RADOT

Q. S. Trích dịch sách Danh-nhân

về thập thất thế kỷ.

### Một thứ cá lạ

Ở bên Tây có một thứ cá rất lạ, vì nó làm tổ ở dưới nước, cũng như là chim làm tổ ở trên cành cây vậy. Cá ấy gọi là gai. (Tépinoche) mình mọc đầy những gai nhọn dùng để thủ thân trong khi nguy hiểm.

Mình nó thường thường sắc trắng như bạc, lúc nào có người qua định bắt nó, làm cho nó tức giận thì mình nó lúc biến sắc đỏ, lúc biến sắc trắng trông rất hay chẳng khác gì đùa trẻ con lúc giận thì mặt đỏ gay lên.

Chỉ có cá đực là biết làm tổ, còn cá cái chỉ biết đẻ trứng mà thôi. Lúc nào định làm tổ thì con đực đi tìm các cành cây rơi xuống nước cùng các cây dong, sắp lại thành một cái nền, rồi lấy đá gạch đè lên cho khỏi nổi lên mặt nước. Trên nền ấy nó làm một cái tổ con, có cửa tròn, trông bề ngoài thì sơ sài, mà bề trong thì rất khéo có bùn sa trắng một lượt nhân lì như là ta trát vôi lên tường vậy. Khi làm xong tổ, cá đực đi tìm cá cái về đẻ. Đẻ rồi cá cái đi nơi khác, còn cá đực ở lại trông nom tổ trứng. Bao giờ nó cũng vờ vẫn ở trước tổ và ve vẩy cái vẩy thật nhanh làm cho nước không ngấm vào tổ được. Thỉnh thoảng cá cái đến rình ăn trứng, cá đực lại phải hết sức tìm cách chống giữ đuổi cá cái đi và che chở cho tổ trứng. Khi nào cá nỏ đã nhón có thể tự đi kiếm ăn được thì nó mới đi nơi khác.

Hóa công cũng kỳ thay !

VÂN-THÚY



## ĐẠI-PHÁP ĐỊA DƯ YẾU-LƯỢC

**Nhời dẫn:** Có tranh ảnh nước Pháp mà xem thôi hay lắm, bằng không để bản đồ bên cạnh mà đọc mới có ích lợi.

### BÀI THỨ 1

#### Nói truyện qua về địa thế nước Pháp

I. — Nước Pháp không phải là một xứ đồng bằng nhiều như các nước phía bắc, mà cũng không núi nhiều như các nước phía nam châu Âu. Đồng bằng cũng có, rừng núi cũng nhiều, nên cây cấy giồng giọt được các thứ cây cối. Nắng hạ như Y-pha-Nho làm chín các đồi nho miền Languedoc, xương mù như nước Anh làm tươi tốt các đồng cỏ miền Bretagne, Flandre để nuôi những ngựa bò.

II. — Nước Pháp lại khéo ở vào chỗ ba mặt bể: bể Bắc, bể Đại-Tây, bể Trung-Hải, việc thông thương vận tải với các nước thuận-tiện lắm.

III. — Nói tóm lại nước Pháp có một cái địa-thế rất đẹp, núi, non, sông nước, khí hậu điều hòa, đủ làm cho ai biết cũng phải mến cảnh yêu người.

### BÀI THỨ 2

#### Cuộc đi chơi ven bờ bể Méditerranée

I. — *Thế nào gọi là bờ bể.* — Ta đã biết mặt đất không được phẳng, chỗ nào cao gọi là núi, chỗ nào thấp lõm xuống như hình chậu thau có nước mặn gọi là bể. Vậy cái đường xa ta trông thấy kia, nó ngăn bể với đất ra ấy là bờ bể. Chỗ nào đất thấp phẳng, bờ bể cũng phẳng và thấp, chỗ nào gồ-gề lồi-lóm, nước ngập vào chỗ lõm làm thành ra vịnh, để phơi chỗ cao ra, làm thành mũi bể, cù-lao hay bán-đảo. Ta đã biết thế nào là bờ bể rồi, ta đi tàu chơi ven bờ bể Méditerranée từ dãy núi Pyrénées bên Espagne giở lại xem qua một lượt.



II. — *Bờ bể về miền Languedoc.* — Đứng trên tàu, trông vào bờ, trước mặt ta thấy một miền phẳng lặng, không có một cái đồi cao nào đằng xa, mặt đất cứ từ từ hơi giốc ra bể làm thành một cái bờ thấp và phẳng tuyền cát và đá sỏi cả. Ta nhận kỹ xem, kia con sông đào nhỏ, từ bờ bể vào đến tận hồ nước mặn mà ta cũng thấy tit xa kia. Tàu vừa đi, ta vừa xem, miền này rất một thứ sông đào thông bể vào với hồ trong đất cả để tiện việc thông thương. Nhưng vì lòng sông càng ngày càng bồi cát lên, dần dần lấp mất cả sông thành từng bãi một, nên xuất cả miền này chỉ lập được một hải-cảng thôi gọi là Cette. Tàu đi cách độ vài giờ đồng hồ nữa sẽ đến chung châu bên tả sông Rhône và hải-cảng Marseille.

III. — *Bờ bể về miền trung-châu sông Rhône.* — Đến đây, ta trông phong cảnh đã khác hẳn. Đằng xa ta đã thấy đồi cao chạy dài ra bể làm thành những núi đá hình tròn lúc trên có rừng rú sanh um, lúc trơ trọi đỏ ối. Bể chỉ ngập vào chỗ lõm làm thành ra nhiều vịnh nhỏ hẹp còn phoi chỗ cao ra thành những mũi bể, bán đảo, gần cạnh những cù lao đá, đỏ thẫm một màu.

IV. — *Bờ bể về miền Alpes maritimes.* — Tàu đi tí nữa, kia phong cảnh lại khác hẳn. Ta hãy nhìn dãy núi Alpes kia, những chỗ chơ chọi thì trắng toát một màu, chỗ có cây mọc thì hoa hồng hoa trà chi-chít. Núi cứ từ từ giốc dần ra bể, nước ngập vào chỗ lõm thành vịnh, phoi chỗ cao thành cù-lao, mũi bể, bán đảo, như đây có vịnh Villefranche cũng khá to, tàu bè có thể đậu được,

Ta đi xem qua một lượt rồi, ta thấy rằng bờ bể mặt nước nhiều cũng chỗ khác nhau về hình thức, về phong cảnh, ấy là tùy theo nơi có núi cao hay là bãi thấp vậy.

### BÀI THỨ 3

#### Cuộc đi chơi lên núi Alpes

I. — Ta đi từ Lyon, độ vài giờ đồng hồ xe hỏa, ta sẽ đến chân dãy núi Alpes. Kia trông xem hai giãy núi chạy dài như hai cái tường chắn ngang, ở giữa có đường đi, ta thử vào chơi. Chỗ này đối với núi gọi là thung-lũng, một con sông



nước trong leo lẻo, cứ việc chảy từ trên xuống. Hai bên bờ có đồng điền, cây cấy được, có đồng cỏ cho ngựa bò ăn, nhân có sức nước, người ta lại đặt thêm các cối say nữa, cách quay tít trông thật là vui mắt. Ta thử theo sườn núi mà cứ trông lên xem, kia rừng thông, rừng hêtres lại điểm thêm lác đác mấy cái thác reo hay là trơ ra từng tảng núi chằng, không cây cối nào mọc. Cao hơn nữa lại là cánh đồng cỏ, và những nhà gỗ (chalets mà dân cư ở dưới thung lũng đã làm để đến mùa hạ khi tuyết tan, đem ngựa bò lên đấy nuôi và nghỉ mát luôn thể. Nếu ta chèo lên tận đỉnh núi mà trông sang bên kia, ta cũng thấy như bên này vậy.

II. — Chúng ta lại lên xe hỏa đi chơi nữa. Ta thấy núi cứ thấp dần dần đi, xa nhau ra, thung lũng càng rộng, mặt giới chiếu sáng xuống đến nơi được. Chỗ này ta gọi là đồng điền ở giữa núi đó. Đất thường tốt nên giồng giọt cây cấy được thóc, lúa, nho, các cây có quả, dân cư ở cũng đông đúc. Mắt ta còn đương mãi trông cánh đồng bao la, xe hỏa đã đưa ta về phía đông rồi. Ta lại thấy núi càng ngày càng cao mãi lên, thung lũng hẹp lại, dần dần nhỏ tí đi, tối om lại không thấy ánh mặt giới nữa, vì núi cao che mất cả. Xuống xe hỏa, ta thử trèo lên núi xem. Có khi đường đi bé quá, phải rẽ sườn núi mà lên, trông ngất ngưỡng treo leo, chơ chơ một màu đá sẫm. Ngoảnh xuống xem, ở kẽm núi, suối deo vang giới, bọt bắn chằng xóa, mà trông lên lại thấy thung lũng, đồng điền, đồng cỏ, nhà cửa vui vẻ. Ta lên đấy chơi một lúc, nói truyện với bác chăn bò chẳng cũng thú lắm sao? Trông lên cao nữa lại thấy rừng núi um tùm ngọn núi ngất ngưỡng như chạm mây xanh, chằng bạc một màu, ánh mặt giới chiếu vào thời lóng lánh như ngọc kim cương. Ở trên đỉnh núi lạnh lắm, nên tuyết đọng ở đấy không mấy khi tan, dẫu đến mùa hạ cũng thế, có tan chỉ từ dưới này xuống thôi.

Ngắm nghía hồi lâu, ta giở ra về, thật cũng lấy làm sướng mắt được xem các hình dáng của một quả núi vậy.



## BÀI THỨ 4

### Cuộc đi chơi lên dãy núi trung-tâm (Massif central).

I. — Ta đi từ Paris xuống, cách mấy tiếng đồng hồ, qua những cánh đồng bao la, ruộng lúa vàng úa, đồng cỏ xanh um, ta thấy xe hỏa chạy từ từ chậm, trông ra đã thấy cảnh tượng rừng, một giống hạt dẻ rất nhiều, dần dần đến một chỗ cao nguyên. một dải vòng cao như hình cầu vòng che lấp mặt ta : ta đến đồi phía tây dãy núi Trung-tâm đó. Xuống xe hỏa, ta đi thẳng vào hai hàng cây trước mặt ta xem. Mọi thoạt trông ta cũng đủ lấy làm lạ như một bể nước cạnh chân ta, một con sông nước trong vắt chảy ở dưới, hai bên bờ cũng có đồng cỏ nhà cửa, cây cối ùm tùm, ta nghĩ ngay đến rằng miền này chắc lắm mưa. Tại sao thế? Vì miền Limousin ở ngay trước cửa cửa gió thổi từ Đại-tây-Dương đến. Thế làm sao lại ruộng lúa ít? Ta trông kia, đồng đá sấm tròn, lồng trống như đồng đá đồ nát bị mưa gió đập nhiều nên trơ ra, tan vào với đất ở đây. Đá này gọi là đá hột (granit) dùng để làm thêm hè, bậc thang vân vân... Đất ở đây có đá ấy lẫn vào, không cấy cấy được, chỉ để cho cỏ mọc nuôi các ngựa bò thôi.

II. Ta lại lên xe hỏa đi chơi nữa về phía Đông. Núi càng ngày lại càng cao. Xuống xe, trèo lên xem, sườn núi chênh vênh, ngất ngưỡng đến đỉnh thấy hình tròn như chậu thau. Đứng trên đó thấy đến chục quả núi không dựa lẫn vào nhau mà lại cách ra như những quả bưởi mề dề trên mâm vậy. Ở những chỗ khe hổng có giồng lúa mì, lúa cho ngựa ăn (avoine) các thứ cây có quả. Chừ những núi và các thứ giồng giột ở miền Auvergne này có khác miền Limousin trên kia không? Cách độ mấy mươi thế kỷ nay, những núi Auvergne là những hang to, sau tận đến đất, ở trong hang phung ra đá, loại kim đốt chảy, lưu hoàng (lave) Trong khi đọng lại ở cửa hang, các chất ấy cứ cao mãi lên mà thành ra núi hay hỏa diệm-sơn. Còn lưu hoàng chảy xa hơn lẫn vào với đá hột ở đồi kia làm thành ra một thứ như dừa



đen người ta vẫn sơn đường khi có mưa xuống ngấm vào, thử đá hòn ấy thành ra bọc một lượt màu ở trên rất tốt cho việc cày cấy.

## BÀI THỨ 5

### Bắc bình nguyên (Plaine du Nord)

I. — Bây giờ ta đi đến bắc bình nguyên chơi. Trước mặt ta, một cánh đồng xa thăm thẳm, thẳng cánh cò bay, dưới gòir tờ mờ hơi sương mà gió tây cứ hây hây thổi, kéo mây đen đến: đó là phong cảnh miền Flandre vậy. Bốn bề bát ngát xa trông, chỉ thấy toàn ruộng lúa mì sen lẫn với ruộng củ-cải đường hoặc cánh đồng cỏ mà bò béo mập đương đứng ăn chẳng khác gì những điểm vàng lốm đốm trên một cái thảm xanh. Một con sông rộng, lừ đừ chảy cạnh bên đồng, thông dong thuyền than nhẹ buồm xuôi ngược... Nhưng phía kia có phải là những cột ống khói đó không? Ta thử lại gần xem: một đồng than hoa, cao gần bằng núi, lại có những va-goòng (wagonnet) chở than ở dưới hầm mang đến đấy đổ cho càng cao thêm lên. Kia lại những nhà bằng gạch, muội than âm đen nữa, đó là nhà cửa lò than. Trong đó có thang máy (ascenseur) đưa ta xuống hầm xem các thợ mỏ đương lấy than. Chờ thợ cứ ở cả ngày đêm dưới ấy được ư? Không, chỉ xuống ngày mấy giờ tùy theo sức người rồi lại lên mặt đất về nghỉ ở những nhà đằng xa kia, cũng vui vẻ sầm uất như một làng vậy.

II. — Ta lại cứ đi nữa về phía bắc xem. Ở giữa những cánh đồng màu mỡ, thỉnh thoảng ta thấy một vài đồng cao, trên có cối say, gió xoay cánh chày tít cả ngày nghe vù vù như tiếng sáo đằng xa, ta lại thấy nhiều phố xá dân cư đông đúc nữa. Ấy là nhờ có than đá ở miền này, sắt ở quận Lorraine, các thợ ở đây làm máy móc, xe hỏa, các đồ cần dùng, dẹt bông, dẹt len, đem bán tận hải-cảng Dunkerque, Những tỉnh to làm các thứ ấy là Lille và Roubaix đã nổi tiếng là kỹ-nghệ thịnh vượng lắm.

III. — Miền Flandre là một nơi bình nguyên, đất nhiều màu mỡ, dưới đất lại lắm than. Người Flamando đông đúc, chăm chỉ,



khéo lợi dụng các sản vật thiên nhiên nữa. Các sản vật ở đây là lúa mì hạt to, củ cải đường, than đá. Họ lại nuôi ngựa bò, bán sợi bông, len (laine) rất đẹp. Nói tóm lại miền Flandre là miền thịnh vượng và chủ phú hơn nhất nước Pháp.

## BÀI THỨ 6

### So sánh khí hậu ba tỉnh: Brest, Nancy và Nice

I. — Ở miền Nancy, mùa đông thường rét lắm, gió bắc thổi từ phía đông lại, sông ngòi nước đóng thành băng, trên giới tuyết đủ xuống cũng nhiều. Đến mùa hạ, cũng gió đông thổi, lại càng nóng lắm nữa, chẳng khác gì bên nước ta. Cái gió ấy là từ nước Nga, nước Đức đưa lại, hai nước này mùa đông rét hơn và mùa hạ cũng nóng hơn, nên miền Nancy cũng chịu ảnh hưởng của gió ấy. Chỉ được lúc nào có gió tây, gió bễ thổi vào mới mát mẻ dễ chịu thôi.

II. — Về miền Bretagne, tỉnh Brest ở ngay mũi bễ thì không thế. Mùa đông không bao giờ rét lắm, mưa đá chẳng từng thấy bao giờ. Mùa hạ cũng không nóng lắm: các cây sừ nóng đem giống miền này vào chỗ cần thận cũng có thể mọc được, chỉ chừ giống nho ra không chịu nổi. Có điều khác là miền này mưa dầm nhiều, giới lúc nào cũng u ám tối đen. Vì lẽ rằng gió đông không thổi tới, toàn chịu ảnh hưởng gió bễ cả. Bễ về mùa hạ thì mát, mùa rét lại ấm hơn đất, nên chỉ gió đi qua mặt nước rồi mới thổi vào đất hóa tỉnh Brest mát mẻ hơn nhưng lại mưa dầm vì gió bễ bao giờ cũng có nhiều hơi nước lẫn vào.

III. — Ta lại thường nghe thấy người Pháp ở Nancy ốm hay xuống Nice để dưỡng bệnh, tại sao thế? vì khí hậu ở đây cũng tốt. Mùa hạ, giới xanh xanh ngắt, trong chèo một màu. Mùa rét cũng mưa nhiều mà chóng tạnh; thỉnh thoảng có cơn gió nóng to thổi qua, làm đổ cả cây cối, xe hỏa có khi phải dừng lại. Tỉnh Nice ở về phía nam nước Pháp, gần đường xích-đạo nên mùa hạ chịu ảnh-hưởng của gió nóng thổi từ Phi-Châu sang và mùa đông không chịu ảnh hưởng của gió tây thổi vào.



IV. — Nói tóm lại bên Pháp miền Nam nóng hơn miền Bắc, ta lại thấy rằng hai miền ở gần đường xích-đạo như nhau, miền nào ở gần bể có một cái khí-hậu đều hơn và dễ chịu hơn (climat maritime) là miền nào giữa đất liền cả (climat continental).

## BÀI THỨ 7

(Một vài tỉnh sông Loire chảy qua)

I — *Tỉnh Puy.* — Sông Loire phát nguyên từ trong núi Trung-Tâm xuống, qua những núi Hỏa-diệm-sơn tắt, nên ngoắt khúc quanh co, nước đổ như thác, khi qua những thung-lũng rộng rãi lại từ từ chảy, hai bên bờ có làng xóm, thị thành ở. Ấy tỉnh-Puy ở vào thung-lũng này đó, chỉ cách chỗ phát nguyên mấy cột lô-mét thôi. Chung quanh ruộng lúa dồi, vườn cây, đồng cỏ, trong cũng có vẻ mỹ- lệ. Chính tỉnh ở ngay trên hai cái đồi treo vèo, một bên có nhiều lâu-dài nhà cửa, một bên có nhà thờ to. Tỉnh Puy là một thị-trường bán nhiều bò ngựa và các sản vật ở miền ấy, nhưng dân cư phải làm nhiều mới đủ ăn. Đàn bà dệt đăng-ten (dentelles ruban) to, dệt lụa đen bán cho nhà máy Saint Ekenne và Lyon.

II — *Thành Orléans.* — Khi chảy qua dãy núi Trung-Tâm rồi, sông Loire bèn tới một nơi đồng bằng rộng rãi mà chính sông ấy đã bồi lên. Đó gọi là Val de Loire, xưa nay có tiếng là giồng nho tốt, và hoa quả nhiều. Thành Orléans ở ngay vào chỗ ngã ba các đường xe hỏa đi Bordeaux Toulouse và Massif Central. Ở đây buôn bán cũng sầm uất, có tiếng nhất là dấm làm bằng quả nho ở các đồi gần đấy.

III — *Hải-Cảng Nantes.* — Chảy qua Orléans rồi, thung-lũng sông Loire hơi bé lại, vì ở đấy cũng còn đá hột ở miền Bretagne chảy giải xuống. Tiếng thế, sông còn hơi rộng, không giốc cho lắm, mặt sông cũng lôm nhôm giải giắc mấy cái cù-lao. Ấy Hải-cảng Nantes xây trên các cù-lao ấy, chỗ ngã ba các sông chánh chảy vào sông Loire đó. Nếu ta có ý nhận kỹ suốt cả ngày, ta thấy lòng sông nước lúc lên, lúc xuống, đó



là nước thủy-chiều vậy. Nhờ có nước chiều, các tàu to có thể vào tới Hải-cảng Nantes được. Như nước Anh đưa sang than đá, nước Mỹ dầu tây, Thụy-Sỹ gỗ, Phi-châu các thứ dầu. Với các vật liệu ấy, kỹ-nghệ ở Hải-cảng Nantes đóng tàu, làm máy móc, làm sà-phòng. Với các thứ dầu và cá đánh ở bề gần đấy, họ đóng các đồ hộp có tiếng xưa nay, Nantes là một Hải-cảng kỹ-nghệ thịnh vượng, dân cư đông đúc đến tới 200.000 người.

## BÀI THỨ 8

### Ba quãng sông Garonne

I. — *Sông Garonne ở miền Pont du roi.* — Sông Garonne lúc phát-nguyên ra, chảy qua một nơi thung lũng nhỏ hẹp, hai bên có núi cao, sườn núi gồ ghề, chơ chọi lưa thưa một vài bụi đậm Nền chi, lúc mưa nhiều, nước chảy xuống như thác, không cây cối nào giữ lại, chỉ trong vài giờ đồng hồ làm ngập lụt cả các làng ở dưới chân núi. Ở chỗ này, sông Garonne còn nhỏ hẹp, cầu một dịp đủ bắc qua, nước chảy mạnh như thác, thuyền bè không đi lại được.

II. — *Sông Garonne ở miền Toulouse.* — Sông Garonne chảy đến đây đã hơi thông thả, xa trông chỉ thấy sóng nhỏ lăn tăn. Sông này cũng bồi nhiều đất, hai bên bờ đã thấy cây cấy nhiều, lúa mì, hoa quả. gốc nho rất tốt. Đến đây đã có sông nhánh chảy vào, sông Garonne càng rộng thêm, nhưng thuyền bè đi lại còn ít vì lòng sông bồi nhiều.

III. — *Sông Garonne ở miền Bordeaux.* — Qua chỗ bình nguyên vừa rồi, sông lại chảy đến một chỗ thung lũng có đồi trông xa rất rõ. (Đồi đá vôi, giống nho rất tốt). Ở đây sông rộng lắm gần nửa cây kilômètre, cầu mười ba dịp mới bắc qua là vì có nhiều sông nhánh chảy vào. Cứ trông thấy thuyền bè nhan nhản như lá tre ra vào tấp nập cũng đủ biết Bordeaux là một hải-cảng. Ta lại thấy thứ tàu mặt trước có máy hình cùi dĩa để súc cát lòng sông lên nữa. Nhờ có thế và lúc nước chiều lên, tàu bè mới vào được, đem các hàng hóa ở châu Mỹ,



nước Y-pha-Nho và xứ Maroc. Ở dưới Bordeaux, sông Garonne lại còn sông nhánh Dordogne chảy vào thành ra rất to gọi là Gironde, rộng đến mười hai kilomètres.

## BÀI THỨ 9

### Ba sông nhánh của sông Rhône: sông Saône, Isère và Ardèche

I. — *Sông Saône.* — Sông Saône phát-nguyên ở đồi cao ngót 500 thước ở phía tây núi Vosges, rồi chảy xuống đồng bằng, qua một bên là núi Jura, một bên là núi Trung-Tâm. Sông này không ở núi ra, nên giòng nước thông thả từ từ chảy, lại phơi ra chỗ gió tây thổi có nhiều mưa, nên lòng sông không bao giờ cạn quá mà cũng không ngập mau quá. Đến mùa đông, nước sông có lên thật nhưng từ từ tràn qua đất mấy ngày rồi lại rút xuống ngay, để lại đất phù-sa rất tốt cho việc canh nông. Sông nhánh to nhất là sông Doubs ở núi Jura ra, qua những chỗ đất vôi nên nước trong mà giòng nước cũng không mạnh lắm. Sông Saône chảy qua đâu làm giàu cho đấy như là tỉnh Mâcon, thuyền bè xuôi ngược đông như lá tre, xuống tận đến tỉnh Lyon được. Đến đó mà xem hai con sông Saône và Rhône thời sông Saône khe khẽ đi đi chảy còn sông Rhône thời sóng to, nước chảy như thác.

II. — *Sông Isère.* — Sông này phát nguyên từ trên núi Alpes lắm tuyết đọng cao đến 3.000 thước nên chảy xuống giòng nước mạnh và nhanh. Khi thì bị núi cao ngất ngưỡng che lấp đi, khi thì phơi ra cạnh chỗ thung lũng rộng rãi có cây cối giòng giọt nhà cửa đông đúc có tiếng nhất là tỉnh Grenoble đã giòng được nhiều nho tốt. Sông Saône, đến mùa xuân có tuyết tan chảy vào mạnh quá nên lâu bè đi lại khó khăn. Những dân cư ở đấy lại khéo lợi dụng sức nước mạnh ấy cho chạy các máy xây ở hai bên bờ sông.

III. *Sông Ardèche.* — Sông này ở dãy núi Trung-Tâm xuống chỗ phát nguyên cũng không cao lắm độ 1000 thước nhưng vì sông ngắn, chảy ngay vào sông Rhône, nên chỉ giòng



nước mạnh. Người ta vẫn cho nó là một cái thác giữ-tận, chỉ lẫn xnống lòng sông những đá sỏi, mùa hạ thì cạn, phơi chơ đá mà mùa thu, khi giới đồ mưa to, chỉ một đêm là làm đồ cả cây cối miền quanh đấy, thực là một cái thác làm hại, thậm vô ích cho người ta, hai bên bờ không cây cấy được. Chỗ ấy là miền nghèo của nước Pháp vậy.

## BÀI THỨ 10

### Sông Rhin từ tỉnh Strasbourg ra bể

I. — Sông Rhin là một con sông bệ-vệ, uy-nghi, có nhiều tuyết tan chảy vào như sông Rhône. Ở chỗ phát nguyên ra thật là một cái thác mãi đến bình-nguyên Alsace, giòng nước cũng còn mạnh, tàu bè không đi được. Nhưng từ tỉnh Strasbourg giở đi, tàu đi lại thuận tiện lắm, sông Rhin rất là can-hệ cho cả Âu-Châu. Nhờ có việc khai sông, nhờ có các sông nhánh chảy vào, nên sông Rhin bao giờ cũng có nhiều nước. Ta thử xuống một cái tàu, theo giòng sông xuôi, ta thấy hai bên bờ cây cấy nhiều, phố xá làng xóm đông đúc, bên trái là nước Pháp, bên phải là nước Đức. Sông chảy khuất khúc thỉnh thoảng lộ nhô mấy cái cù lao chạy dài.

II. — Ở dưới tỉnh lớn Mayenne của Đức, sông Rhin qua một cái đồi đá rắn như ở dãy núi Trung-Tâm, nên thung lũng bé quá, chỉ đủ cho sông chảy, còn đường sắt phải đào vào trong núi mà đi. Núi cao, sông thấp, tàu chạy ở khe, trông lên tối om, thỉnh thoảng ra đến chỗ sáng thấy trên đỉnh đồi thấy mấy cái lâu của các chùa ngày xưa còn lại hay đồ nát, với lại ở lưng đồi các vườn nho xanh.

III. — Khi sông Rhin chảy qua dãy núi này, liền đến một bãi rất rộng, giòng nước từ từ, mặt sông rất to đến mấy trăm thước, hai bên có giồng lúa mì, giồng cỏ cho ngựa bò ăn, lại nhiều than đá và nhà máy nữa. Thuyền bè qua lại chở than, chở sắt, chở gỗ rất nhiều. Tỉnh to nhất ở miền ấy là Cologne. Đi ít lâu nữa sông chảy sang địa phận nước Hòa-Lan rộng rãi mông mênh đến 1<sup>km</sup> bề ngang, ta chỉ thoáng trông thấy được thoáng hai bên



bờ đồng lúa tốt, cối say bằng gió đương quay. Sông đến đây chảy chậm quá, trông như là nước ta đổ vào chỗ phẳng vậy, rồi chia ra làm nhiều ngành chảy ra bể. Tàu ta đi vào trong một ngành to nhất đó, ta thấy trung quanh có đê bao bọc, vì bờ sông thấp hơn mặt nước. Đến khi thủy triều lên, từng dưới các nhà gần đấy đều chấm nước cả. Ta đến đây là Rotterdam, hải-cảng to nhất nước Hòa-Lan, rồi họ sẽ chỉ cho ta xem những cống của sông (éluse) là những thứ cửa để cho nước sông chảy từ từ ra bể vì bể cao hơn mặt đất, nên cũng có đắp đê chung quanh để ngăn nước triều.

## BÀI THỨ 11

### Bờ bể miền Bretagne

I. — Đây là bờ bể miền Bretagne. Ta trông xem, những núi đá chơ chọi lở lỏm chạy dài ra bể, dọn hoắt lại, hình giăng quai dĩa. Gần ngay bờ bể cũng có cù-lao đá, núi đá ngầm (récif) dựng ngược ở là-là mặt nước. Bây giờ đương lúc thủy triều lên, đương ồ ồ chàn lên bờ chum kín cả chỗ lõm, chỉ để phoi chỗ núi cao ra thôi mà ngọn sóng nhấp nhô đương muốn chồm. Con sóng ấy có nhiều đá sỏi, đá cuội, mang từ đáy bể lên quăng vào bờ như là súng bắn vậy. Mỗi khi sóng đập vào bờ, chân núi cũng phải mòn dần mà đồ xuống cũng có ; lúc nước triều xuống, rút ra ngoài xa, ta thử ra bờ bể xem, thấy từng đồng đá sỏi có hòn nhẵn và tròn (galets) là vì sóng đập mãi đá vào nhau như là mài nó đi vậy. Ta lại thấy cả vỏ sò, vỏ hến, giống bể nữa (algues). Dân cư quanh đấy lấy về đem bán đồng rất tốt, như súp-lơ (chou-fleur) đậu nhỏ tròn, dâu, vãn vãn, đều có sớm hơn các nơi.

Cũng như là miền Limousin và Auvergne, miền Bretagne có nhiều núi đá hòn cao và rắn, nhưng cũng có chỗ đất mềm. Sóng đập vào bờ, làm chồi chỗ mềm đi, để chơ lại chỗ rắn, làm thành ra bán-đảo, cù-lao, mom-bể, như cù-lao S. T. Michel, mom-bể S. T. Mathieu, còn chỗ kia là vịnh to hay nhỏ như vịnh Mont-Saint Michel, Brest vãn vãn.



Những chỗ cửa sông to, chỗ vịnh nào kín đảo, tàu bè đỗ không ngại gì sóng gió, là những hải-cảng rất sầm uất nên ở miền Bretagne có nhiều lắm. Dân cư ở đây phần nhiều lấy nghề chài lưới sinh nhai, hoặc đánh cá sardine ở bờ Manche, hoặc đánh cá thu ở bãi Terre-Neuve bên Mỹ. Nhưng nghề đánh cá, lắm lúc cũng dân chuân mới vào được bờ! Gió bề lúc giữ quá đánh giạt thuyền câu vào bờ, chèo dờ không nổi, nghĩ chẳng may va vào núi đá ngầm là đi đời ngay. Người ta đã xây ở đây mấy cột hải đăng chiếu sáng thật xa cho thuyền bè đi bề cho tiện hơn.

Sau ta cũng nên biết có hai thứ hải-cảng: hải-cảng để tàu chiến đỗ, vừa rộng vừa sâu, chạy dài ra bề nhiều lắm. Nói tóm lại bờ bề Bretagne không những là một nơi thắng cảnh lại cũng là một nơi dân cư đông đúc nữa.

## BÀI THỨ 12

### Miền Beauce và miền Languedoc

II. *Miền Beauce.* — Miền Beauce chạy dài từ sông Seine đến sông Loire ở phía nam Paris. Ta đi xe hỏa từ Paris cách một tiếng đồng hồ, ta sẽ đến Chartres. Đường ta đi qua vừa rồi là toàn đá vôi trắng cả, chợ chụi, ít cây cối mọc. Nhưng trước khi ta đến núi ta thấy một thứ đất và có nhiều màu lẫn với đá vôi rồi một cánh đồng bao la, chỉ chít những lúa vàng ối là xem thêm những cánh đồng củ cải đường lá xanh um. Đến mùa thu, khi gặt xong, ta thấy từng đàn cừu đương ăn cỏ. Dân cư ở đây đông đúc lắm, nhà nào cũng có vựa cao, cửa giộng để chứa thóc. Nước sông ở đây có lẫn đá vôi nhiều không dùng được, dân phải góp tiền nhau xay riếng lấy nước ăn. Cứ ngày chợ phiên ta thấy họ kéo nhau lên bán ở Chartres, những sản vật như là lúa mì, lợn gà, cừu vân vân. Đi ra khỏi Chartres, ta lại thấy những đồi, những rừng đó là hết miền Beauce rồi.

II. — *Miền Languedoc.* — Nếu ta đi độ nửa ngày nữa, ta sẽ đến miền Languedoc, ở vào giữa giãy núi Trung-Tâm và bề Trung-



Hải. Giời xanh, xanh ngắt một màu, nắng chang chang như tháng hạ bên ta. Cánh đồng bao la ngay trước mắt ta không giống như là ở Beauce. Ở đây những đồi đá vôi chằng, chỗ kia bãi đá sỏi chập từ từ ra bề biếc. Chung quanh ta chỗ nào cũng gồ ghề chỉ chít là vì nắng hạ, đất sỏi rất là tốt cho nho lắm. Miền này sản xuất được đến quá nửa nho cả nước Pháp, dân cư cũng đông. Nhà cửa nhỏ hẹp, không có vườn dứa, đường phố nhỏ hẹp và quanh co hơn các nơi khác. Những tỉnh to làm ở dưới các đồi đá vôi chằng có nhiều lâu đài đẹp như là Nîmes, trước có sân cát để thí võ, đó là di-tích của người La-Mã ở đây trước.

### BÀI THỨ 13

Một miền chăn nuôi : Charolais

Một miền sơn cước : Vosges

I. — *Miền Charolais.* — Đi cách độ Paris mấy tiếng đồng hồ ta đến một nơi chân núi, đường lối gồ ghề, ấy là Charolais đó. Kia trông lên chỗ sườn núi, đồng cỏ xanh um, tường đá hay đậu cây bao bọc chung quanh. Bây giờ đương mùa xuân, tự nhiên ta thấy cửa đậu mở toang ra, người chăn bò thả bò ra đồng ăn cỏ và dưỡng sức vì trước đây đã phải làm vất vả ở núi nhiều rồi. Xuất trong ba tháng, bò cứ việc ăn cho béo suốt từ sáng đến tối, nếu có nắng quá, vào nằm nghỉ cạnh bờ đào, bờ tường đến lúc ngớt lại ra ăn, như thế làm gì chẳng béo, Khi đã mập rồi, bò bèn chờ phiên chợ đem đi bán lấy tiền tiêu. Những lái buôn bò mua chở về Lyon hay Paris bán giết làm thịt ăn.

II. — *Miền Vosges.* — Lần này ta đi đường xe hỏa phía đông sau khi qua khỏi tỉnh Naney, ta thấy đường một ngày một giốc, cây cối mọc um tùm cả hai bên sườn núi, chỉ chỗ thung lũng với ngọn núi là thấy rõ, còn tuyền một đám xanh um. Ta xuống xe hỏa, hai bên đường cũng những cây là cây phải chúi qua dàn lá mà vào, nào là cây hêtres lá chằng chong, cây thông lúc gió gieo như tiếng đàn. Trông vào thân cây ta thấy có vết dấu đỏ, chắc là sấm để dẫn đi, thỉnh linh nghe đến âm



một cái, đó là tiều-phu họ đương đốn cây vậy. Đẳng xa có một đường bằng gỗ chạy thẳng thung lũng (gọi là schlitte). Muốn tải gỗ xuống, một người tiều-phu, xếp gỗ vào sau xe trượt (traîneau) đầu đẩy rồi, một người lên trước để cầm tay xe, cho chạy tuột xuống. Người ngồi đẩy cốt để kìm sức mạnh của xe, nhưng lắm khi không đỡ nổi, người vói gỗ điều lăn cả xuống chân núi thế là bỏ mạng như chơi, nên cách vận tải này cũng ít dần đi. Bây giờ người ta tải bằng se ngựa nhưng hơi phải xa hơn một chút. Gỗ ấy mang vào nhà máy cưa gần đấy hoặc sẽ ra thành tấm làm đồ dùng, hoặc để làm dẫy. Thỏ săn rừng làm dầu có cho dân miền Vosges này nhiều lắm.

## BÀI THỨ 14

### Hải cảng Marseille

I. — Ta đứng trên cao mà xem, hải cảng marseille như một bụi những cột buồm và ống khói, trên bờ có những hàng hóa ngồn ngang, nhà cửa như bát úp, tiếng máy khói lên ngất trời xanh. Ta nhìn kỹ xem, trước có một cái vịnh dài, đó là cảng cũ để cho tàu bè đi chơi đồ. Ở góc bên phải cảng ấy ta thấy như một cái tường dài, đó là bờ bệ sây (jetée) làm thành ra như là một cái bể con vuông cho tàu bè các nơi đến đồ. Ta thấy ở đấy các hạng người, các thứ tiếng, các cách ăn mặc; thật là lạ mắt lạ tai. Đây là những bao lúa mì, đồ lạc, hòm rượu vang mang ở Phi-Châu sang; kia là kiện tơ, bao gạo mang sắp vào kho, kia nữa máy chực ầm ầm những lò than mà người lấm như vùi đương đánh đồng lên, than mua ở nước Anh về. Đó là hàng nhập cảng còn hàng xuất cảng như máy móc các hàng dệt, làm ở bên Pháp, bên Đức mang sang Phi-Châu, viễn Đông cũng đương túi bụi khuôn-vác đẳng xa kia.

II. — Những hàng nhập cảng đã có wagoòng đẩy vào các nhà máy làm gần đấy. Hột dầu để đánh dầu ăn, để làm sà phòng, lúa mì làm bột, làm các đồ thực phẩm. Những máy lọc dầu tây cũng nhiều, dầu tây ở Mỹ chở sang.



III. — Những hòm sà phòng, thùng rượu vang, các thứ hàng làm ở đây lại mang ra ga tải đi bán khắp các miền nước Pháp, các nơi khác nữa.

Hải cảng không những là một cái vịnh thiên nhiên hay người sửa sang cho tàu bè đỗ mà thôi đâu, mà lại là một tỉnh thương mại sầm uất, một nơi đường xe hỏa nhiều, một siêng máy để chế tạo các hàng hóa để đem bán các phương xa.

## BÀI THỨ 15

### Những mỏ bên Pháp

I. — Mặt đất ta cày cấy giồng giọt để lấy các thứ thực phẩm ăn xong rồi, ta lại phải đào sâu xuống đất để lấy than mà sưởi, cho tàu thủy, xe hỏa chạy, cho các nhà máy dùng để đúc sắt, đúc gang. Dưới đất lại còn có dầu tây, các loài kim khác: sắt dùng làm cột nhà, đồ dùng thường, máy móc, đồng để bọc tàu, làm quả cân, dây điện; chì, thiếc, nickel vân vân.

II. — Muốn lấy mỏ, ta phải đào những hầm sâu, rồi các đường ngang lối giọc như là phố trên mặt đất vậy. Các phu mỏ ngồi vào trong một cái lồng bằng sắt thật to, có giây sắt đưa xuống đến hầm. Đến nơi lấy búa dọn, họ đào từng tảng than, xếp vào va-goòng có đường sắt đưa lên đến mặt đất. Than đá đào ra là dùng ngay được, chứ các loài kim khác phần nhiều lẫn với đất đá phải nấu chảy lọc riêng ra mới dùng được.

III. — Nước Pháp có ít than hơn nước Đức, nước Anh bên Âu, nước Hoa-kỳ bên Mỹ. Các mỏ than ở về phần nhiều miền Bắc miền Pas-de-Calais vân vân.

Nước Pháp chỉ có sắt là nhiều nhất bên Âu-châu, dùng còn thừa đem bán cho các nước ít hơn Người ta thấy nhiều ở đồi Lorraine và một ít ở Normandie. Bãi Alsace lại có potasse dùng để bón đất, núi Alpes có thứ loài kim dùng để làm aluminium nữa. Nhờ có than đá và sắt, nước Pháp làm được nhiều máy móc, đồ dùng, và là một nước kỹ nghệ thịnh vượng lắm.



## BÀI THỨ 16

### Cuộc đi chơi từ Dunkerque đến Marseille

I. — Ở Dunkerque, ta xuống một cái tàu to đang sắp những hàng hóa chở đi khắp các miền nước Pháp. Rút còi, bỏ neo, tàu từ từ chạy xa bờ xuôi xuống mạn dưới. Trước mặt ta, ta thấy những đồng lúa cạnh đồng củ cải đường: đó là miền Flandre. Dần dần phong cảnh đã đổi khác: ở giữa những đồng cỏ xanh, chen lẫn mấy ống khói nhà ám đen, cạnh có từng đồng đen lù lù, ta đã đến gần mỏ than ở Lens. Ở phía đông bắc miền này những tỉnh Lille, Roubaix, Tourcoing dùng than ấy để đốt các máy, xa nghe cũng còn thấy sinh sinh cả ngày lẫn đêm.

Rồi ta xuống đến miền Picardie, ở trên đồi cao đất vàng có những ruộng lúa vàng chín gió đưa thơm ngào ngạt. Đến đây thuyền bè đi lại đông lắm, phải chảnh nhiều, tàu chạy chậm hơn, ta đến tỉnh Saint-Quentin, dệt vải sợi, dentelle nhiều. Tàu lại xuôi xuống sông Oise qua một nơi gồ ghề đồi, núi, cạnh những thung lũng giồng giọt lúa mì, củ cải đường, rừng mướt xanh om rồi ta đi vào sông Seine, dưới Paris, hai bên có đồi cao trênh vênh, có tiếng máy chạy suốt ngày.

Tàu dễ vào Paris, chạy qua hai bên bờ cửa cao nhà rộng, lâu đài cung-điện nguy nga (Louvre, Notre Dame) rồi đi về phía đông có nhiều nhà máy chế các thứ hóa học ngày nay, vì Paris là một siêng kỹ-nghệ nhất nước Pháp. Có nhiều tàu chở hàng các nơi đến đây như là rượu vang, gỗ, than các vật liệu để làm tàu vân vân. vì Paris cũng là một Hải-cảng to của nước Pháp nữa.

Ra khỏi Paris và ngoại ô dân cư đông đúc, rồi ta xuôi xuống sông Yonne. Từ Montereau giở đi nước sông chảy mạnh và nhiều; tàu đi càng khó, đường mỗi ngày một cao lên.

II. Rồi sông Bourgogne đưa ta cánh đồng bằng Saône, trước có tỉnh Dijon, nhà cửa lâu đài đẹp đẽ, ở đây có bán rượu vang Côte-d'Or, ngựa bò và gỗ lấy ở rừng núi Morvan. Ở



bên phải sông, đồi nho chũu những quả, bên trái đồng lúa ngô, lại chăn nuôi gà vịt. Đến đây giờ đã sáng xanh, ta đã đến miền Nam rồi, chỉ xuôi một lúc qua hai bên đồi cao là đến Lyon, xưa nay có tiếng về tơ lụa.

Ở Lyon đi ra, tàu theo ngọn sông Rhône mãi đến Avignon rồi ta đáp xe hỏa đi đến Marseille.

## VĂN UYÊN

### Khuyên bạn bè ở với nhau

(Học trò nhỏ ở lớp mình dạy)

Đứng một mình ai người đứng nổi (1)!

Học một mình khó nổi nên hay (2),

Phải cần có bạn có thầy,

Sớm chưa học tập tháng ngày hỏi han;

Ngày hai buổi ra tròng ngồi học,

Tối một đèn, cùng đọc cùng nghe,

Anh em trong đạo bạn bè,

Dại khôn, khôn dại, khen chê nhẽ thường,

Bạn không phải, dẫn đường chỉ lối,

Mình có tài, chớ vội kiêu căng,

Cùng nhau đàm-đạo câu văn,

Chân tơ kẽ tóc, ân cần bảo nhau.

Lúc bình-cư, bạn bầu thân thiết,

Khi dan chuân, nên biết giúp nhau,

Một lòng từ trước đến sau,

Giao du ta phải tin nhau mới là!

Bây giờ còn mười ba, mười bốn,

Tình hữu bằng khôn nhơn chớ quên,

Truyện xưa Dương-Lễ còn truyền,

Có soi gương sáng, mới nên dĩa người.

Đồng-Sơn

NGUYỄN-VĂN-LUẬN

(1-2) Chũu nho có câu: « Nhân bất năng dĩ độc lập, học bất năng dĩ độc thành, ư thị hồ hữu bằng hữu ».



**Cha khuyên con**

Đã sinh ra kiếp làm người,  
Hai vai gánh nặng nợ đời trả vay.  
Trả vay, vay trả hàng ngày,  
Kia kia, ai cuốc ai cày ruộng nương.  
Gọi mưa, giải nắng, dầm xương,  
Gạo ngon cơm trắng con thường vẫn ăn.  
Kia ai dâu hái, tầm chăn,  
Ươm tơ, dệt vải, áo khăn con dùng.  
Trả vay, vay trả nợ chung,  
Con sao phải cố ta cùng trả vay.  
Khuyên con, con học cho hay,  
Ra công gắng sức mai ngày đua tranh.  
Cố sao cho khỏi hổ danh,  
Con Hồng cháu Lạc, mới dành lòng cha.

*Băng Dương*

N. N. N.

**Núi Thúy-Sơn. (Non-Nước)**

Đứng vững bên sông núi một hòn,  
Kể bao nhiêu tuổi thế mà non.  
Cúc vàng thuở trước hương còn ngát,  
Bia đá đời xưa chữ chữa mòn.  
Đền-Phủ trong hang sâu hoắm-hoắm,  
Cột cờ trên đỉnh chót chon-von.  
Cuộc đời trải mấy lần dâu-bề,  
Đứng vững bên sông núi một hòn.

**Tỉnh Lào-Kay**

Thăm-thẳm đường xa dải đất Ngâu,  
Một bên Cốc-Lếu một bên Tàu.  
Núi non bốn mặt cây xanh ngắt,  
Trong đục đôi dòng nước chảy mau,



Lần-Lút bán buôn nhiều kẻ phất.  
Tự-do cò bạc lắm anh đau.  
Thượng-du có nhẽ đây là nhất,  
Cái thú phồn-hoa dễ kém đâu.

TÔ-VĂN-THIỆN

## CÂU HÁT VẬT

### Trèo đò đêm

Từ khi em bước chân xuống thuyền,  
Mưa sa gió táp đã nhiều phen hải hùng.

Nào trèo, nào chở, em cứ vững một lòng,  
Dẫu rằng thác ngược, sông cùng, em có quản chi.

Nay bây giờ đương lúc đêm khuya,  
Trăng sao chẳng có em biết trở đi đường nào?

Một mình em đứng mũi chịu sào,  
Khoan khoan em trở, biết bao giờ đến bến mà nghỉ ngơi.

Trong lòng em luống những bồi hồi,  
Đôi tay em vẫn cố em bơi cho kịp người.

Non đông kia sắp dạng rồi!

### Chiêm bao

Cái đêm nay, cái đêm nào?

Em nằm em thấy những chiêm bao lạ lùng;

Có khi em bay bổng trên không,

Có khi em vùng vẫy non sông quê người.

Có khi trò truyện vui cười,

Có khi say tỉnh tỉnh say một mình.

Tiếng trống canh ai đã dục bên thành,  
Bằng con mắt dậy, mới biết rằng mình chiêm bao.

Em nằm, em nghĩ, em chẳng rõ ra thế nào,  
Chắc người ta ở đời cũng như một giấc chiêm bao đêm này



### Kiếp người

Chị em ơi ! Trời cao bể rộng mênh mông,  
Con chim bay bổng, con cá nó vẫy vùng hay hồi có hay.

Em ngán cho cái kiếp con người,  
Vào vòng danh lợi đắng cay muôn phần.

Chị em ơi ! Chót chen chân đứng ở cõi trần,  
Chúng ta phải giả nợ nần cho nó xong.

Làm cho rõ mặt với non sông,  
Giở hay, hay giở, đã có ông xanh đỏ biết cùng.

Chị em ơi ! Nước đời lắm nổi lạ lùng,  
Núi non cao thấp. bể sông voi đầy.

Thọ trời thay đổi đổi thay.

Coi ra ngậm đắng nuốt cay thế nào?

Chị em ơi ! Trăm năm thấm thoát là bao,  
Lắm điều trông thấy mà đau đớn lòng.

Đường ở ăn, suy nghĩ cho cùng,  
Kéo mang tiếng đến con rồng cháu tiên.

### Gà gáy

Con gà nó gáy te te,  
Sớm nào cũng vậy có ai nghe chẳng là.

Tối rồi, rồi sắp sáng ra,  
Anh em dậy chữa, hay là còn ngủ mê?

### Hàng Hoa

Ai về nhẩn nhủ chị hàng hoa,  
Hỏi thăm chị ấy xem hoa ai giống.

Lòng ta luống những nảo nùng,  
Chị hàng có thẫu hay không hỏi chị hàng?



### Nhà thuyền chài

Lênh đênh một chiếc thuyền câu,  
Sông Ngô bể Sở đầu đầu cũng là,  
Mặc dầu gió táp mưa sa,  
Anh dây cầm lái, em ra chịu sào.  
Khi nèn trời đất cũng chiều.

HẢI-KHÁCH

### Mừng bạn cưới vợ

Mưỡu. — Người tài-tử, kẻ giai-nhân,  
Chữ tình ngày lại thêm xuân càng ngày,  
Trăm năm gặp hội rồng mây,  
Như chim liền cánh như cây liền cành.

Nói. — Ba sinh gặp gỡ. Chốn Lam-Kiều, duyên hội-ngộ  
[bởi tiền-nhân.

May mắn thay tài-tử giai-nhân.  
Giời xe lại Tấn-Tần nèn nghĩa cả.  
Trăm năm đắm-thắm duyên vàng đá,  
Muôn kiếp sum-vầy nghĩa chúc mai.

Gương cao-đường vắng-vặc chốn lan-dai. Câu nghi-thất mừng này khôn siết kể. Nguồn ân-ái tình sông nghĩa bể. Mong hùng-bi tường-thụy ứng nay mai. Còn non, còn nước, còn giải.

TÔ-VĂN-THIỆN

### Thơ lưu giản

*Ngày 6 Aout 1923 đổi lên giấy học trường Hagiang, viết chào các bạn ở phủ Mỹ-Đức tỉnh Hadrông.*

Tôi hãy xin lên giấy đất mừng,  
Có lời gửi lại bạn văn chương.  
Mực son lai láng giọng Bùi Hát,  
Tâm sự ghi truyền đỉnh Tuyết, Hương;



Đất cũ người quen tình qnyễn-luẩn,  
Non xanh nước biếc dặm đường trường.  
Vì nay nhà nước cần khai hóa,  
Tôi hãy xin lên giấy đất mừng.

Tố-Tâm

**Nghiêm-Xuân-Lan**

*Giáo học trường Đặng-Xá Nam-Định.*

**Tiền ông giáo Nghiêm-Xuân-Lan  
đổi đi Hà-Giang**

Xa xa theo bóng mây Tần,  
Thênh-thênh đường cái thanh-vân hẹp gì.  
Ngại ngừng khi bước chân đi,  
Lòng riêng, riêng những nặng vì nước non.  
Tur-mã tráng hoài ưng tự phụ,  
Dầu Man-yên, trưởng-vụ cũng không xa.  
Mừug ngày nay bốn bề một nhà,  
Đừng ngậm chén quan-hà khi bát thiệp.  
Thử khừ đồ-thư ưng mãi khíp,  
Nhất phàm phong tống đảo thanh san.  
Đem bút hoa thấm nước ngọn Thao-giang,  
Góp giảng núi hoa ngàn làm nhất lục.  
Vì nhà nước khơi nguồn giáo-dục,  
Khắp âm-nhai hàn-cốc cũng xuân phong.  
Bước đường trường, ngoảnh lại mà trông,  
Mười tám tháng cũng không là mấy.  
May thỏa dạ ỷ-lư trông cậy,  
Hội phong-vân vùng vẫy kể từ đây.  
Gìn vàng giữ ngọc cho hay.

*Cử-nhân*

NGUYỄN-MAI-NHƯ



I

**Họa nguyên vận của ông Giáo-Lan**

Dầu chữa văn minh cũng chẳng Mừng,  
Cũng nền nho nhã bậc văn chương.  
Đầy thuyền phong nguyệt giòng sông Nhị,  
Lưng túi cầm thư đỉnh núi Hương.  
Vui vẻ cùng nhau trong hội lạc,  
Ngần ngơ đưa khách dặm đường trường.  
Cùng non cùng nước dân ta đó,  
Dầu chữa văn minh cũng chẳng mừng.

II

Hà-giang bác mới có tin mời,  
Đường liễu xa chừng mấy dặm khơi?  
Chén rượu quan hà say vẫn nhấp,  
Câu thơ tiên biệt khó nên nhời.  
Bắc nam tuy cách, lòng không cách,  
Non nước còn giai, nghĩa vẫn giai.  
Vượt thác, qua ghềnh, không quản khó,  
Ra công nung đúc lấy nhân tài.

NGÔ-HUY-LÊ

I

Đưa bạn Đồng tâm tới thượng-du,  
Chân giới trông bằng cỏ xanh mù.  
Nước non lai láng tình như rục,  
Lau lách diu hiu cảnh sắp thu.  
Nước cũ hãy còn khan giáo-dục,  
Đường trường xin chờ quản công phu.  
Non sông lịch duyệt là duyên cũ,  
Muốn hỏi tiền thân mấy kiếp tu??

II

Hà giang là một đạo quan binh,  
Cần nhất cho dân sự học-hành.



Nước đã kén dùng tay lỗi lạc,  
Mường rồi cũng có rịp văn-minh.  
Núi non đâu cũng giới Âu-Việt,  
Đàn hát dừng chề đất Vũ-thành.  
Đường liễu gặp ghenh muôn dặm đỏ,  
Đó là thang bậc bước mây xanh.

ĐÀO-VĂN-BÌNH

\*  
\* \*  
I

Nhà nước ngày nay khéo mở mang,  
Cho ai lên giầy đất Hà-giang.  
Tiễn chân trẻ-học năm ba đũa,  
Mở mặt sư mô mấy lữ Mường.  
Nghìn dặm quan-hà xin chớ quản,  
Chút tình cố-cựu nghĩa còn vương.  
Tuần giảng thấm-thoắt không bao độ,  
Gặp bước thanh vân, bước nhỡ nhàng.

*Phó-tổng* : NGHIÊM-HANH  
*Am-sinh* : DƯƠNG-BỘI-KHA

\*  
\* \*

### Vịnh bản đồ ngũ đại Châu

Giọc ngang vài thước đủ năm mùi,  
Sánh với hoàn cầu cũng thế thôi.  
Một vẻ xanh-xanh làn bể rộng,  
Năm phần sắc-sỡ giải sa-bồi.  
Non sông tô điểm in làm giấu,  
Đường lối quanh co vẽ đủ nơi.  
Hỡi khách bán buôn nên nhận kỹ,  
Gầm trời đâu cũng thế này thôi.

*Tổ-Tâm*  
NGHIÊM-XUÂN-LAN



I.— Đề tranh tổ-nữ

Trong đám quần-thoa giê mấy người,  
Xuân xanh bao tuổi chị em ơi!  
Tơ tình một chút không vương một,  
Tài sắc mười phân vẹn cả mười.  
Một kiếp hồng-nhan mang tiếng gọi,  
Ba sinh cầm sắt vương cùng ai.  
Thế gian tri-kỷ nào ai tỏ,  
Nghìn lạng khôn mua một tiếng cười.

Nguyệt-tĩnh

NGUYỄN-ĐỨC-XA

HÁT NÓI

Chơi Xuân

Xuân khứ, xuân lai, xuân bất tận,  
Khách chơi xuân xin thử ngẫm mà coi.  
Buổi cạnh-tranh trên quả đất hẹp-hòi,  
Đừng đứng-đỉnh yên ngồi trong cuộc mãi.  
Vùn-vụt thời-giờ khôn kéo lại,  
Gập ghềnh thế-lộ khó lòng đi.  
Dương mắt trông Âu, Úc, Mỹ, Phi,  
Ngắm đến nước ruột tằm chia chằm mối.  
Nào đã dám cùng người so, đối,  
Mong theo gương tìm lối chánh đường cong.  
Rời ra ta sẽ vẫy vùng!.....

Hát tường

Hò hét làm chi rồi cuộc đời,  
Mặt người chưa gớm muốn làm dơi?  
Đừng, đi, cười, nói coi ra bộ,  
Mũ, áo, mây, râu cũng thể người.  
Chị-chị anh-anh chưa giáo mếp,  
Tao-tao tớ-tớ đã già mồi.  
Gớm cho cái thói mần tường nhĩ,  
Hò hét làm chi rồi cuộc đời!.....



Tân-Cối yugan sôh

Rõ góm thay cho mặt nịnh thần,  
Đã không vì nước, lại buôn dân.  
Mê danh hãm-hại người trung, hiếu,  
Ham lợi pha-dèm kẻ thảo, nhân.  
Cũng dập tung-hoành cho thỏa chí  
Nào ngờ lưới sắt đã sa chân,  
Rối người, rối được giờ dầu nhĩ?  
Muôn thừa còn bìa để côi chân.

Xuân-Giàng : LÊ-THẾ-TRỊ.

Đông dạ lữ hoài

Khen ai khéo vẽ cảnh trời đông,  
Lác đác mưa xa gió lạnh lùng.  
Đôi ngọn đèn xanh trên án tuyết,  
Mở tờ giấy trắng viết thư phong.  
Hai vai trung-hiếu đã mang mề,  
Đôi chữ công-danh luống thẹn thùng.  
Phong-cảnh giang-sơn thay đổi mới,  
Xui người lữ thứ ngẩn ngơ lòng.

Chơi núi Non-nước

Non-nước khen ai khéo gọi tên,  
Trên non dưới nước cảnh thiên nhiên.  
Kim cúc ngàn thu hương vẫn ngát.  
Ngự đề muôn thừa dấu còn in.  
Phi-Diên núi nọ kê gần đó,  
Hồi-Hạc non kia cũng đứng bên.  
Càng nhìn non nước càng thêm vẻ,  
Khiến khách nhàn du tưởng cảnh tiên.

N. T.



### Họa nguyên vận bài trên

*Đông dạ lữ hoài*

Canh tàn đất khách buổi đêm đông,  
Gió lọt song the những lạnh lòng.  
Lữ thứ quanh năm buồn lại tủi,  
Trần tình một bức mở rồi phong.  
Quê nhà đánh thức chuông rung mãi,  
Đất khách cảm canh trống điểm thùng.  
Cảnh cũ người xưa đâu đó tá,  
Trông vời cổ quận ngán ngao lòng.

ĐỒNG-SƠN

### Khuyên người nói càn

Lưỡi đời lắt léo chị em ơi!  
Ăn nói khuyên ai phải liệu nhời.  
Trái phải nghìn năm truyền miệng thế,  
Thơm tho một tiếng dễ bia đời.  
Hở môi sợ lúc nhời không cánh,  
Giữ miệng phòng khi vách có tai.  
Vết ngọc dễ mài, nhời khó chữa,  
Lưỡi đời lắt léo chị em ơi!

### Hội chùa Keo (1)

Chung tuần tháng chín hội chùa Keo,  
Đình đám hơn nhau một mái chèo.  
Chen chúc trong chùa người khẩn vái,  
Dập dìu dưới nước khách hò reo.  
Chèo thuyền tế độ ngoan tay lái,  
Ngả nón từ bi nhẹ sóng theo.  
Bề bắc trời nam ai đó tá,  
Trung tuần tháng chín hội chùa Keo.

Đồng-Sơn : NGUYỄN-VĂN-LUẬN

(1) Chùa Keo ở tỉnh Thái-Bình thờ đức Nguyễn-Minh-Không. Ngài ở làng Đàm-Xá, phủ Tràng-An (Ninh-Bình), tên là Nguyễn-Chí-Thành. Lúc nhỏ làm nghề đánh chài, sau theo học Đạo Hạnh. Năm 1136 tặc truyền Vua Thần-Tôn hóa ra hồ, chỉ có ngài chữa khỏi. Chữa xong ngài ra kho lấy túi đồng rồi bước xuống tàu về thì tàu nặng quá xuýt đắm, sau ngài ngả nón tu lờ mà về. Ngài thọ 76 tuổi. Ngài mất rồi thiêng lắm, nhiều sự hiển linh.

Cứ đến chung tuần tháng chín là hội ngài, ở đâu thờ ngài cũng có cuộc bơi trải để biểu dương sự nghiệp của ngài.



1

Vịnh hoa sen

Bông hoa quân tử mấy ai sánh,  
Cánh trắng nhị vàng lại lá xanh.  
Giãi tỏ lòng son hương với sắc,  
Gần bùn mà chẳng nhuộm mùi tanh.

2

Nhớ bạn

Tơ tưởng thâu đêm lại đến ngày,  
Nỗi lòng nào biết có ai hay.  
Mấy năm non nước tơ tình thắm.  
Đôi ngã thâm thương giọt lệ đầy.  
Trẻ tạo ví không lòng đổ ky,  
Phương trời chi để khách chua cay.  
Niềm riêng biết ngỏ cùng ai tá,  
Thăm thẳm từng cao cái nhận bay.

3

Tiểu học-sinh hồng thi tự vịnh

(Người học-trò này đã có vợ)

Thi cử như tôi nghĩ chán phè,  
Toi cơm tốn vải lại người chê.  
Năm năm học tập da xanh ngắt,  
Một khóa thi rồi mắt đỏ hoe.  
Hồ với anh em nơi học xá,  
Thẹn cùng đèn sách lúc đêm khuya.  
Còn trời còn đất còn thi cử,  
Bảng có tên đề, tớ mới nghe.

Đồng-Son

NGUYỄN-VĂN-LUẬN

Mưa dầm — Xem hoa

Gió mưa tầm tã đêm ngày,  
Tả toí mấy đóa hoa lay trên cành.  
Thấy hoa luống những giạt mình :  
Lòng tơ vương vít lệ tình đầy voi.



Thương hoa mà ngán cho đời :  
Ở đời kẻ đã bao người như hoa.  
Gập cơn gió tấp mưa sa,  
Mấy giăng cũng khuyết mấy hoa cũng tàn.  
Trách thay trẻ tảo đa đoan,  
Ngại thay cho mảnh hồng nhan ở đời.

★ ★  
**TẬP KIỀU**

**Cái thuyền**

Tiếc thay lưu-lạc giang hồ,  
Không tu thì cũng như tu mấy là.  
Giậm nghìn nước thăm non xa,  
Lênh-đênh dẫu nữa cũng là lênh-đênh.

**Cái máng**

Trên vì nước dưới vì nhà,  
Lòng này ai tỏ cho ta hơi lòng ?  
Nhìn càng lã trã giọt hồng,  
Nỗi lòng ai ở trong lòng mà ra ?

**Hai người nằm bàn đèn**

Đôi bên giáp mặt triền triền,  
Lá màn giủ thấp, ngọn đèn khêu cao.  
Bầy hàng cồ sụy sồn sao ;  
Kìa hương nhật nguyệt, nọ giao quỷ-thần.

Đông-Mai : NGUYỄN-QUANG-THÁI

**Đò đồng bì sóng**

Bốn bề đồng rộng nước mòng-mênh,  
Một chiếc thuyền nan sóng bập-bành.  
Chèo lái cố sao cho tới bến,  
Qua cơn gió cả khỏi lênh-đênh.



(Thi-ca-liên-hành)

Vừa mới ngày nào đất Thái-nguyên,  
Phong-doanh rầy đã phải xuôi miền.  
Nam-Thành biết mặt từ đây nhé,  
Biết mặt từ đây lại biết tên.

Mấy lần đôi chác ngán cho thân,  
Cái bước công-danh khéo chuyển vần.  
Trót nợ áo cơm đành phải trả,  
Một lòng vì nước lại vì dân.

Lão Nam

NGUYỄN-HÙNG-TÁC

Ngĩ đời mà ngán cho đời.

Ngán nổi sinh ra buổi bạc tình!  
Tiền tài coi trọng, nghĩa coi khinh.  
Đai-cân nhẹ túi, nhiều anh chán,  
Thóc gạo đầy bồ, lắm cách vinh.  
Tắc lưỡi đầy đũa tình cốt nhục,  
Bàn tay sắp ngửa đám công danh.  
Biết bao cuộc thế xoay vần lại,  
Đề khách bàng-quan khỏi bức mình.

Lộ các: TRẦN-PHÚ-NHUẬN

Chơi đêm

Cái hòm phong-tình khéo rủ-rê,  
Đào-nguyên như hẹn khách đi về.  
Bên đường ti-tách sương trên cỏ,  
Dưới nguyệt tròn-vòn gió cột huê.  
Cảnh-sắc vẫn quen mà vẫn lạ,  
Trường-tình ai tỉnh, ấy ai mê?  
Gió giảng này hắt kho vô-tận  
Riêng để làng-chơi một thú-quê.



### Gặp bạn

Đã bốn năm giờ lại gặp đây,  
Mừng đôi mắt vội bắt đôi tay.  
Bao phen thay đổi tôi còn vững,  
Mấy độ phong-sương bác chẳng gầy.  
Chuyện cũ phàn nàn khi ấm lạnh,  
Duyên sau kể-lẽ lúc vui, đầy.  
Nợ giai ta quyết tìm phương giả,  
Còn nước non, còn vận hội hay.

### Thương tiếc ai

Ta những thương ai, những tiếc ai;  
Thương cho cảnh ngộ, tiếc cho người.  
Đời bao chìm nổi còn chưa chán,  
Cảnh vẫn treo leo mãi thế thôi.  
Ngắm cảnh luống thương người nảo cảnh,  
Coi đời thêm tiếc kẻ hư-đời.  
Đời đời, cảnh cảnh, bao thương tiếc!!  
Ta ngẫm như ai cũng nực cười.

Lộ các : TRẦN-PHÚ-NHUẬN.

### Văn nhà sư làm chay tế mẹ

(bốn mươi chín ngày)

Khuôn tạo hóa sinh sinh hóa hóa, cuộc trần-hoàn khôn tránh  
kiếp luân hồi;

Cửa từ-bi không-sắc sắc-không, giọt dương-thủy tưới cho  
người đàn-việt.

Trông chong khi thoát hóa siêu trần;  
Lại nghĩ lúc sinh-ly tử-biệt.

Nhớ mẹ xưa :

Tĩnh nét hiền lành ;

Nói năng chân thật.



Ở trong nhà cùng người thân thuộc, không hề đều nợ  
tiếng kia ;

Ra ngoài đường với kẻ hương-lân, chẳng chút suy hơn  
tinh thiệt.

Kể từ lúc nhà xuân khuất bóng, một giá sắt son ;

Trải mấy phen chiếc lá giữa dòng, tấm lòng trinh tiết.

Thắt lưng buộc bụng, mọi việc siêng năng. Thờ chồng  
nuôi con, trăm chiều mỗi mết. công sinh thành như non  
như nước, nghĩ đến ơn chưa chút tóc tơ.

Việc tu hành là phúc là duyên, vậy nên phải theo giòng  
y-bát.

Miệng niệm câu kinh ;

Tay lần tràng hạt.

Mấy mươi năm qui pháp qui tăng ;

Chỉ một niềm cầu trời cầu phật.

Cầu cho mình được thoát nợ trần-duyên.

Cầu cho mẹ được xuôi thuyền bảo-phiệt.

Nay mẹ đã sáu mươi bảy tuổi trời.

Vừa tuần đến bốn chín ngày đình nghiệp,

Trông lên hương-tọa, đặt lễ hương hoa,

Kính trượng tăng già, tụng kinh bối-diệp.

Đức Quan Âm truyện xưa đâu tá, cõi Nam thiên còn chép  
vào kinh.

Bà Mục-Liên sự cũ còn truyền, việc chay tiểu vẫn bày đàn  
huyết.

Tội phạm mình bạc đức bạc duyên ; Cúi đầu niệm nị-da nị-  
đát.

Nhờ tay tế độ, vãng-sinh đã thoát chốn tam-đồ ;

Đội đức cao giầy, niệm tục dứt mọi đường bách-triết.

Thôi từ đây xuôi thuyền bát-nhã, tìm thú vui vô lượng vô  
biên ;

Thôi từ đây mặc áo lục-phù, theo về chốn bất-sinh bất-tuyệt.

Tôi may nhờ Phật, ơn nghĩa chưa đền ;



Còn chút đàn em, ngày thơ chưa biết. Cá rồng mất mẹ, tranh tang-thương ai khéo vẽ nên hình;

Chim yến lạc đàn, tình cúc-dục kẻ làm sao cho xiết.

Sinh ngã ai-ai;

Bi-tâm chuyết-chuyết.

AN-VIỆT-ĐÔI

## GUƠNG PHONG-TỤC

### Thầy và bạn

*Muốn sang thì bắc cầu kiều, muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy.*

Người ta thường nói, không có thầy đồ mà làm nên. Lại có câu: Một chữ nên thầy, một ngày nên nghĩa. Tục nước ta, xưa nay lúc nuôi thầy thì rút dần dì, mà giữ lễ thì thực thủy chung, không cứ học chữ học nghề, hễ đến cửa nhà thầy, thì suốt đời vẫn giữ đạo học trò mãi. Tuy rằng sống tốt, chết dở, tục lệ đồng môn cũng lắm sự phiền, nhưng ăn quả nhớ kẻ giống cây, thời ấy cũng là thời rất hậu, hiềm vì đạo thầy vẫn trọng, mà sự học chỉ có một bài, nên học mãi mà chưa thấy tấn tới. Song gần mực thì đen, gần đèn thì rạng. Có công mài sắt sao cũng có ngày nên kim. Phương ngôn vẫn bảo: thờ thầy mới được làm thầy, dù nhau cố bắc cầu kiều, kẻ hữu tâm giới nào có phụ. (Đồng môn là học trò cùng học một thầy) (Hữu tâm là người có lòng tốt)

1. — *Bạn bè là nghĩa tương tri, sao cho sau trước một bề mới nên.*

*Một hòn đất chẳng nên non, ba hòn góp lại nên còn Thái-Sơn.*

Một người thì chỉ thức còn hẹp, nhiều người họp lại thì chỉ thức rộng thêm ra, đọc đến chương này thì càng tỏ rằng bè bạn có ích cho người ta lắm.



3. — *Muốn cho có đó có đây, sơn lâm chưa rẽ  
một cây nên rừng*

Một cây không nên được cánh rừng, một người không nổi được mọi việc, người ta thường nói: ăn một mình được, làm một mình không được, nên muốn cho có đó có đây.

4. — *Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng  
khác giống nhưng chung một đàn.*

Bầu bí khác giống nhưng chung một loài. Người ta khác họ nhưng chung một giống, tuy không phải cùng dây cùng rễ, thể nhưng mà cùng thịt cùng da. Thương người như thể thương thân, không đi đâu mà thiệt, huống chi lại cùng chung một đàn, thì cần phải quán quít nhau lắm.

5. — *Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo, thất bát khe cũng  
lội, cửu tam, thập lục đèo cũng qua.*

Bè bạn mỗi người một xứ, vì nghề nghiệp tâm sự giống nhau mà nên thân, sự tri-kỷ có nhẽ hơn vợ chồng. Vợ chồng là vị tình, bạn bè là vị nghĩa, vị tình, vị nghĩa nên yêu nhau tam tứ núi cũng trèo.

6. — *Chim sa cá nhầy chớ chơi, những người  
lông bụng chớ chơi bạn cùng.*

Những người nham hiểm độc ngầm, người ta gọi là mọc lông trong bụng. Thử người ấy hay ngấm máu phun người. Gần kẻ ấy có điều nguy hiểm.

7. — *Nhất cao là núi Tản-Viên, nhất lịch nhất sắc là tiên trên  
đời. Cổ nhân tìm cổ nhân chơi, sao cổ nhân chẳng nhớ nhờ  
cổ nhân.*

Bạn bè đứng một phần trong luân-lý, lúc cơm sung cháo rền có nhau thì lúc dù che, ngựa cưới cũng nên nhớ nhau, nếu mà cậy khá khinh hèn thì còn gọi là nghĩa cũ tình xưa gì nữa. Song xem như thế thì làm người nên lập thân lấy không nên chực nhờ người ta



### Tổng luận — Việc bè bạn

Người ta ở đời, cha mẹ anh em là phần có sẵn, tình thân thiết đã hẳn rồi. Song bước chân ra ngoài, không lẽ lúc nào cũng có anh em cha mẹ, nên phải nhờ bè bạn để giúp đỡ nhau. Phương ngôn ta có câu : học thầy chả tầy học bạn ; lại có câu đi buôn có bạn, đi bán có phường, mà đồng có láng giềng đồng, nhà có láng giềng nhà. Xem thế thì nghề gì cũng phải có bạn cả. Làm người nên biết đạo bè bạn mới được.

#### Bực cần hậu

Ăn rầu thì ngổ rầu ra, một là thuốc độc hai là mận vôi  
Vay chín thì giả cả mười, phòng khi túng nhỡ có người cho vay.

Cơm ăn một bữa một lưng, hơi đầu mà giận người đừng thêm phiền.

Tốt gỗ hơn tốt nước sơn, sấu người đẹp nết còn hơn đẹp người.

Rút dây còn sợ động rừng, báng đầu thẳng chọc nể lòng ông sư.

Ơn ai một chút chớ quên, phiền ai một chút để bên bụng này.

Ai nhất thì tôi thứ nhì, ai mà hơn nữa tôi thì thứ ba.

**Bài tổng luận.**— *Thật thà là cha quý quái, thế gian đến bực cần hậu là hơn cả mọi người, ai hay mắc ai, ai giở mắc ai, tự mình cứ ngang bằng sỗ thẳng, chút ơn chẳng quên, người đừng chẳng dạn. Những nết ấy ở đời nào cũng yên thân. Ôi ! khôn ngoan chẳng lại thật thà, ta nên học những người cần hậu.*

#### Bực quả quyết

9.— Lòng ta đã quyết thì đành, đã đành thì vác cả cành lẫn cây.

Đã sinh ra kiếp đàn ông, dèo cao, núi thẳm sông cùng quản chi.



Một liều ba bảy cũng liều, cầm như con trẻ chơi riều đứt giây.

Đây ta như cây dừa rừng, ai lay chẳng chuyển ai rung chẳng rời.

Dù ai nói đông nói tây, thì ta cũng vững như cây dừa rừng.

Dù ai nói ngả nói nghiêng, thì ta cũng vững như kiềng ba chân,

Hễ mà chết mất thì thôi, sống thì như cóc bôi vôi lại về.

*Bài này như một người phải chồng đuổi, mà quyết chí theo, ra cửa trước vào cửa sau; nghe ra có ý tông nhất, dầu là quả quyết nhưng không phải dụng liều. Bực này xét cũng nên thương, đánh kẻ chạy đi, ai nữ đánh kẻ chạy lại.*

10. — Làm giai quyết chí tu thân, công danh chó vọi nợ nần chớ lo, khi nên giới giúp công cho, làm giai năm liệu bảy lo mới hào, giới sinh giới chẳng phụ nào, phong vân, kịp hội anh hào ra tay, chí khôn xếp để gia này, có công mài sắt có ngày nên kim.

**Bài tổng luận.** — *Làm nhà cạnh đường, kẻ rằng chồng đường, người rằng kéo kẻ, không biết bao giờ cho xong nên người quả quyết thì ít sự tỉnh tề, nhất được nhị hồng, cũng như chuyện lành làm gáo vỡ làm mối. Bởi vậy những người tỉnh trước lo sau, thì ít khi quả quyết.*

### **Bực đợi thời**

11. — Lộc còn ần bóng cây tùng, thuyền quyền đợi khách anh hùng vắng lai.

Sông sâu nước đục lơ lơ, cầm sào đợi nước bao giờ cho trong,

Đào tơ sen ngó xanh xanh, ngọc lành còn đợi giá lành đẹp duyên, cho hay tiên lại tìm tiên, phượng hoàng chẳng chịu đứng chen đàn gà.

Giáp diu tiếng đỉnh tui tui, tiếng ngư trong núi tiếng tiều ngoài sông, lạnh lùng thay lúc đêm đông, chẵn đơn mỏng mảnh mong trông đợi hê.



Phượng hoàng đậu chốn treo leo, sa cơ thất thế phải theo đàn gà; bao giờ mưa gió thuận hòa, thay lông đổi cánh lại ra phượng hoàng.

Người giới lại bán chợ giới, có ai biết của biết người thì mua.

Cát bay vàng lại ra vàng, những người quân tử gia càng đĩnh ninh. Đĩnh ninh ta để gia này, có công mài sắt có ngày nên kim.

**Bài tổng luận.** — Người có lúc vinh lúc nhục, nước có lúc đục lúc trong, trông thấy người ta thuận buồm xuôi gió, mình còn đợi nước calm sào. Người ta chẵn loan, gối phụng, mà mình còn áo đơn đợi hè, kẻ thường tình thì cũng khó chịu, nhưng kẻ biết ra thì cũng không lo nhờ thì, mà chỉ lo lúc gặp thời không đủ sức. Nếu có chim sáo sậu thì cũng lúc có lông sơn son, ai lấy thì lấy giúp, chẳng ai lấy thì úp một chỗ.

#### Bực nhàn tản

12. — Nghêu ngao vui thú yên hà, mai là bạn cũ, hạc là người quen.

Thần thơ đứng gốc cây mai, bóng tôi tôi nghĩ bóng ai tôi nhằm.

Thần thơ đứng gốc mai già, hỏi thăm ông nguyệt có nhà hay không.

Gió sớm giăng khuya, hạc gầy mai béo, cảnh thanh thú vui biết chừng nào, khi thích tình ngơ ngần ngần ngơ, có phải ta, hay chẳng phải ta không biết. Giăng mấy hoa, người mấy hạc kém gì cảnh tiên.

13. — Giăng bao nhiêu tuổi, giăng già, núi bao nhiêu tuổi núi còn chơ chơ.

Giăng không già núi không già, thú tự nhiên không bao giờ hết, song những người trong bụng còn hệ lụy, chưa biết được thú tự nhiên. Hễ ai có quen với hạc bạn cùng mai, thì sẽ biết hỏi giăng thăm núi.

14. — Vì mây cho núi lên giới, vì cơn gió thổi hoa cười mấy giăng.



Gió, giăng, mây, núi, những cảnh ấy không phải mua bằng tiền, nhưng mà đồ những ông lắm tiền đã dễ vui được, ấy thú vui của giới đất bầy ra chỉ để riêng cho khách thanh nhân đó.

15. — Ta về ta tắm ao ta, dù trong dù đục ao nhà đã quen.

Chồng chài vợ lưới con câu, sông Ngô bễ Sở tối đâu là nhà.

Ba chương này là cảnh thú quê nhân hạ, trải qua bề hoạn đến bờ, cũng là thân nhân cả. Còn như chồng chài vợ lưới, thì ra vợ chồng thuyền chài, nhưng mà sông Ngô bễ Sở tối đâu là nhà, thì lại có ý giang hồ tự đắc, giang sơn một chiếc thuyền bông, muốn đi đâu thì đi, không chắc vợ ấy chồng ấy đã thật là con nhà thuyền chài.

**Bài tổng luận.** — Người xưa có câu nói rằng: danh lợi bất như nhân, nghĩa là: sang trọng đâu có thế nào, cũng không bằng nhân trong bụng là hơn cả. Bởi vậy người đời lấy chữ nhân làm quý, mà mong tưởng ước ao. Song chữ nhân không có giá nào mà mua, càng quan sang chức trọng lắm của nhiều con thì cái nhân lại càng không muốn đến. Chỉ những kẻ vô cầu vô lự thường may lại ngu si được hưởng thái-bình Hoa cười gió thổi, mai bạn hạc quen, ấy là kẻ nhân hạ đấy.

### Bực ăn chơi

16. — Ăn được ngủ được là tiên, không ăn không ngủ là tiên vất đi.

Chồng ăn chả vợ ăn nem, người ở có thêm mua thịt mà ăn.

Chồng đánh bạc thì vợ đánh bài, chồng hai ba vợ, vợ hai ba chồng.

Lạ cho buổi đời, ngày xưa, mà cũng đã tự do, như thế, ý hân những chồng ấy cũng khéo chiều. Nếu phải tay không biết trọng nữ quyền thì còn gì là dúi đục, gổ nhân.

17. — Ăn sung ngồi gốc cây sung, ăn rồi lại ném trư tung ngũ hành.

Cơm cha áo mẹ ai ơi, chẳng ăn cũng thiệt chẳng chơi cũng hoài.



Ngồi gốc cây sung, ăn rồi lại ném, cũng ra cách con nhà sẵn của. Song lúc công cha áo mẹ đã đành, rồi còn khi bóc trần một mình thì có được mãi thế không nhỉ.

18. — Mượn mầu kinh sử ăn chơi, đi đâu là chẳng có nơi hữu tình.

Cái nghề kinh sử cũng dễ làm cho người ta mượn mầu mà ăn chơi. Những cậu cấp sách đi cấp sách về, đã chắc ai là người học thật, nhưng mà bố mẹ không thể theo chân mà giữ, con người ta có thân thì lo.

19. — Ai ơi chơi lấy kéo già, măng mọc có lú người ta có thì. Chơi xuân kéo hết xuân đi, cái già sông sộc nó thì theo sau.

Quá thì sợ chơi không thỏa đã vậy, nhưng quá thì học không kịp làm không được thời nào, ai có chắc không làm mà cũng đủ chơi, thì sẽ tính sự chơi trước.

20. — Trống chùa ai đánh thùng thùng, của chung ai khéo vầy vùng nên riêng.

Cái trống ở chùa là chỗ công sở, ai biết đánh thì trống kêu, ví như cửa đời là của chung, nay ở tay người này mai ở tay người khác, ai khéo tiêu thì nên việc ấy là nói những người có tiền mà không biết tiêu thì có nhẽ; nếu bảo ai tiêu bao nhiêu là lợi bấy nhiêu, thì chưa chắc đã phải. Vì rằng người ta phần hưởng thụ có hạn, như cái bát nước hể đầy thì ràn, khéo rè rặt thì còn lâu, hay phung phá thì chóng hết. có nhẽ nào của thế gian thiên hạ, chỉ để cho người hay tiêu được lợi riêng.

21. — Mặc đời cua máy cây đào, gai kia ai vót quả nào ai vo.

Nợ nần cũng chẳng là bao, ra tay tháo vác lúc nào cũng song.

Hai chương này không nói gì đến sự ăn chơi cả, nhưng mà công nợ không lo, con cái không nghĩ chẳng phải bực ăn chơi, chỉ vì trông lên ngấm xuống, lo về phần công nợ sự vợ con, nếu con cái mà phỏ mặc cua máy cây đào, công nợ mà nhất giả nhĩ chịu, cứ thế mà nợ mòn con nhón, cứ việc ăn lấy đời chơi lấy thì còn nói gì nữa, chỉ sợ thời buổi này phận sự làm cha còn khó nhọc lắm, không chắc đã liệu thế mà xong.



**Bài tổng luận.** — Ở đời đến sự ăn chơi là thích chí, chẳng ăn chẳng chơi nửa đời cũng ra ma. Vậy nên lúc phong lưu mà quá thời rồi, thì người ta cũng lấy làm tiếc, nhưng mà mùi ăn chơi là giới để đãi những bậc phong lưu phú quý, chứ những kẻ cơm chẳng đủ ăn, áo chẳng đủ mặc, còn ăn chơi nổi gì. Bởi vậy nên muốn ăn chơi trước hết phải dẫn mình vào sự khó nhọc. Cái sự khó nhọc ấy tức là cái vốn đề kỳ cuộc mà mua sự phong lưu. Nếu trước không chịu bỏ cái khó nhọc ra, không có vốn lấy đâu làm lãi. Bởi vậy nên tôi không giám ngăn sự ăn chơi, mà chỉ mong cho người ta làm đến bậc thừa sức ăn chơi.

## CHUYỆN GIẢI TRÍ

(Chuyện Liễu-Trai)

### Chuyện Cao-Ngọc-Thành gặp tiên

Cao-Ngọc-Thành, người ở ấp Quảng, huyện Kim-Thành, vốn nhà giòng giỏi trâm-anh. Vần giỏi nghề châm-chích. Bất kỳ giàu nghèo, ai có bệnh mời đến, cũng chữa giúp cho. Có một người ăn mày, không biết từ đâu đến đây, ốm nằm ở ngoài đường. Cổ chân có một cái ung độc, sưng vều lên, máu-mủ chảy ra lênh-lánh, hôi-hám không ai chịu được. Người ở quanh đây sợ bỏ liều thì anh ta chết đói, nên mỗi ngày đem cơm đến cho ăn một bữa. Cao trông thấy thương tình, sai đầy tớ khiêng về cho nằm ở một gian nhà. Bọn đầy tớ không chịu được mùi hôi-hám, vừa khiêng vừa lấy tay bưng mũi. Cao cũng không lấy thế làm ghê tởm, tự xem xét chỗ dột kỹ-lưỡng và lấy lá ngải đốt cứu chữa cho, lại nuôi cho ăn uống tử-tế. Được vài hôm người ăn-mày đòi ăn bánh hấp. Đầy tớ quát mắng rầm-rĩ. Cao nghe thấy, lập tức sai mua bánh cho ăn. Không bao lâu lại đòi rượu thịt. Đầy tớ tức mình ra mách với chủ rằng: Người ăn mày thực buồn cười. Mấy hôm nọ nằm ở ngoài đường cầu một ngày một bữa không được. Bây giờ mỗi ngày cơm no ba bữa còn chê ẻo chê ương. Đòi bánh được bánh. Quen mui lại đòi cả đến rượu thịt. Những



hạng tham ăn ấy thì chưa làm gì, xin chủ nhân cứ tổng cổ ra. Cao hỏi đến dọt của người ấy đã bớt chưa thì đầy tớ đáp rằng :

« — Đã thấy đóng vầy, mọc da non, đi gượng cũng được. Nhưng hần còn vờ-vĩnh giả làm đau chưa khỏi.

Cao nói :

— Vầy ta cứ cho hần rượu thịt, tốn cũng chả là mấy. Đợi hần khỏi hần sẽ hay ».

*Ấy ai cao-nghĩa tuyệt vời,*

*Ra tay tế-độ vớt người trầm-luân.*

*Giúp nhau trong bước dan-chuân,*

*Thương người như thể thương thân khác gì.*

Đầy tớ vâng vâng dạ dạ. Nhưng kỳ thực vẫn không cho. Dở ra lại còn bần mảnh với nhau cười chủ nhân là đại.

Hôm sau, Cao thân đến thăm. Người ăn mày đứng dậy tạ rằng :

Ông là người cao-nghĩa. Ra tay tế độ, cải tử hồi sinh cho kẻ hèn mọn này, thực ơn tày trời bể. Nhưng vì bệnh mới khỏi, nên nghĩ chỉ thêm rượu thịt, vậy xin ông ra ơn ban cho.

Cao nghe nói thế, biết là hôm qua đầy tớ không tuân nhờ. Lập tức gọi đến, nọc ra đánh và sai đem rượu thịt cho người ăn mày. Đầy tớ căm lắm. Nửa đêm đốt dan nhà ấy. Đốt xong lại giả vờ chi hô cầu cứu. Cao đỡ dậy trông xuống đã thấy lửa sáng rực giới, mới phân nản thương hại cho người ăn mày. Vội vàng thúc người nhà vào chữa cháy. Nhìn trong đồng lửa thấy người ăn mày đương nằm ngủ, tiếng ngáy như sấm. Đánh thức dậy, thì anh ta mở choàng mắt ra hỏi rằng : ô hay, nhà đâu rồi ? Thấy thế ai cũng lấy làm lạ. Từ đấy Cao trọng-đãi lắm. Cho lên nằm ở nhà khách, may cho quần áo mới. Lúc cùng ngồi nói chuyện, nói hỏi đến tên họ thì đáp rằng họ Trần tên Cử. Được vài hôm nữa khỏi hẳn bệnh. Bấy giờ trông mặt mũi rất sáng sủa ăn nói giỏi giang. Lại là tay thiện nghệ đánh cờ. Cao thường cùng đánh, nhưng bạn nào cũng thua. Sau học mãi cũng biết được nhiều nước hay thế lạ. Ở đến nửa năm Trần-Cử không nói gì đến sự đi mà Cao cũng muốn cho ở mãi. Khi có quý khách đến chơi, anh ta vẫn được ngồi cùng uống rượu. Trong



tiệc thường hay đánh toan làm tửu-lệnh, Cao thấy anh ta đánh bao giờ cũng chùng, càng lấy làm lạ. Bỗng múa hát cho xem, thì từ rằng không biết. Một hôm nói với Cao rằng:

« Tôi sắp từ biệt để đi nơi khác. Nhưng đôi ơn ông rất sâu, không biết lấy gì báo đáp được. Nhân có sữa mấy chén rượu nhạt, xin mời ông quá bộ chiêu cố cho, và xin đừng mang đầy tớ đi theo hầu.

Được, đôi ta vẫn tương-dắc với nhau. Bác đã có lòng mời, nhẽ đâu tôi lại từ chối. Nhưng bác cũng không sẵn, cứ để tôi chịu phí tổn cho. Trần nhất định không nghe nói rằng:

— Có tốn kém là mấy, xin ngài cứ cho tôi tự tiện.

Cao lại hỏi:

— Vậy uống rượu ở đâu?

Trần đáp:

Bây tiệc ở trong vườn hoa.

Bấy giờ đương mùa đông, gió bắc thổi lạnh-lùng, mưa phùn buốt như cắt. Cao sợ ngồi trong vườn không chịu được rét. Nhưng Trần cứ bảo không ngại. Rồi đó cùng đi vào vườn hoa. Vào khỏi cửa đã thấy khí giới ấm áp như độ tháng hai tháng ba. Phong-cảnh thiên-nhiên đẹp-đẽ vô cùng. Càng bước chân đi càng nhìn không chán mắt. Cây liễu lá xanh dòn, cành đào hoa đỏ thắm, dải-dác khắp hai bên lối đi. Lại còn vô số thứ hoa thơm cỏ lạ, đua nở tơi bời, đẹp-đẽ như gấm như vóc. mỗi chận gió thoảng, muôn học hương thơm bay ngào ngạt. Chim oanh-vàng véo-von trên cành, chim yến-trắng phát-phơ trước gió, hình như cùng nhau ra đón khách.

*Nhờn nhờ hạc-trắng oanh-vàng,*

*Hoa thơm cỏ lạ mùi hương ngọt ngào,*

*Chẳng thiên-thai cũng động-đào,*

*Khách phàm ai dễ tìm vào đến nơi.*

Đi một lúc thì đến một chỗ lầu đài tráng-lệ. Ở trong bày những bàn ghế làm toàn bằng ngọc mã-nã sắc đỏ tía, ở trên kỷ, để một cái bình bằng ngọc thủy-tinh chong suốt. Nhìn vào trong bình thấy một cái cây đủ cả lá cả hoa, hoa thì vừa nở hoa



thì đã tàn. Những cành cây thỉnh-thoảng lay động, hình như gió thổi. Một con chim, lông trắng như tuyết, chuyền hết cành nọ sang cành kia. Khi mó tay vào thì không có vật gì cả. Cao trong bụng lấy làm lạ quá. Đương ngồi chơi, chợt thấy một con chim anh-vũ đậu trên xà nhà gọi pha nước. Rồi có một con phượng-hoàng bay đến, mổ ngậm một cái khay bằng ngọc đỏ, đựng hai cái tréu bằng ngọc pha-lê. Khi đến gần, nó đứng dưới đất, ngóc cổ dơ cao khay nước lên. Hương tréu thơm ngát sực lên mũi. Uống xong, để chén xuống, nó lại ngậm vào mỏ, vỗ cánh bay đi. Chim anh-vũ lại gọi dọn tiệc. Bỗng thấy các thứ chim từ trên giới bay xuống. Chim loan-xanh ngậm bầu rượu, chim hạc-vàng cũng chén uống rượu. Còn nhiều thứ chim lạ, không ai thấy bao giờ, thì mang các món ăn. Chớp mắt, đã thấy đĩa bát bày khắp trên kỷ. Của ngon vật lạ không thiếu gì, chốn nhân dân chưa ai từng được nếm. Rồi đó cùng nhau vào tiệc.

Trần thấy Cao uống được nhiều mới gọi lấy cốc to. Tự nhiên có một con bướm ở trên không mang cốc bay xuống. Khi khách đã cầm lấy cốc rồi, nó còn bay lượn mãi ở trước án. Minh to vừa bằng con chim nhạn, hai cánh sực-sỡ đủ ngũ sắc, chẳng khác gì gấm thất thể, trông rất đẹp. Cao khen ngợi mãi. Trần thấy thế bảo rằng :

— Con bướm kia, mau ra mời quý-khách uống rượu.

Lập tức nó dùng mình hóa ra người con gái mặt hoa da phấn, áo-siêm rịu-ràng ; rón-rén gót sen bước lên dâng rượu.

Trần lại bảo rằng :

Chuồn rượu phải múa hát cho thêm vui.

Người con gái vàng nhời. Tay múa mềm-mại, chân bước khoan-thai. Khi lên cao khi xuống thấp, áo siêm phất-phới, ai trông thấy cũng chỉ ngỡ hồn tiêu. Múa đến những chỗ tuyệt-riệu, hình như thấy chấp cánh bay lên giới, hai bàn chân không bén đất. Vừa múa vừa hát rằng :

*Mỉm cười phất-phới gót sen,*

*Bông hoa đua thắm sắc chen má đào.*



*Thoa rơi nào thấy đâu nào,  
Mãi theo đàn bướm, bên dào lượn bay.*

Tiếng vang lạnh-lạnh, động ngâm như chuông vàng. Lên bổng xuống chầm, êm-ái như oanh kêu, yến hát. Cao mừng lắm, mời ngồi cùng uống rượu. Trần cũng bảo ngồi, người con gái mới ngồi xuống một bên. Cao lúc bấy giờ tâm-thần mê-mẩn, như tỉnh như say, hơi rượu ngà-ngà, lòng xuân phơi-phới, liền thừa hứng dơ tay ôm choàng lấy. Người con gái đẩy mạnh một cái, lập tức hóa ra con quỷ mặt xanh, răng nhọn, hung-dữ lạ thường. Cao thất kinh, chân tay rụng-rời, vội-vàng buông ra, rồi nằm phục xuống ghế, mình run đây-dấy. Trần cầm đĩa đánh và quát đuổi đi. Con quỷ lại hóa ra con bướm-bướm, phấp-phới bay đi mất. Khi Cao đã định thần, liền cáo biệt. Hai người cùng bước ra. Ở bên ngoài, sáng rõ như ban ngày. Trông lên chỉ thấy một vầng giăng bạc lơ-lửng trên không. Cao mới bảo Trần rằng :

— Tôi thấy rượu và món ăn đều từ trên trời mang xuống. Để thường nhà ông ở trên ấy hẳn. Vậy ông có thể đem tôi lên chơi một chuyến được không?

— Được có khó gì, nào ta cùng đi.

Trần liền dắt tay Cao cùng nhảy lên. Nhẹ nhàng như chim bay, vụt chốc đã lên đến trên trời. Cửa trời mở, hình tròn như miệng giếng. Trông vào trong sáng như ban ngày. Hai người cùng bước lên những bậc đá đi vào. Hòn đá nào sắc cũng xanh biếc, rêu bám chằng-chịt, êm-mượt như nhung. Nhìn thấy một cây cồ-thụ, cao hơn vài trượng, cành lá rườm rà, hoa nở đỏ ối, to như hoa sen. Dưới gốc cây có một cái suối trong như thủy-tinh, đương chảy róc-rách. Ở bờ suối có một tấm đá to bằng cái giường, phẳng như mặt phản. Một người con gái nhan-sắc tuyệt vời, tay cầm cái vò nhỏ, đương đập vào cái áo vóc đỏ, để ở trên tấm-đá. Cao dừng bước đứng nhìn, ngây như tượng gỗ. Người con gái giận lắm mắng rằng: anh chàng đồ-dại này ở đâu đến đây. hai mắt chăm chăm nhìn mãi lá cờ làm sao. Sẵn cái vò trong tay liền cầm ném chùng vào lưng, Trần vội kéo



anh ta ra chỗ khác. Cao bị ném đau, rượu đã tỉnh, cũng lấy làm then, bèn cùng đi dỡ ra. Chợt thấy một đám mây trắng bao bọc ở dưới chân. Trần bảo rằng:

— Bây giờ tôi xin từ-biệt. Nhưng tốt dân đều này xin ông nhớ kỹ. Tôi xem ông đại-nạn sắp đến, ngày mai phải kịp chốn vào núi tây-sơn, mới chánh khỏi được.

Cao muốn giữ lại, nhưng Trần đã bước đi lúc nào không biết. Bỗng thấy đám mây từ-từ xuống đất. Minh rơi vào trong vườn hoa, nhìn cảnh-vật lúc trước, không còn gì cả. Vào trong nhà nói chuyện cho vợ con nghe ai cũng lấy làm chuyện lạ. Nhìn trên có thấy chỗ vồ ném chúng, sắc đỏ như gấm, mùi thơm ngào ngạt.

Hôm sau giấy sớm, nhờ nhờ Trần dẫn, liền mang lương khô, vào núi. Xương mù che kín, không tìm thấy lối đi, đành cứ bước liều. Bỗng trượt chân ngã xuống một cái hang sâu thăm thẳm. Nhưng ngã cũng không đau, chỉ choáng-váng. Nhìn thấy bốn bên mây che kín mít, không có lối nào ra được, bèn than rằng:

Tiền bảo ta lánh nạn, Nhưng số giờ đã định, trốn sao cho thoát. Nay xa xuống cái hang này, biết bao giờ lên được. Ngồi một lúc lâu, nhìn quanh nhìn quẩn, chợt thấy một tia ánh-sáng. Lập tức đứng dậy, theo vết sáng lần đi. Đi mãi sau đến một chỗ rộng-rãi, sáng-sủa, riêng hẳn một bầu thế-giới. Có ba ông lão đương ngồi đánh cờ. Thấy Cao, cũng chẳng hỏi gì; Cao đứng một bên xem. Khi tan cuộc, xếp quân-cờ vào hộp, rồi mới quay lại hỏi rằng:

— Anh ở đâu lại đến được đây?

— Thưa các cụ, tôi trượt chân ngã xuống đây.

Chỗ này không phải là chốn nhân-dân, không nên ở lâu, — chúng ta sẽ đưa anh lên.

Những ông lão, bèn dẫn Cao đi xuống tận đáy hang. Bỗng có đàn mây, từ từ bay lên, đưa anh ta đến mặt đất. Nhìn trong núi, thấy cây cỏ vàng ủa, như tiết cuối thu. Lấy làm lạ, tự nghĩ



rằng: Ta đi vào núi đương mùa đông, sao lại hóa ra cảnh cuối thu, vôi vàng chạy về nhà, vợ con trông thấy kinh hãi, ngồi súm lại khóc. Hỏi thì vợ bảo rằng:

— Chàng đi đã ba năm không về, ai cũng tưởng là chết rồi.

Cao nói:

— Lạ thực, vừa đi vắng một lúc sao đã được ba năm. Thò tay vào bọc, lấy gói lương khô ra, thì đã mốc mất cả. Bảy giờ càng lấy làm chuyện lạ quá.

Vợ lại nói:

— Khi chàng đi khỏi, tôi nằm mơ thấy hai người ăn mặc như lính, sầm-sầm đi vào buồng, mắt nhìn chớn-chác và hỏi chàng ở đâu. Tôi bảo vừa đi vắng và tôi mắng họ sao được tự tiện vào buồng ngủ nhà người ta. Hai người dờ ra, vừa đi vừa nói rằng: « quái thực, quái thực ».

Cao nghe chuyện mới biết rằng mình gặp tiên, mà vợ mơ thấy quỷ-sứ. Từ đấy, mỗi khi có khách đến chơi, thường đưa cái áo có vết vồ ném chúng ra xem, vẫn thấy thơm; mùi thơm kỳ-dị, không phải xạ, cũng không phải lan.

TÔ-VĂN-THIỆN

Dịch-Thuật

### Nhời bàn của dịch-giả

Cao-Ngọc-Thành là một ông lang Nghĩa-hiệp, bao giờ cũng sẵn tấm lòng nhân-dức, đề cứu giúp những người khổ-sở.

Làm thuốc đã làm công không, lại còn đem bệnh nhân về nhà chăm nom cho ăn uống, chiều chuộng hết đều. Nếu không phải là tay nghĩa hiệp có lòng quảng đại như thế! So với nhiều thầy lang bây giờ, chỉ chuyên một mặt lý-tài tìm hết thiên phương bách kế đánh lừa bệnh-nhân sống chết mặc bay chỉ cốt vơ-vết cho đầy túi tham thực khác nhau như một giời một bề.

Cao-Ngọc-Thành gặp tiên chỉ bảo cho thoát nạn to, tưởng ở hiền gặp lành cũng trong lẽ giời vậy.



**Trong chón phòng văn**

*Thưa ngài*

Đến mồng 4 tháng 10 ta năm Ất-Sửu, thừa mệnh Mẫu thân, chúng tôi làm lễ thành hôn cho con trưởng tôi tại phố bến Cui N° 1000. Vậy xin kính mời Ngài đúng 6<sup>h</sup>. 1/2 hôm mồng ba quá bộ lại hiệu N. C. soi chén rượu mừng, chúng tôi lấy làm cảm tạ Ngài lắm.

*Bái thiếp*

NGUYỄN-THÁI-DƯƠNG.

Nhận được thiệp, anh em y hẹn đến hiệu N. C. dự tiệc đủ mặt, rất là vui vẻ. Khi cất chén mừng hai họ cùng có dầu chủ rể, hơi men đã nhấp, truyện nổ như pháo rang, vui như mấy ngày tết. Lúc đó, cứ ngồi mà nghe, cũng hiểu được cái sở trường của những ông biện thuyết vậy.

— Ông nói: chén xong, còn gì thú hơn là vào sông đánh một canh nữa. Nén ra thì hóa tứ linh, chẳng nên thì lại nằm đình Cỗ-Lương, có ngại gì. Đời người chẳng qua như canh bạc, lúc được, lúc thua, khi cười, khi buồn có khác chi?

— Ông nói: cờ bạc dặc dài, ruộng vườn bán hết chôn chân vào cùm. Sao bằng rượu song, người nóng sôi như lửa, ngứa ngáy cả mình mẩy, ta làm vài điệu a-phiện, thật là khoan-khoái, ngứa mặt lên giới, thở làn khói biếc mà ngâm nghĩ sự đời còn có cái thú vô-hạn nào bằng không?

— Ông nói: người đã nóng, phải xuống chị em để giải nhiệt: thanh-sắc đó chẳng là những vị thuốc hay để làm cho đỡ những chỗ ngứa ngứa ư? Thú ả-dầu là cái cuộc tiêu khiển độc nhất vô song.

— Ông nói: Tôi chỉ thích cơm tây, nhà cửa chang hoàng sạch sẽ, chỗ ăn chỗ ngồi thơm tất, đến các món ăn cũng có thứ-tự, mùi vị thanh khiết, dầu có tốn tiền cũng đáng vùn vùn. Trong lúc truyện trò, ai lắm hơi men, điều biện-



thuyết giỏi, được công-chúng hoan-gheh lắm. . . Trong tiệc, ký giả nhận thấy Đoàn-quân nói ít hơn cả, có lẽ tại không uống được nhiều rượu chăng?

Đoàn-quân người còn trẻ, ham đọc sách, học-thức chắc cũng còn khuyết điểm nhiều, nhưng được tính nết nhã-nhận nên khi lúc rảnh việc ký-giả thường cùng Đoàn-quân khi câu truyện gõ đầu trẻ, lúc thế-thái nhân-tình, xem ra Đoàn-quân cứ tin rằng cái gì cũng cho là tại số cả, muốn chánh khỏi, phải đem thân ra ngoài vòng cương tỏa mới yên được.

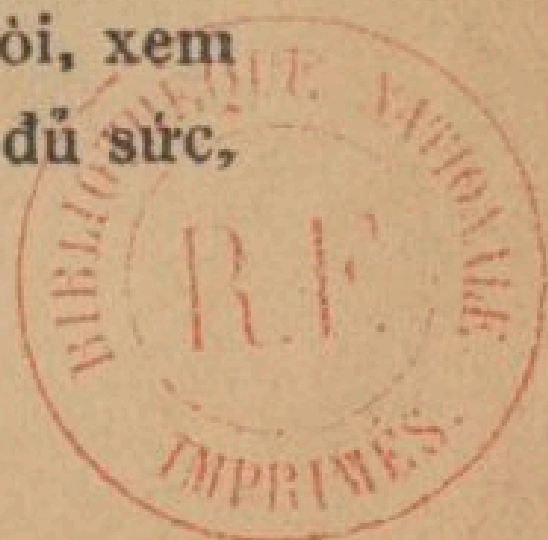
Khi dự tiệc xong, chào mừng hai họ từ nay càng thêm thân-mật, cô dâu chú rể bách-niên giai-lão, ai ai cũng chuển choáng hơi men, hoặc rủ nhau ra về, hoặc đi chơi một lúc cho tiêu khiển. . . Đoàn-quân bèn rủ ký-giả ngồi một xe về nhà chơi nói chuyện cho vui. Một lát, xe đỗ cửa, giả tiền xe, cùng nhau đi vào nhà trong, Đoàn-quân còn thoảng nghe người phu xe nói truyện với bạn qua đường:

Suốt từ ba giờ chiều, tôi mới được món khách này đây. . . Thi buổi này làm ăn thật là vất vả quá. . . » Khi chủ khách yên vị đầu dĩa. Đoàn quân nhắc lại câu truyện phu xe thoảng qua ngoài tai, súc cảnh đọc mấy câu Kiều:

*Cho hay muôn sự tại giòi,  
Giòi kia đã bắt làm người có thân.  
Bắt phong trần phải phong trần,  
Cho thanh cao mới được phần thanh cao.*

— Đây bác xem, như người phu xe, quá thân trâu ngựa dầm mưa giải nắng, kiếm lấy miếng ăn không xong, vì chẳng có số dầu sang, giòi kia không hành hạ, sao đến nỗi khốn nạn thế?

— Phải tình cảnh anh phu xe thật cũng nên thương, nhưng biết đâu anh ta lại chẳng có lúc phú-quý sao? Có giòi mà cũng tại ta, giòi bày cho ta cảnh éo le ấy, cốt để thử người, xem mình có đủ nghị-lực, kiên tâm mà làm không? Nếu có đủ sức,





giời kia cũng chẳng hẹp nào. Việc gì bác cũng bảo tại giới cả, điều hay đã dành, chứ cái giờ cũng tại giới cả ư? Như thế người ta không còn cái trách nhiệm, cái nghĩa để làm hết bổn phận mình nữa ư? Đứa gian-ác phải tù tội cho là số thiên định đã kê sẵn tên nó từ bao giờ, rằng ngày ấy, tháng ấy, nó phải làm điều ấy, chứ vốn nó cũng không làm thế ư? Còn những người có bằng cấp nọ, huy-trương kia, cũng là ở giới cả ư? Người ta không có làm nên công trạng gì ư? Thế kẻ tù-tội, người thưởng khen cũng như nhau, đã sa chân xuống cõi hồng-trần là đầu người cả, thưởng phạt chẳng qua người đời đặt ra sau này mà số thiên-định đã định sẵn rồi ư? Cứ như bác nói, người ta ở trên đời, uống một chén, ăn một miếng đã có tiền định, cử-chỉ hành động cũng bởi tiền định, ai cũng mặc cho con Tào vùn say ư? Thôi còn ai ra công cố sức mà làm nghĩa-vụ mình nữa, sao còn có người quên ăn, quên ngủ, hi-sinh cả đời mình mà tìm lấy cái thật, cái hay, cái đẹp nữa, còn ai không được như thế cũng còn chạy chọt để cầu lấy chút danh vọng để lên mặt với bà con nữa? Tôi thiết tưởng, mỗi người có một cái nghĩa vụ riêng, tự mình phải làm cho chọn, thế là cân thăng-bằng, người nào khuyết điểm là có lỗi, người nào làm được hơn là có tiếng khen, chứ giới nào có biết đến đấy, chẳng qua cùng thế, để tội cho giới là xong việc.

— Bác nói thế cũng phải, nhưng mà số giới không cho cũng chẳng nên được. Kia như ông Nã-Phá-Luân đương làm thường dân, phút chốc lên làm vua, chẳng phải dòng dõi tôn-thất chẳng cũng là số ư? Một tay mười lăm năm chinh chiến, thắng gần khắp cả Âu-Châu, ai bảo chẳng nhất thống sơn hà, rồi lại phải đi đầy ra cù-lao St Hélène, nếu không bởi số sao có thế? Kia như Thạch-Sùng, Vương-Khải, dầu có ai bì, nếu không vì số thời có thị của làm gì, đến nỗi bây giờ phải tắc lưỡi với giới nữa? Người ta có tài mà có cả mạng, mới là vụn tuyền, chứ giới chỉ cho có tài không thôi thời chữ tài liền với chữ tai một vần... Cuộc đời có bao, ba vạn sáu nghìn ngày, nhanh như thoi đưa, như gió thổi, từ lúc oe oe lọt lòng, đến lúc hai tay buông xuôi



chỉ những lợi danh bó buộc, mà rồi cũng tiêu-diệt vào chỗ hư-vô, — không có mấy khi thư thả mà ngắm những cảnh tượng thiên-nhiên của tạo-vật, chung đúc nên người đời. Các cụ cố-nhân thấy ít thì giờ quá phải đốt đuốc để thưởng cảnh vật ban đêm cũng không phải là quá vậy ...

Hơi men vừa hả, vả đêm đã khuya, bèn từ giã bạn ra về, còn chút kỷ-niệm lúc : « tửu nhập ngôn xuất ».

ĐẠT-ĐỨC

### Giấc mộng đêm xuân

Còn thú gì hơn là anh em bấy lâu xa cách, nay được họp mặt cùng nhau trong buổi xuân quang mà chén tác, chén thù nữa không? Đánh chén say rồi, trò truyện hồi lâu vui vẻ, bèn rủ nhau đi nghỉ kéo đêm đã khuya, người đã mỗi mệt. Ký-giả nhân có hơi men, nên lèn đường nằm là thiu thiu ngủ ngay, dần dần vào trong giấc điệp mơ màng.

Mộng thấy hôm đó, giờ quang mây tạnh, trong mình khoan khoái, bèn chỉnh tề khăn áo đi chơi. Đi hết phố nọ sang phố kia cũng chẳng có gì thú, bèn lững thững quá chân đến một nơi kia, cửa cao nhà rộng, mặt trước lối tây, kính chớp bốn bề, chang hoàng đẹp dễ, đằng sau vườn hoa, cây cỏ um-tùm, hương bay thơm ngát, thật là một nơi tao-nhã để mà di-dưỡng tinh thần trong khi mệt nhọc, Hỏi ra mới biết là nhà cụ Quản, về hưu-trí đã mấy năm nay. Cụ tuy là võ-quan, cử-trĩ nói năng có điều hùng mạnh thật, nhưng người rất nhã-nhận dẫu đối với ai cũng thế, nên làng xóm ai ai cũng có lòng mến cụ lắm. Khi ký-giả đến cạnh vườn của cụ, thấy các thứ hoa, nào xanh, đỏ, chẳng, tím, vàng, đương thì nhau đua nở, trông rất là ngoạn mục, ký-giả bụng tự nghĩ tiện đây ta hãy đứng lại nghỉ chân và ngắm nghía vườn hoa đẹp này một hồi lâu đã rồi ta lại sẽ đi nữa có vội gì. Lúc đó, Cụ cũng đương ở trong vườn, xét hốc cây nọ, xem cụm hoa kia, chợt thấy ký-giả đứng ngắm ở ngoài vườn, bèn mời vào chơi, cho



uống nước, dẫn cho xem các thứ hoa, nào Tây, Tàu, Annam, đủ cả, nói truyện cho biết tường tận từng cây một. « Nào cụm hoa  
« kia mua tự bao giờ, giá bao nhiêu tiền mà bây giờ tươi tốt thế,  
« khóm hoa kia ông bạn làm quà cho năm nào hãy còn sơ sác  
« lưa thưa, bây giờ cũng chịu chút những hoa là hoa, luống đất  
« kia mới giồng hoa có ít lâu mà bây giờ đã thấy nhúm, sắp nở  
« hoa cả rồi vùn vùn... Sau cụ lại nói, tôi sở dĩ yêu hoa thế này  
« cũng vì vốn thích hoa, trước kia, khi còn trai trẻ, lợi buộc danh  
« đam vào vòng cơ ngũ, thì giờ đâu mà chăm chút cho hoa được.  
« Vả lại từ bấy đến khi về hưu, mắt tôi trông vào những đồng  
« đất như nơi chiến địa cả, chỗ nào cũng hình như quân mai  
« phục, tay cứ sấm sấm vào cò máy súng, thật lắm khi bụng  
« không muốn mà việc bắt làm, đã nhiều phen vùi liều dập hoa  
« cũng không biết, ngày nay hồi tưởng lại mới biết thương hoa,  
« tiếc hoa, quý hoa, chiều hoa, muốn cho hoa nở đầy vườn  
« Người ta biết thưởng hoa khi còn thanh xuân, tôi biết thưởng-  
« hoa khi đầu đã bạc vậy. Cho nên từ khi có chút thì giờ nhàn  
« hạ để mà yêu hoa, tôi rất chăm chút cho hoa lắm: nào bới đất,  
« nhặt cỏ, nào đeo hột, nào vun tưới rất là cẩn thận, không  
« khiến một ai cả. Ngày nào tôi cũng ra vườn thăm hoa, xem  
« hoa có tươi tốt không, có cỏ sâu, hay sâu ăn hại hoa không  
« canh nào yếu quá không mọc được, tôi lại giồng cọc để cho  
« nó leo, nó trèo tùy sức vẫy vùng, bỏ khi vùi dập trong đám  
« đất đen. Thật tôi cũng đã tốn nhiều công phu mới được cái  
« vườn trăm hoa đua nở này đây. Nhưng mà những ngày nắng  
« hạ, như thiêu, như đốt hai mặt chói lòa, hay là mùa đông gió  
« bắc mưa xa ngồi trong nhà mà có họa hoa để mà ngắm nghĩa  
« kể cũng phu công. . . . . »

Cụ vừa nói đến đây, bỗng đâu tiếng pháo nổ của ai kêu đến  
đùng một cái làm cho ký giả bừng thức giấc, mắt còn nhìn vào  
góc tường ngõ là vườn hoa, bụng còn đương nghĩ, yêu hoa đã  
đễ mấy người biết hoa.

**Đạt-Đức**



## Một nhà triệu phú

(Tiếp theo)

Dịch giả: Đạt-Đức

### XIII

Sau khi ông Lục Lã-Khuê tiễn chân cô Bạch-tuyết ra khỏi cửa rồi, trong lòng khoan-khoái, bèn vào buồng đi làm các công việc ngày mong cho tróng thành kết quả việc phúc-dức ấy. Ông bèn lấy giấy viết cho ông bạn thân đồng-sự ở Pha-Lê, nhờ giới thiệu ông cụ Bế-Trang làm thợ đúc đồng và dạn mựn thêm hộ cho hai thầy ký lục đứng dẫn và lanh-lợi để giúp việc ông nữa. Viết thư xong, ông bèn dỡ ra xem các tập hồ-sơ của Mã-tư-Lâm suốt cả ngày hôm ấy mãi đến mười hai giờ đêm mới đi ngủ và cả buổi sáng hôm sau mới xong.

Đã có dầy mời sẵn, ông Chánh án dùng hai giờ chiều đến chứng kiến việc bóc niêm phong lầu Mã-tư-Lâm để kiểm xem các đồ trong nhà. Ngoài các đồ vật ra, còn tìm thấy ở trong tủ két năm trăm ba mươi hai nghìn quan vừa tiền vừa trái phiếu ngân hàng và trong một cái hộp con các đồ nữ-trang mà Mã-tư-Lâm đã cho cô Bạch-Tuyết.

Xem xét kỹ càng đầu dấy, giờ đã chiều hôm, mọi người giờ ra về, một mặt ông lục sai các thầy ký lục ghi chép các khoản, một tự mình đến nơi cô Bạch-Tuyết ở để hỏi cô xem có nên kê cả hộp nữ-trang ấy vào của gia sản không.

Đến nơi, nói truyện sự thế đầu dấy cô Bạch-Tuyết bèn giả lời.

— Thưa ông, các thứ ấy cha tôi có cho tôi thật, nhưng mà... tôi cũng xin ông bảo biên cả vào là của sản nghiệp của cha mình luôn thể,

Ông Lục nức nở khen thầm cái bụng trọng nghĩa khinh tài của cô rồi cáo từ đi ra.

Lại nói đến ông Lục Nông-Cồ-Lê được tin rằng cô Mạnh-Tuyết đã nhờ ông Lục Lã-Khuê làm giúp thời nắm tay day miệng, tức dạn vô cùng tưởng rằng ai kia đã chanh mất



mối lợi của mình rồi, bèn sầm sầm thẳng tới nhà cô Mạnh-Tuyết để nói chuyện.

— Thưa cô, cô đã giao việc làm cho ông Lục Lã-Khuê rồi ư?

— Thưa vâng.

— Nhưng ông ấy trước kia có làm với cụ nhà dậu, sao cô lại giao cho ông ấy.

— Thưa cụ, điều ấy đã hẳn, nhưng bây giờ tôi muốn nhờ ông ấy giúp hộ cũng được chứ gì.

— Vẫn biết thế, nhưng ông ấy mới đến đây, người quen đã mấy, kể lạ thì nhiều, chắc còn bỡ ngỡ, phải hỏi han nhiều, có dậu được thông thạo lão-luyện như tôi, thật cô cũng vội vàng quá.

— Thưa cụ, điều ấy cụ nói cũng chí lý lắm, nhưng tôi xem ra ông Lục Lã-Khuê này cũng có thể tin cậy được, không đến nỗi khốn nạn như ai.

— Nhưng mà cô ơi, cô đã hứa với tôi rằng để tôi làm giúp cô có mà?

Thưa cụ, hôm đưa cha tôi ra đồng giờ về, cụ có hỏi tôi thật, xong tôi đã thưa lại với cụ ngay rằng nếu tôi có cần nhờ cụ giúp hộ, tôi xin thưa lại để cụ rõ rồi ư?

Ông lục Nông-cổ-Lệ chán nhất, tung hứng cả người, chào cô một cách lãnh đạm rồi ra về trong lòng vẫn còn tiếc mất một mối lợi to.

Cứ như lời Bạch-Tuyết dặn, công việc làm cứ lặng im như tờ, may may không để cho ai biết cả. Về phần các người trong làng cứ thấy cô ở nhà bảo-mẫu tời tàng như thế mà lâu có, hai nhà riêng có không ở thời không ai đoán ra làm sao cả. Người nói có lẽ cô ta muốn đi tu vì từ khi về ở đó đến giờ không bỏ áo tu hành, nhưng còn cái sản nghiệp tầy đình ấy sao, chẳng nhẽ đem cùng vào nhà thờ ư? Có người ấy cô ăn ở với Bảo-mẫu một cách dãn dị thế lại diễn rằng; dậu có mà làm gì, cũng khổ sở như họ vậy. Nếu thừa tiền không tiêu



hết chẳng đem mà bố thí cho người nghèo thế mà họ cứ đồn là Phúc đức lắm. Ở làng này thiếu gì người cơm chẳng có mà ăn, áo chẳng có mà mặc, thôi lại như Mã-tư-Lân rồi con chả giống cha thì giống ai nữa.

Cách vài hôm sau cô Bạch-tuyết lại đến buồng ông lục xem công việc đã đến đâu rồi, ông bèn vội vàng nói cho cô biết rằng ông cụ Bế-trang còn sống ở Phalê năm nay tám mươi tuổi và đưa cả cái thư bạn viết cho ông để cô xem. Đọc đến nửa chừng, cô cảm động quá, nước mắt chảy quanh, « phải lấy mù-soa lau rồi lại đọc: « Ông thợ đúc đồng Bế-Trang « còn sống năm nay, tám mươi tuổi người còn khỏe mạnh « mắt lóa mắt rồi, không làm ăn gì được nữa, các con phải « gom nhau mà nuôi cụ, và các con cũng từng bán lắm. Bà « cụ Bế-trang mất rồi được bốn con, hai trai, hai gái. Người « con cả cũng làm nghề đúc đồng được năm cháu từng kiết « lắm, nhưng hai đứa nhớn cũng có thể đỡ dần công việc « được, khỏi phải thuê nhiều người ngoài. Con thứ hai được « hai cháu nhưng mấy năm nay vợ ốm mãi, tiền thuốc « thang cũng tốn nhiều nên chẳng có gì. Hai người con gái « cũng đi lấy chồng cả rồi, người ba cháu, người hai cháu. « Người con gái sau này lấy phải anh chồng cò bạc rượu trè « be bét, bây giờ bỏ đi đâu không ai biết cả. Ông cụ Bế- « Trang hiện ở với người con gái sau này đấy . . . Anh em « trong nhà điều trên thuận dưới hòa cả, chỉ vì nghèo thôi. « Những ngày hội hè tết nhất các con đến sum họp quây quần « với nhau, truyện trò rất là vui vẻ, cụ Bế-Trang thấy thế « cũng được vui lòng quên cả nỗi khổ sở. . . »

— Thưa cô, thế là tôi đã nhờ bạn hỏi thăm tường tận tin cụ Bế-Trang rồi đó.

— Cô Bạch-Tuyết trao lại cái thư ấy cho ông lục và nói khi nào ông viết thư giả nhờ cho bạn ông, nhờ ông nói hộ cô xin cảm tạ cái lòng quý hóa của bạn ông. . . Còn việc chia gia tài ông thì làm được gần xong chưa?



— Thưa cô công việc bề bộn, còn phải vài tháng nữa mới xong được, đó là tôi cũng nhiệt-tâm lắm đấy.

— Vâng khi nào xong ông cho biết. Và ông cậu tôi già cả mà các con cũng túng bấn phải góp mà nuôi người cũng ái ngại thay . . . giá tôi muốn lấy ít tiền ở đấy có được không?

— Thưa được ạ . . . , có lấy tiền để giúp cụ Bế-Trang ấy à?

— Vâng. tôi muốn giúp mỗi người nghìn quan thôi.

— Nhưng cô có nên nói cho các ông bà ấy rằng người họ giúp không?

— Không nên, ông chỉ nên bảo rằng người từ-thiện đã có lòng giúp các người nghèo khổ đó thôi.

— Nhưng tôi chắc họ cũng đoán ra được.

— Chắc đâu được, thôi ông làm ngay đi cho và kính chào ông.

Ngay chiều hôm đó ông Lục gửi năm nghìn quan cho ông bạn ở Pha-Lê và nhờ truyền giao cái món tiền ấy cho những người đã kể trong giấy gửi kèm.

Nhận được tiền song, ông bạn cứ như giấy bèn đến nhà Mai-cô để ông Bế-trang, chồng đi vắng chỉ vợ ở nhà thôi, và đưa cho một quon giấy bạc. Người liền ngạc nhiên cứ hỏi dồn ông mãi. Ông bèn phải bảo: «Tôi có một món tiền to lắm để thưởng các người thực thà, hiếu hạnh mà nghèo khổ. Nhà ông « Bế-Trang có tên trong sổ này nên tôi đến để đây. Bà cứ việc nhận lấy, tôi không thể nói rằng ai đã cho cái món tiền ấy và chính tôi cũng không được rõ. Thôi xin lỗi bà, tôi còn phải đi nhiều nơi khác nữa ». Ông bèn đến nhà con trưởng cụ Bế-Trang. Một đứa con gái độ mười tuổi ra mở cửa, mới bước vào trong thấy một cái phòng hẹp, đồ đạc cũ một cái, có hai người đàn bà ngồi, một người mặt ử mày chau, đương ẵm đứa bé con, một người đương ngồi cúi mặt xuống ra bộ buồn dầu quá. Trông thấy, ông bèn chào và hỏi bác Hanh-Tôn đâu? Người ẵm con giả nhời:



— Thưa tôi đây.

— Vậy tôi xin biểu bác cuốn giấy bạc này.

Hai người liền bà nhìn nhau ngơ ngác, không hiểu đầu đuôi ra làm sao cả. Ông Lục bèn nói tiếp rằng đó là người từ thiện đã giúp những người nghèo khổ hiếu hạnh đó. Bác Hanh-Tôn bèn đặt con xuống, nhận lấy món tiền cảm ơn ông lục, cảm ơn người từ thiện và nói truyện với em dâu rằng, ở hiền thì lại gặp lành, đây là giới giúp chúng ta đây, và đưa cho bác này một nửa.

— Sao bác cho tôi nhiều thế, tôi chẳng dám lấy đâu.

— Được không sợ thím cứ cầm lấy, nhà tôi không kỳ kèo tôi đâu và lại nói với ông lục rằng : « Đây là thím nhà tôi, vừa định đến vay tôi mấy hào về dong gạo mà tôi cũng không sẵn, phải đợi chiều hôm nay phát lương mới có. Đây ông xem thím nó đương gặp cơn đen vận túng mà chúng tôi cũng nghèo, giá có ra, chỗ chị em trong nhà còn đâu hơn nữa.

— Ông Lục bèn nói, giá tôi cũng gặp bác Lê-Anh ở đây thời hay lắm, tôi cũng định đem biểu bác ấy nghìn quan đây, như thế bác ấy khỏi phải vay tiền của bác ». Vừa nói, vừa mở cặp da lấy tiền đưa cho bác gái Lê-Anh. Bác này cảm động quá vừa cảm ơn ông lục cùng người từ thiện, vừa ứa nước mắt khóc, nghĩ mình đương lúc nhỡ bước mà còn có người biết trọng nghĩa hơn tài, tình kia cảnh nọ lại càng thêm lai láng. . .

Xong Ông lục bèn chào hai người rồi đi ra. Vừa xuống thang vừa nghĩ : « Thật là những người hiền lành cả ». Một chốc ông đến nhà cụ Bế-Trang thấy đương ngồi hút thuốc « điều cây » cạnh cửa sổ. Cạnh ấy một đứa năm tuổi lăn ra đất chơi với con mèo, trong góc tường một đứa lên chín đương ngồi học và một người đàn bà đương ngồi khâu. Cụ Bế-Trang chợt nghe thấy giầy « cộp ! cộp ! » bèn gọi cháu gái hỏi người đến đây có việc gì.

Ông Lục bèn nói : Thưa cụ, tôi đến đây giúp cụ có tí việc.

— À, thế đấy, hân ông lại mang hộ thuốc lá đến cho lão hút



chứ gì. Con lão thấy lão gần hết nên nhờ ông mang đến hộ có phải không? Đã mấy hôm nay lão phải bớt hút đi mỗi ngày chỉ được có ba điếu thôi ông ạ.

— Thưa cụ, tôi đến đây không phải là mang thuốc lá hộ con gái hay con rể cụ đâu, nhưng hộ một người hảo tâm, thấy ai già cả như cụ, xuất đời làm ăn tận tụy mà còn phải nghèo khổ đó.

— Thế người hảo-tâm ấy, muốn gì hở ông?

— Thưa cụ, người ấy muốn biếu cụ một nghìn quan để dưỡng lão.

— Thật vậy ư? Nhưng đời bây giờ lại còn có những người ấy ư? thế cái người từ thiện ấy là gì bảo cho lão biết với.

— Thưa cụ người ấy dấu tên, không cho ai biết và chính tôi đây tôi cũng không hay.

— Thế thì lạ quá, gần chọn đời lão, lão chưa từng thấy có người nào như thế bao giờ. Cụ Bế-Trang vừa nói vừa run, thế người ấy cho lão những nghìn quan ư?

— Thưa vâng bây giờ tha hồ cụ hút thuốc lá không sợ thiếu tiền nữa.

Ông lục lại gọi bác Nga-Liên nữa, vừa nói vừa tủm tỉm cười: « Người từ-thiện thấy bác có lòng hiếu thảo với cha như vậy, cũng biếu bác nghìn quan đây này » Bác này nói:

— Thưa cha . . . Thưa cha . . . nói không ra lời »

Ông lục giao tiền xong đi ra, hai người hoảng hốt, mừng mừng, sợ sợ, không hiểu ra sao, quên cả tiền chân ông lục ra cửa. Một lúc lâu, định tâm lại, trông đến năm giấy bạc. đỡ ràng sự đã quả nhiên, cha con mới truyện trò với nhau rằng: « không phải là mộng đâu . . . »

— Con ơi, cha cũng lấy làm ngạc nhiên lắm . . . Song ở đời này hẳn cũng còn có người hảo-tâm chứ. . . .



Khi bác em dâu về rồi, bác Hanh-Tôn đợi chồng về kể truyện vừa qua, chồng cũng lấy làm lạ quá không hiểu là ai, và bảo vợ rằng : « Thôi được, ta cứ nhận lấy, bây giờ ta có rồi, ta bèn phải nghĩ đến người nghèo khác chứ? ». Con dâu bèn chạy lại nhà bố chồng thấy đương nói truyện đến người hảo tâm ấy cho cụ Bế-Trang và cô em chồng mỗi người nghìn quan. Bác Hanh-Tôn cũng thuật truyện lại người hảo tâm cho nghìn quan và định đến để giúp cụ đấy. Nói xong ba người nhìn nhau ngờ ngác không hiểu ra sao cả. . . . Cụ Bế-Trang một lúc bảo các con rằng những người hiền lành hiếu thảo chăm chỉ làm ăn bao giờ giờ cũng biết công cho chứ gì nữa. . . ».

#### XIV

Lúc công việc gần xong, các giấy má cô Bạch-Tuyết đã ký cả rồi, sắp đến lúc châu về Hợp-phố, cô bèn thu xếp để lên trường bà sờ, song ông Lục còn lưu cô lại nói rằng còn cần phải hỏi han cô những kỷ thực muốn để cô được mục-kích việc đại từ-thiện mà cô đã đề sớ ra.

Ngày nào ông Lục cũng đi lại khắp miền gần đấy thăm hỏi tin tức người quen kẻ thuộc những người đã bị khổ sở vì Mã-tư-Lâm, tình cờ buổi sáng kia khi ông đi qua nhà bà Ngô-Lộc, lại có cả bà nhạc ông ở đấy, ông bèn vào chơi và nhân tiện ăn cơm sáng cả ở đấy. Lúc ăn ba người truyện trò rất là vui vẻ, ăn xong, ông bèn cáo từ đi có tí việc. Bà Ngô-Lộc hơi nghe lỏm được việc từ thiện của cô Bạch-Tuyết, bèn nói với bà nhạc ông, ngồi chơi lại nhà một khắc, còn bà mời ông Lục ra vườn để hỏi xem tin tức thật hư thế nào. Hai người bèn ra ngồi ghế dưới gốc cây cổ thụ rất là vui vẻ. Bà bèn nói : « tôi đàn bà lười thôi quá, chỉ hỏi truyện dờm làm mất cả thì giờ quý hóa của ông, ông cũng miễn chấp đi cho. »

— Thưa bà, bà cứ giây quá lời.

— Ông lục này, bây giờ cô Bạch-Tuyết có được mạnh giỏi không? Từ khi ông Mã-tư-Lâm mất đi cô ấy có buồn lắm không, và cái gia tài hàng triệu, cô ấy khu xử ra sao?



— Thế ra bà không biết tí gì ư?

— Vâng tôi không biết gì cả, ai bảo mà biết được,

— Thưa phải rồi, ở đây với O-Mễ cũng đã rồi thảo nào bà không được rõ, nhưng ông kỹ-sư Ngô-Tâm cũng phải biết chứ?

— Cháu nó cũng như tôi, chắc cũng không hay đâu, và lại người ta đương đầu tang tóc rồi mà lại hỏi đến truyện gia tài người ta chẳng cũng khiếm nhã lắm ru.

— Thế tôi xin thuật qua đề bà nghe. Cách mấy hôm nay tôi có lại đề đưa các giấy má đề cô ấy ký tên, tôi thấy cô vẫn được như thường còn cái gia tài hàng triệu ấy, cô ta xử trí một cách lạ đời, không hề lung túng chút nào, tôi xin thú thực cùng bà tôi làm lực sự cho nhiều người, tôi cũng phải chịu cách của cô ta là giỏi, và phục cả cái bụng của cô ta nữa. Thưa bà, tôi dám chắc rằng cái chết của ông cụ Mã-tư-Lâm không những làm được cho cô ấy buồn, mà cô ấy lại hết sức làm cho danh tiếng ông Mã-tư-Lâm lừng lẫy mãi lên.

— Ông nói cái gì vậy? Người ta phải trọng cái danh tiếng ông Mã-tư-Lâm a?

— Người ta quý ông ấy là tại cô Bạch-Tuyết.

Hắn cô ấy lại xây cho Mã-tư-Lâm một cái nhà mồ đẹp nhất thế giới chứ gì?

— Bà đoán phải đấy.

— À thảo nào ông cũng phải khen là đẹp là quý,

— Thưa bà khoan đã, các nhà mồ này khác hẳn với các nhà mồ khác, bằng gạch, bằng đá, ai là người lương-thiện, hiếu thảo trông thấy cũng phải kính cần.

— Thôi đi ông, ông cứ nói đồn hoài.

— Thưa tôi nói thật đấy

— Ông nói thật ư?

— Vâng bà có muốn biết rõ là cái gì không?

— Có, tôi xin lắng cả hai tai...

— Từ khi yên táng cho ông Mã-tư-Lâm rồi, cô Bạch-Tuyết không có ở lâu Ô-Mễ ngày nào cả, cô chỉ ở nhà bảo-mẫu quê



mùa, chật hẹp, đồ đạc chả có gì, và cô ăn uống rất là dăn dỉ không có chút nào gọi là sang trọng cả, ai nghe thấy cũng phải ngạc nhiên, chưa từng thấy người con gái nhà triệu phú nào mà có một lòng trinh bạch làm vậy

— Như thế cũng kỳ thật.

— Thưa bà, bà là người thiệp thế có lòng quảng đại, bà hẳn cũng cho rằng cô Bạch-Tuyết không khi nào lấy cái của phi-nghĩa ấy chứ?

— Ông nói thật đấy chứ? Nhưng cái của ấy cô ta sử trí ra làm sao?

— Bà đề yên tôi xin thưa nốt. Sau hôm đưa đám cha cô rồi, cô ta hôm sau vào lúc chín giờ sáng đến nhà giã tôi ăn mặc tu hành, tôi lấy làm ngạc nhiên lắm vì trước kia tôi có làm cho nhà cô ấy đâu? Cô ta bèn nói: « Vì tôi biết trước kia, ông không làm cho cha tôi, bây giờ tôi mới đến nhờ ông, chứ lúc đưa ma xong, ông lục Nông cổ Lệ có đón tôi để xin việc, tôi có dám nhờ tay tế độ của ông ấy đâu » Mới nghe qua, tôi cũng hơi hiểu cái bụng cô ta và lại thấy cô ta nói cô ta không muốn tơ hào mảy may vào cái của phi-nghĩa ấy, nên mới đến nhờ tôi làm hộ của ai giả lại cho người ấy, đó là cái bòn phận của cô ta. Từ đó tôi lấy làm cảm phục cái bụng từ thiện của cô và tôi hết sức làm đến ngày kết quả đây.

— Nhưng thế quý hóa lắm nhỉ,

— Vâng quý hóa thật. Tôi lại bảo cô ấy rằng, nếu giả lại cho các người cũng còn đến nửa. . . .

Cô ta bèn nói: « thế ông chữa hiểu bụng tôi ư?

— Nhưng trước kia cụ ông cũng có vốn cơ mà?

— Nhưng chẳng kể vào đâu. Cho vay nặng lãi, không giả được, trình tòa tịch biên gia sản làm cho người ta khổ sở, nhưng cái đó không tính vào đấy ư? Điều tôi muốn là không những giả lại của ai người ấy lấy lại còn muốn chuộc lại cái điều tàn-ác của cha tôi khi trước nữa,



Thế trước kia cụ bà làm ăn vất vả có vốn riêng mười lăm nghìn quan thì sao? — Cái ấy mới lại góm nữa, cướp phần gia-sản của người để người ta phải khổ sở làm không đủ ăn, chả cũng ác lắm ru? Nếu tôi các khoản song cả mà còn thừa tiền, làm phúc đường cho các người tàn tật già nua không nơi nương tựa, thừa ông thế là đủ cả rồi. . . »

Bà Ngô-Lộc nghe song cứ tấm tức khen mãi: « phúc đức quá! phúc đức quá!! » Ông Lục ơi, ban nầy ông nói cô ta sắp một cái nhà mồ cho cha cô mà ai là người lương thiện trông thấy cũng phải kính cần, không phải là quá đáng vậy. Mà cứ làm một cách yên lặng không cho ai biết cả thật là « Phúc đức quá!! »

Nhưng ông lục ơi, thật ra cô ấy có định đi tu không?

— Thưa bà tôi không muốn hỏi đến việc ấy, tôi chỉ thấy cô ta mặc áo tu hành thôi.

— Thế bây giờ cô ấy còn ở nhà bảo mẫu hay đã lên trường bà Sở rồi?

— Thưa bà, cô ấy đã sắp định đi, nhưng tôi còn lưu lại độ nửa tháng xong công việc, xem có phải đến cô ấy điều gì nữa không.

— Ông hãy còn phải hỏi han đến cô ấy à?

— Vâng độ nửa tháng nữa là xong các công việc. Hôm đó sẽ là một ngày hội to cho làng Ô-Mễ vậy. Từ trước đến giờ người làng không ai biết tí gì về cách xử trí của cô, chắc họ cũng dị nghị nhiều, đến hôm ấy mới được biết, ca tụng công đức cô lắm, vì lẽ ấy nên tôi muốn lưu cô ta lại để được chứng kiến việc công đức tầy đình ấy.

— Ông nghĩ thế phải lắm.

— Thế hôm ấy bà có muốn đến chứng kiến việc công đức ấy không? — Chắc thế nào hôm ấy bà cũng đến, vậy tôi sẽ bảo nhà cháu đem xe ngựa để đón bà.

— Vâng hôm ấy thế nào tôi cũng đến ông không phải bày vẽ lời thôi gì cả



Thời bây giờ đã quá trưa rồi, xin phép bà tôi đi cho song việc đến hôm đó tôi xin ra tiếp đón bà.

Bà Ngô-Lộc tiến chân ông Lục ra khỏi cửa và cảm ơn ông đã bảo cho biết được một việc phúc đức chưa từng thấy bao giờ....

## XV

Công việc làm đến mười tháng mới xong, nào là tra xét danh-sách lý-lich, ghi biên sồ-sách, giấy má như rừng, khi đầu vào đấy cả, ông bèn cho gọi các người có phần đứng mười một giờ đến nhà ông nói có việc hỏi riêng. Thế mà độ mười giờ đã thấy người đông đứng quanh gần nhà ông rồi, nào người có phần việc, nào người bang quan, thân bằng cố hữu người thì đứng yên trong bụng phân vân không biết gọi đến có việc gì, người thì nói năng chỉ trở, bàn tán âm ỹ cả lên mà cũng chưa ai đoán là việc gì cả. Cũng có người phải bỏ làng đi kiếm ăn nơi khác, có giấy gọi ra có việc cũng đã thấy đến đấy, nhìn xem cảnh xưa thấy ít nhiều, biến cải, lại thấy bạn xưa, tay bắt mặt mừng truyện trò rất là vui vẻ, nào là bác nay đi làm thợ mộc đã ba năm, bác kia đi làm thợ nề nơi khác đã năm năm, tình kia nổi nợ những trông thấy nhau mà lại lảng bởi hồi . . .

Đến mười giờ rưỡi, người đến càng đông, truyện trò như pháo ran, thấy cả bác cai Tam, bác Sã-Môn, bác Sã-Lai vân vân những bác này khi trước có đất phải bán rẻ cho Mã-tư-Lâm rồi đi kiếm ăn nơi khác đó. . . .

— Kia bác, ông Lục cũng gọi bác đấy ư?

— Thế ông Lục cũng cho gọi bác chứ?

— Vâng, gọi đến làm gì, thật là lạ quá. . . .

Một chốc lại thấy bác xã gái Đông đến thấy chồng anh cu Nhón, bồ côi đã hai mươi tuổi, đến thấy mẹ ốm nằm liệt giường, cả bà Cu-Lang ăn mặc tồi tàn cũng đến với ba đứa con gái, đứa lớn lên 14 tuổi vẫn bán bánh tây rong. Chợt lại thấy một ông già, đầu bạc, lưng cong, tay chống gậy,



có một đứa con gái độ 15, 16 tuổi dẫu. Mọi người đều chú ý xem ông già ấy là ai, và hỏi lẫn nhau :

— Người nào thế nhỉ ?

— Tôi cũng không được biết.

— Khốn nạn cho người ấy.

— còn cái người dẫu kia, chắc là con hay cháu gì đấy.

— Kia người con gái nói năng với ông lão từ tốn ngọt ngào quá . . .

Chắc độc-giả cũng biết ông già ấy là cụ Bế-Trang rồi và người con gái ấy là cháu nội cụ, con trưởng bác Hanh-Tôn vậy. Đã ba hôm, trước khi khởi hành, ở nhà đã bàn định với nhau, cho con cháu gái theo hầu cụ. Cụ Bế-Trang đã định không đi vì già nửa tuổi tác, bước thấp bước cao, đi không những vất vả cho cụ lại cả cho cháu nữa song lại nhận được giấy của ông lục Ô-Mê gọi phải về ngay có việc cần, nên cụ cũng đi giối, già một thể.

Khi đến nhà ông lục, người học trò buồng giấy chợt trông thấy, bèn chạy ra hỏi có phải là cụ Bế-Trang đó không ?

— Phải tôi là Bế-Trang đưa dẫu tôi là cháu gái lão đây.

— Nếu thế xin cô và cụ theo tôi.

— Người học trò dẫn qua các buồng thầy ký rồi đến buồng ông lục rồi nói cụ và cô ngồi đợi đấy hơn là đứng ngoài kia.

— Này thầy ơi, thầy có biết ông lục gọi lão đến đây để làm gì không ?

— Thưa cụ, tôi cũng không được rõ, cụ cứ đợi một chốc' ông Lục tôi ra cụ sẽ biết truyện. Nói xong người học trò đi ra ngoài, lúc đó vừa mười một giờ, các người đi lễ nhà thờ đang ra đông lắm. Các người đợi ở nhà ông lục, cũng thấy cô Bạch-Tuyết đi trầu về, tay cầm quyền kinh, lại ăn mặc tu hành, bèn thì thầm nhau :

— Cô ấy đó ư ?

— Phải, nhưng lại đi tu quách rồi.



Cô Bạch-Tuyết đi qua chỗ đông người thấy mọi mắt nhìn vào cô, cô hơi then bẹn nói truyện với Bảo-Mẫu rằng:

— Hôm nay không phải là ngày phiên chợ, sao người đến họp đông thế nhỉ (Ừ ông lục không bảo cho cô và Bảo-mẫu biết)

— Tôi cũng không hiểu tại sao đông làm vậy.

— Bảo-mẫu ơi, vừa rồi Bảo-mẫu có thấy họ cứ nhìn chăm chặp tôi không?

— Cô ơi, họ thấy cô đẹp thì họ nhìn chứ sao.

— Bảo-mẫu ơi. . . .

— Cô không muốn khoe đẹp với người ta đã ăn mặc tu hành, song cô vẫn đẹp thì người ta vẫn phải nhìn chứ sao?

— Thôi đi Bảo-mẫu ơi, mau về kéo trưa rồi. . . .

Khi cô đi rẽ sang đường khác để về nhà, ông Chánh án, ông Đốc-ly bèn đến nhà ông Lục để chứng kiến việc từ-thiện ấy. Tức thì nhà ông Lục bèn mở rộng cửa ra, một người học trò, đứng cửa gọi tên lần lượt các người có phần. Khi cử tọa ngồi im đầu đầy rồi, ông Chánh án rất lấy làm cảm động, thay mặt cả hội-dồng đọc một bài diễn-văn ca-tụng cái tấm lòng hảo-tâm của cô Bạch-Tuyết, đã không muốn lấy cái gia-tài hàng triệu lại giả lại của ai người ấy. Ông Chánh-án lại nói với cụ Bế-trang biết rằng cô Bạch-Tuyết cháu cụ biết rằng trước kia cụ bị tranh mất phần gia-tài hai trăm năm mươi nghìn quan thì bây giờ cô ấy xin hoàn lại để cụ giởnng lão, hiện giao tại nhà ông Lục đây. Trong khi diễn văn, mọi người dự thỉnh cảm động quá, bà Cụ-Lang ngời khen lòng từ-thiện cô nhiều nhất, còn cụ Bế-Trang thì ôm chặt đứa cháu nội, vào ngực tỏ lòng sức cảm ai hoài. Song đầu đầy ông Lục bèn gọi tên từng người giao văn tự giả lại cho, mọi người đều vỗ tay khen ngợi. . . .

còn ông Đốc-Lý bèn đến nhà cô Bạch-Tuyết thì cô và bảo-mẫu vừa cơm sáng xong. Khi gặp ông bèn nói mời cô ra để ông Lục hỏi có tí việc cần. Rồi hai người bèn đi ra, vừa khỏi cửa đã thấy mọi người kêu la cười nói om xòm cả lên, Cô cố ý sợ, bèn đứng lại, hỏi ông Đốc-Lý sao lại ầm ỹ cả lên thế,



— Cô đừng có sợ, hôm nay cả làng điều hoan hỉ cả. Ai ai lấy được văn-tự giở ra về điều hơn hở vui mừng và trông thấy cô điều cúi chào kính cẩn lắm đấy. Cô mới hiểu ra rằng ông Lục đã bá cáo cho mọi người biết cái bụng từ thiện của cô. Khi cô đi đến gần nhà ông Lục đã thấy lối nhỏ những người, nào lớn bé già trẻ liền ông liền bà sắp lượt để đón mừng cô. Một ông cụ già tóc bạc phơ phơ tay trống gậy lên trước mà tung hô rằng: «phúc thọ muôn năm» mọi người đều đua theo cúi chào và tung hô «phúc thọ muôn năm» thật là chỗ nào cô đã bước chân tới là trăm hoa đua nở vậy. Cô Bạch-Tuyết then đỏ mặt lúng túng chưa biết làm thế nào đã thấy một bà lão với ba con đến soán suýt cô một cách lạ thường. Cô bèn hỏi xem ai, hóa ra bà cụ Cự-Lang khi trước đã thuê Mã-tư-Lâm, sau lại phải một phen vận túng, bán cả chài cho Mã-tư-Lâm, thất điên bát đảo, nghĩ đâu còn có ngày nay, nên thấy thế lấy làm cảm động quá, hai bên tay bắt mặt mừng, tình cảnh ấy bút nào tả cho xiết được.

Đứng trên gác nhà ông lục, bà Ngô-Lộc trông ra cửa sổ thấy thế, bụng cũng lấy làm cảm-phục nức nở khen thầm rồi nói truyện với bà lục rằng: «Giá mà hôm nay tôi không đến mà mục-kích một việc từ thiện như thế này chả cũng uổng mất đời ru?

Rồi dần dần cô Bạch-Tuyết đi vào nhà ông Lục. ở đây đã có quan tòa và ông Lục hai người đều tiếp đãi cô rất là nhã nhặn. Cô bèn bảo ông Lục rằng:

«Sao ông lại làm quá thế, giá cứ để tôi ở nhà với bảo-mẫu có hơn không?

— Thưa cô tôi đã nhờ ông Đốc-ly dẫn cô ra đây là phải hơn, chứ cô mà ở nhà bảo-mẫu thời dân làng họ súm đến nhà bảo-mẫu mà rước cô ra có khi đồ cả nhà chứ không chơi.

— Vâng ông dậy thế phải lắm, xin đa tạ ông.

— Bây giờ tôi xin giới thiệu cô với cụ Bế-Trang và cô em họ nữa.

Cô Bạch-Tuyết bèn đến chào ông cậu và xem mặt cô em họ một thể, rất là cảm động.



Cháu ơi, bây giờ tao lại khổ hơn nữa là vì mắt lòa mất rồi, nếu mà giờ để còn sáng sủa thì tao sung sướng biết là đường nào.

Cô em họ bèn đỡ nhời cụ và nói : « Chị Bạch-Tuyết cháu, người đẹp như các vị tiên nữ vậy ».

Cụ Bế-Trang biết rằng cô Bạch-Tuyết đã từ chối không lấy chút gia sản nào của Mã-tư-Lâm, chắc chả còn dấn vốn gì, bèn bảo cô muốn chia đôi cái phần của cụ ra.

— Thừa cháu không muốn tơ hào chút nào vào cái phần ấy đâu.

— Như vậy cháu lại nghèo khổ như ta khi trước thôi.

— Thừa ông đừng có ngại, cháu sẽ làm lấy mà ăn, đó chả phải là cách tự lập ư?

— Cháu yếu chân mềm tay thì làm gì được.

— Cháu giỏi cho khỏe mạnh, lại có can đảm, có nghị lực, làm gì mà chẳng nên, cháu không muốn ngồi chỗ mát ăn bát cơm vàng như những hạng người chỉ muốn ỷ lại vào kẻ khác. Ở đời ai ai cũng phải làm mới đáng là người được.

Cô em họ còn trẻ người non dạ thấy chị tay búp măng nõn trắng bèn hỏi chị? Chứ chị làm gì được cơ chứ?

— Em ạ, chị làm cô giáo đấy. . . .»

Ông cụ Bế-Trang cúi đầu xuống khóc thầm. tay nắm lấy tay cô, vô tình nước mắt chảy xuống tay cô, làm cho cô cảm động hơn nữa.

— Ông ơi, cháu quý mến ông lắm!

— Cháu ơi, cháu thật là một vị từ-thiện trên đời hiếm có vậy! . . .»

Trong khi ba người ở trong nhà ông Lục cùng nhau hàn-huyên kể lể nhời chưa hết nhời thì ngoài đường các trẻ con và đàn bà vào các vườn lấy hoa để dải xuống đất để tỏ lòng kính yêu cô như vị tiên nữ, đến khi cô từ giã cụ Bế-Trang và em họ



để người về Pha-Lê, cô về nhà Bảo-mẫu, cô giở ra cửa, bước đến đâu thật là trăm hoa đua nở bốn chung quanh cô.

## XVI

Khi truyện trò một lúc với Bảo-mẫu, cô bèn cáo từ lui vào nghỉ, bụng còn đương thồn thức về việc vừa qua, bỗng đâu có ba tiếng gõ cửa làm cho cô dật mình,

— Bảo-mẫu đó à, sao Bảo-mẫu cứ khách tình làm gì, cứ việc đẩy cửa mà đi có được không?

Bảo mẫu ở nhà sau chạy lên bèn vào buồng nói cho cô biết rằng có một bà lạ mặt muốn nói truyện với cô.

— Một bà lạ mặt à?

Cô bèn đứng dậy, đi ra nhác trông thấy bà Ngô-Lộc bèn chào : « Kia bà lại chơi » Bà Ngô-Lộc nắm lấy tay cô một cách thân mật và nói :

— Chắc tôi đến đây thế này cô cũng lấy làm ngạc nhiên lắm thì phải. Cô cũng đã rõ tôi quen biết ông Lục-Lã-Khuê, nhiều lần ông cố mời tôi lại chơi, mãi hôm qua mới lại được. Cô ơi, thật tôi đến đây sáng hôm nay được mục kích một việc không hên mà nên. Tôi đã được trông thấy bao nhiêu người ca tụng cái bụng từ thiện của cô, cô thật là người quý nhất trên đời này là vì cô đã trọng nghĩa khinh tài vậy. . . Thôi đời ta hãy bình tâm ngồi xuống đây mà nói truyện cho vui.

Ngồi một lúc cho định tâm rồi, bà Ngô-Lộc bèn nói :

— Bây giờ việc phúc đức đã xong, cô định thế nào?

— Thưa bà, mai cháu sẽ từ đã bảo mẫu ra tỉnh vào nhà tu kín.

— Cô muốn đi tu ư?

— Thưa bà, cháu muốn thế, không biết có được không?

— Nhưng cô ơi, đó có phải là điều khuynh hướng của cô không?

— Cô Bạch-Tuyết đỏ mặt ngồi yên không nói gì cả.

— Cô ơi, chớ tôi đây già cả, không có ngại gì, cứ thực tình mà hỏi, cô có muốn đi tu lắm không? Cách một năm nay cô đã có bụng yêu anh Ngô-Tâm nó có phải không?



— Thừa vàng,

— Thế bây giờ cô có bụng yêu anh nó nữa không?

Thừa cháu không đáng yêu cậu ấy nữa.

— Cô ơi, khi trước cô cự tuyệt với anh nó và nói: «Tôi không thể với cậu kết tóc xe tơ được, xin cậu hãy quên cái thân hèn mọn này đi» là có nhẽ lắm, cái nhẽ ấy quan Đại-Tướng nhà tôi đã đoán ra cả và có nói: «Nếu cô ấy không «muốn lấy chồng nữa là không phải như các cô thiếu nữ «khác có cái tinh kỳ-khôi đầu, cũng không phải là không «có bụng yêu mến anh cả nhà ta đâu, ấy chính tại cái «việc gia tài tầy đình của cụ Mã-tur-Lâm đã làm cho hai «bên chắc chỗ dờ. Chắc là cô ta đã nghe được ai kể truyện «lại cái lý-lịch của em Mã-tur và cũng muốn cho nhà ta khỏi «mất danh giá, khỏi cho thiên hạ dị nghị nợ kia, nên cô «ta đã liều xuân xanh với nghĩa vụ đó» Chính ngài đã nói rõ ràng thế, mà cô cũng hiểu vậy cái gia sản của cô tức là cái bức tường nó ngăn mất việc nhân duyên của cô đi. Bây giờ công việc cô đã thu xếp đâu vào đấy. cô không thể chối từ được nữa; vả lại cái đức tính của cô cũng đủ làm quên được cái vết dẫu của cụ ông, chắc cụ ông ở dưới suối vàng cũng được nhờ chút thơm lây.

— Nhưng thừa bà, trăm năm bia đá thì mòn, nghìn năm bia miệng hãy còn trơ trơ.

— Sao cô lại nói thế; — giá cô lại ăn ở như cụ ông thì có lẽ thế thật, như cô lại tu tỉnh của ai giả người ấy, cũng như là cô chuộc lại cái xấu cho cụ ông rồi, bây giờ ai ai cũng ca tụng cái lòng từ-thiện của cô thôi, không ai còn nói đến cái xấu của cụ ông nữa, cô cứ đi hỏi tất cả người làng này xem có phải thế không.

— Tôi xin bà đừng khen cháu quá lời làm vậy.

— Không phải thế đâu, cô bảo người ta đừng ca-tụng công đức của cô, nhưng người ta vẫn quý cô, kính trọng cô thì cô làm thế nào? Thôi nhưng mà cô ơi, trước kia cô có nói rằng



anh Ngô-tâm nó nên quên cô đi, song nào quan Đại-Tướng, nào tôi đồ mãi có được đâu, càng nói bao nhiêu lại như gọi thêm cái mối sầu lên vậy. Cô ơi, cô đừng dẫu tôi nữa, tôi đã từng trải nhiều điều khắt khe của chữ tình rồi cô nên nghe tôi đi, vả lại ban nãy tôi có hỏi cô rằng đó có phải là lòng khuynh hướng của cô không, cô vẫn e lệ không dám nói ra. Phải rồi, cô có muốn đi tu đâu, và cô vẫn có lòng yêu anh cả nó mà. . . . . »

Cô Bạch-Tuyết dẫu mặt vào hai bàn tay khóc.

— Bà ơi, tôi là một đứa con gái khốn nạn mà !

— Cô ơi, phải bây giờ cô chẳng có đồng nào vì cô không muốn lấy của phi nghĩa, nếu không đã sang trọng biết bao ? Thôi cô ơi, nếu cô nghèo, chúng tôi cũng muốn như thế thôi, chứ anh cả nó có biết cụ ông nhiều tiền mới yêu cô đâu ? Và khi quan Đại-Tướng nhà tôi hỏi cô, cho anh nó có nói đến tiền hồi môn đâu ? Ấy chính là cô có đức-hạnh tốt nên muốn cưới cô về làm dâu đó thôi, chứ giàu có, nhiều tiền hồi môn mà vô-loại cũng bằng thừa, ai kể vào đâu. Vả nếu cô muốn chút của hồi-môn tôi cũng cho, tôi cũng có của riêng, cô đừng có ngại điều ấy, nhưng cô nào có nghĩ đến việc ấy cơ chứ. . .

Tôi chỉ muốn cô ngỏ cho biết rằng cô vẫn có lòng yêu anh nó là đủ. . . . Quan Đại-Tướng nhà tôi vẫn có lòng thương cô, chị Hồng-Vân nó vẫn có lòng quý cô, cả nhà tôi trông thấy cô cũng điều vui vẻ cả, thôi cô nhận nhờ đi cho tôi bằng lòng.

— Bà đã dạy, cháu xin . . . . vâng theo . . . .

Ngay chiều hôm ấy bà Ngô-Lộc bèn viết giấy về nói truyện đề quan Đại-Tướng cùng cậu Ngô-Tâm biết đề định ngày cưới. Về phần cô Bạch-Tuyết, cô cũng viết giấy lên trường đề cảm ơn các bà đã có lòng từ thiện cho cô nương nấu bầy lẩu và trước kia đã hết lòng trông nom dạy dỗ cô, sau nói đề các bà biết cho rằng cô không thể đi tu được và xin đi xuất-giả, hiện tạm lưu ở nhà bảo mẫu cô đến khi đi lấy chồng. . . .

Cách tuần lễ sau, cô tiếp được thư ở trường giả nhờ cho tôi biết đại khái nói rằng : « Cô Bạch-Tuyết con ơi, cô định đi xuất



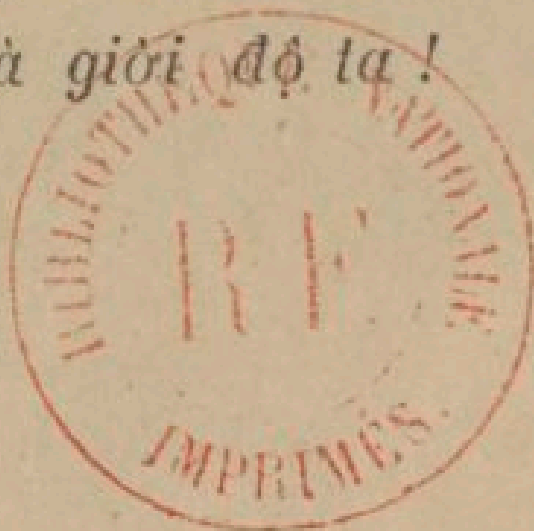
« giá, chúng tôi ở đây thiệt mất một người chân tu, xong cứ như  
« tin mừng cô cho chúng tôi biết, chúng tôi không đáng buồn, lại  
« mừng thêm cho cô nữa. Chúng tôi đã sét kỹ rồi khi cô nương-  
« náu ở đây, định đi tu thật, nhưng bôn tính cô sinh ra có cốt đề  
« tu hành đâu, nên cô có cưỡng cũng không sao được. Lắm khi  
« cô cũng nghĩ đến cậu Ngô-Tâm luôn, muốn nén đi không nổi,  
« chúng tôi thường thấy cô khóc vụng, nước mắt còn dính ở mặt,  
« chúng tôi vẫn tự nghĩ rằng chả ké nào nỡ cắt mái tóc đẹp của  
« cô đi. Thế nào cô cũng phải suất giá, rõ ràng sự đã quả nhiên,  
« như thế cô sẽ được sung sướng, vì chính đó mới là theo tính  
« giới. Cô sinh ra không phải để tu kín một mình mà phải yêu  
« chồng quý con tùy theo từng tính người mới được. Cô chỉ nên  
« biết rằng bất cứ là tu hành hay là suất giá, người đàn bà bao  
« giờ cũng hầu hạ được chúa giới, miễn là phải làm cho hết  
« nghĩa vụ mình và bao giờ cũng phải có lòng từ tâm mới được.  
« Thôi bấy nhiêu cũng đủ, chúng tôi chúc cô vui vầy cả nước  
« duyên ưa, bách niên giai lão v. v. »

Có Bạch-Tuyết xem thơ, lòng rất cảm động, thật là nhờ  
vàng ngọc các bà đã chỉ bảo cho, ơn hải hà ấy xin khắc  
cốt minh tâm . . .

Ngày qua tháng lại, chả mấy chốc mà hai năm tròn, đoạn  
tang dâu đầy liền đến ngày vu-quy của cô. Chả cần nói các  
độc-giả cũng biết rằng khi cô dâu ở nhà bảo-mẫu đi ra, mọi  
người điều đồ sộ ra mà chúc mừng một đôi tài-tử giai-nhân  
đến khi làm lễ nhà thờ xong lên xe ra về nhà giai mà tiếng  
mừng còn vang tận nẻo xa mới thôi. Thật là:

*Hiền lành lấy tiếng với đời,  
Lòng người yêu dấu là giới độ ta !*

HẾT





<https://tieulun.hopto.org>







Imp. Nam-Việt Nam-Dinh